

Cơ quan phê duyệt
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM

Cơ quan thẩm định
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ NGÃ NĂM

Cơ quan tổ chức lập
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THỊ XÃ NGÃ NĂM

Đơn vị tư vấn
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG

MỤC LỤC

PHẦN I. NỘI DUNG THUYẾT MINH	5
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ MỸ QUỚI.....	5
CHƯƠNG I.....	5
PHẦN MỞ ĐẦU	5
1. Lý do sự cần thiết lập quy hoạch:	5
2. Quan điểm, mục tiêu của việc lập điều chỉnh quy hoạch:	6
3. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:.....	8
4. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch:.....	8
CHƯƠNG II.....	14
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP.....	14
1. Hiện trạng về điều kiện tự nhiên:	14
2. Hiện trạng dân số:	25
3. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp:	27
4. Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất:	32
5. Hiện trạng về nhà ở:	36
6. Hiện trạng về Công trình công cộng:	37
7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:	51
8. Hiện trạng môi trường:.....	56
9. Hiện trạng các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch:	56
10. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:	57
11. Đánh giá tổng hợp phân hiện trạng:	58
CHƯƠNG III.....	61
XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ 61	
1. Dự báo quy mô dân số, lao động:	61
2. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:.....	63
3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất:	74
4. Xác định quy mô đất xây dựng:	77
CHƯƠNG IV	80
ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ.....	80
1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo:.....	80
2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:.....	84
3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và khu hiện hữu:	91
4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:	93
5. Định hướng tổ chức kết hợp khu chức năng khác trên địa bàn xã:.....	95
CHƯƠNG V. QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CÁC	98
ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN XÃ MỸ QUỚI, Error! Bookmark not defined.	
THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG	Error! Bookmark not defined.
MỤC I. QUY ĐỊNH CHUNG	98
Điều 1. Mục tiêu:.....	98
Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:	98

Điều 3. Giải thích từ ngữ:.....	98
Điều 4. Nguyên tắc quản lý kiến trúc :.....	100
MỤC II. QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, KHÔNG GIAN CẢNH QUAN.....	102
Điều 5. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan:	102
Điều 6. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc:	113
Điều 7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù:.....	114
Điều 8. Quy định quản lý kiến trúc các loại hình công trình:	114
Điều 9. Quy định khác:	123
Điều 10. Quy định chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật:	128
Điều 11. Quản lý đường giao thông trong khu vực trung tâm xã:.....	128
Điều 12. Quản lý hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:.....	129
MỤC III.....	130
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	130
Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:	130
Điều 14. Kiểm tra, thanh tra, báo cáo và xử lý vi phạm:	133
Điều 15. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế:.....	133
Điều 16. Điều khoản thi hành:	133
Điều 17. Các quy định khác:	133
Điều 18. Án hành và lưu trữ:	133
CHƯƠNG VI.....	135
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	135
1. Cơ cấu sử dụng đất toàn xã:.....	135
2. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn:	137
3. Thông số kỹ thuật chính của từng loại đất (đất nông nghiệp, đất xây dựng, các loại đất khác) theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	140
CHƯƠNG VII.....	142
QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	142
ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT TRONG PHẠM VI XÃ	142
1. Giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật:.....	142
2. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa:.....	143
3. Quy hoạch giao thông:	144
4. Hạ tầng phục vụ sản xuất:	155
5. Quy hoạch cấp điện:	155
6. Quy hoạch cấp nước:.....	156
7. Quy hoạch thoát nước bản:	157
8. Vệ sinh môi trường:	157
9. Nghĩa trang:.....	158
CHƯƠNG VIII.....	159
ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	159
1. Đánh giá Hiện trạng môi trường:	159
2. Dự báo, đánh giá tác động đến môi trường của phương án quy hoạch:	160
3. Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch:.....	161

4. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự thực hiện:	163
CHƯƠNG IX	165
DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	165
1. Các nhóm dự án:	165
2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và kế hoạch thực hiện:	165
CHƯƠNG X	167
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	167
1. Kết luận:	167
2. Kiến nghị:	167
PHẦN II: QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN	168
CHƯƠNG I	168
QUY ĐỊNH CHUNG	168
Điều 1. Phạm vi áp dụng:	168
Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:	168
CHƯƠNG II	170
QUY ĐỊNH CỤ THỂ	170
MỤC 1. QUẢN LÝ THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (QUẢN LÝ CỨNG)	170
Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư:	170
Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:	171
Điều 5. Đất sản xuất:	177
Điều 6. Đất cây xanh:	177
Điều 7. Các khu vực bảo tồn, di tích, thắng cảnh, cấm xây dựng:	178
Điều 8. Khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng:	178
Điều 9. Công trình hạ tầng kỹ thuật:	178
MỤC 2. QUẢN LÝ THEO ĐẶC ĐIỂM CỦA TỪNG ĐỊA PHƯƠNG, VÙNG MIỀN (QUẢN LÝ MỀM, THEO HƯỚNG ƯỚC VÙNG MIỀN).	185
Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn:	185
Điều 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:	185
CHƯƠNG III	185
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	185
Điều 12.	185
Điều 13.	186
Điều 14.	186
PHỤ LỤC	187
BẢN VẼ	187

PHẦN I. NỘI DUNG THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ MỸ QUỚI

TÊN ĐỒ ÁN:

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÃ MỸ QUỚI,

THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

CHƯƠNG I

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do sự cần thiết lập quy hoạch:

- Nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Tỉnh nói chung và thị xã nói riêng. Trong đó, việc quy hoạch Xây dựng nông thôn mới của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng là nhiệm vụ cấp thiết trong tình hình hiện nay.

- Xã Mỹ Quới là một trong tám xã, phường của thị xã Ngã Năm, có vị trí và địa thế hết sức quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như quốc phòng và an ninh. Trong tương lai và lộ trình phát triển đô thị cả nước nói chung và thị xã Ngã Năm nói riêng từng bước phát triển. Cho nên, việc định hướng cho xã đạt các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao và định hướng xây dựng khu vực trung tâm xã hoàn thiện theo tiêu chí của đô thị loại V, hướng đến nâng cấp lên đô thị loại IV ở giai đoạn sau là hết sức cần thiết, tuy nhiên để đáp ứng đủ các tiêu chí này vẫn phải từng bước thực hiện và có kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển.

- Để thực hiện mục tiêu trên, cần xem xét điều chỉnh đồ án Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phù hợp hơn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đưa xã Mỹ Quới thành một trong những trung tâm hành chính quan trọng hàng đầu của thị xã; tạo ra nguồn lực để phát triển kinh tế-xã hội, phù hợp với yêu cầu của quá trình CNH-HĐH và xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật (như giao thông, cấp nước, cấp điện, thoát nước bản, vệ sinh môi trường, y tế, giáo dục, thông tin liên lạc, dịch vụ thương mại và nhà ở, ...) hiện đại tương ứng với quá trình phát triển; là cơ sở để huy động mọi nguồn lực vào mục đích cải tạo, mở rộng và xây dựng xã Mỹ Quới phù hợp với quy hoạch chung của thị xã và quy định pháp luật.

- Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới giai đoạn 2011-2020 đã được thực hiện vào năm 2011, điều chỉnh vào năm 2017. Theo

suốt quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương, tình hình phát triển kinh tế và các tiêu chí về nông thôn mới cũng thay đổi so với đồ án quy hoạch trước đây. Do đó, việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn này là hết sức cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu và thực hiện các kế hoạch đầu tư xây dựng lâu dài, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

- Căn cứ vào Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của thủ tướng chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Sửa đổi và ban hành hợp nhất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, Quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025; các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới cũng đã thay đổi so với trước đây dẫn đến quy hoạch chung trước đây phê duyệt đã không còn phù hợp với tình hình mới.

- Việc Điều chỉnh quy hoạch nhằm cơ cấu lại mạng lưới giao thông, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của người dân

- Làm cơ sở cho công tác quản lý cũng như lập kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình theo các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn toàn xã.

2. Quan điểm, mục tiêu của việc lập điều chỉnh quy hoạch:

2.1. Quan điểm:

- Sử dụng đất hiệu quả, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các dự án thu hút đầu tư nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung trên địa bàn thị xã gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng, gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái. Nghiên cứu cải tạo, xây dựng, mở rộng các khu vực chưa đảm bảo theo các tiêu chí về chuẩn xã nông thôn mới. Tập trung đầu tư xây dựng xã nông thôn mới bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Quy hoạch xây dựng xã trở thành mô hình thực tế về nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: Có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội hiện đại, có hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế, xã hội của thị xã trong phát triển xây dựng trên địa bàn xã đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, phù hợp hơn với các tiêu chí nông thôn mới và định hướng xây dựng khu vực trung tâm xã hoàn thiện theo tiêu chí của đô thị loại V, hướng đến nâng cấp lên đô thị loại IV ở giai đoạn sau, đưa xã Mỹ Quới thành một trong những trung tâm hành chính quan trọng hàng đầu của thị xã; tạo ra nguồn lực để phát triển kinh tế-xã hội, phù hợp với yêu cầu của quá trình CNH-HĐH và xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam; xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, cập nhật các dự án đang thực hiện và chuẩn bị thực hiện trên địa bàn xã Mỹ Quới, điều chỉnh quy hoạch nhằm bổ sung các tiêu chí chưa phù hợp với các quy định mới về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Quy hoạch chung xã Mỹ Quới phải có tính kế thừa và phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Sửa đổi và ban hành hợp nhất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, Quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025, đảm bảo đáp ứng nhu cầu về tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã; tạo liên kết trong khu vực, liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Quy hoạch định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn theo hướng tiết kiệm đất sản xuất nông nghiệp, đảm bảo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, quản lý sử dụng đất đai có hiệu quả. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, cải tạo môi trường, gắn kết giữa sản xuất và phục vụ đời sống trên địa bàn xã.

- Quy hoạch định hướng phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân nhằm giảm khoảng cách về đời sống, sinh hoạt của người dân giữa đô thị và nông thôn.

- Khai thác hiệu quả các lợi thế về tài nguyên, lao động và hạ tầng tại địa phương, ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp có quy mô hợp lý. Làm cơ sở để lập kế hoạch đầu tư phát triển, chủ động quỹ đất, huy động các nguồn vốn đầu tư.

3. Phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu trên toàn xã Mỹ Quới, địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Mỹ Bình, Phường 3.
- Phía Đông giáp: xã Vĩnh Lợi - huyện Thanh Trị.
- Phía Nam giáp: tỉnh Bạc Liêu.
- Phía Tây giáp: tỉnh Bạc Liêu.

Xã Mỹ Quới có 9 Ấp: Mỹ Tây A, Mỹ Tây B, Mỹ Tường 1, Mỹ Tường A, Mỹ Tường B, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Đông 1, Mỹ Đông 2.

Quy mô diện tích toàn xã: 2.937,97 ha¹.

4. Các căn cứ pháp lý lập quy hoạch:

4.1. Các cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính Phủ về ban hành quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng;
- Tiêu chuẩn Thiết kế quy hoạch xây dựng nông thôn TCVN 4454:2012;

¹ Theo số liệu của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ngã Năm được phê duyệt tại Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Nghị Quyết số 09-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóá XIV về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Thông tư số 08/2021/TT-BXD ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định chi phí lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc;

- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành kế hoạch triển khai nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của thủ tướng chính phủ về “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”;

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành

phổ trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của thủ tướng chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 3094/BXD-QHKT ngày 09/8/2022 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”

- Nghị Quyết số 09-NQ/TU ngày 23/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIV về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Sóc Trăng”.

- Công văn số 21/BCĐSNV-VPĐP ngày 15/03/2022 của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Sóc Trăng về việc đề xuất mức quy định cụ thể đối với một số tiêu chí và hướng dẫn thực hiện, đánh giá tiêu chí nông thôn mới các cấp (xã, huyện) ở các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025;

- Công văn số 58/VPĐP-NV ngày 04/5/2022 của Văn phòng điều phối nông thôn mới, UBND tỉnh Sóc Trăng về việc tiếp tục phối hợp, rà soát đề xuất mức quy định cụ thể đối với một số tiêu chí và hướng dẫn thực hiện, đánh giá tiêu chí nông thôn mới các cấp (xã, huyện) ở các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ngã Năm.

- Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Sửa đổi và ban hành hợp nhất Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, Quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 – 2025;

- Hướng dẫn số 01/HD-BCĐUBND ngày 31/7/2024 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Sóc Trăng Thực hiện, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí, công nhận đạt chuẩn và thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công nhận Trung tâm xã Mỹ Quới, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đặt đô thị loại V;

- Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc công nhận xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đạt chuẩn nông thôn mới;

- Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 của UBND thị xã Ngã Năm về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 04/1/2019 của UBND thị xã Ngã Năm về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 15/03/2024 của UBND thị xã Ngã Năm Về việc giao bổ sung nhiệm vụ chủ đầu tư các Đồ án quy hoạch trên địa bàn thị xã Ngã Năm;

- Quyết định số 1493/QĐ-UBND ngày 10/07/2024 của UBND thị xã Ngã Năm về việc Phê duyệt Nhiệm vụ và Dự toán Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Công văn số 343/QLĐT ngày 07/10/2024 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Ngã Năm Về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư đối với Đồ án quy hoạch Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Biên bản ngày 05/11/2024 Về việc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến đối với Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Báo cáo số 17/BC-TTQH ngày 19/11/2024 của Trung tâm Quy hoạch Xây dựng – Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng Về việc tổng hợp ý kiến đóng góp của Cơ quan và Cộng đồng dân cư đối với Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Công văn số 401/QLĐT ngày 22/11/2024 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Ngã Năm Về việc lấy ý kiến các phòng, ngành thị xã đối với Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 198/BC-CCTK ngày 28/11/2024 của Chi cục Thống kê khu vực Thạnh Trị - Ngã Năm Về việc lấy ý kiến đóng góp trước khi trình phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 199/PKT ngày 29/11/2024 của Phòng Kinh tế thị xã Ngã Năm Về việc góp ý Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 1142/PGDĐT ngày 29/11/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Ngã Năm Về việc góp ý Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới;

- Công văn số 1294/BCH-TM ngày 02/12/2024 của Ban chỉ huy quân sự thị xã Ngã Năm về việc trả lời lấy ý kiến về Đồ án quy hoạch chung xã Mỹ Quới;

- Công văn số 291/TNMT ngày 03/12/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ngã Năm Về việc góp ý đối với Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn số 478/PVHTT ngày 03/12/2024 của Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã Ngã Năm Về việc lấy ý kiến đối với Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

- Báo cáo số 24/BC-TTQH ngày 12/12/2024 của Trung tâm Quy hoạch Xây dựng – Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng Về việc tổng hợp ý kiến đóng góp của Các Cơ quan, tổ chức có liên quan đối với Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Công văn số 1283/UBND-QLĐT ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm Về việc lấy ý kiến đóng góp trước khi phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;

- Công văn số 3529/SXD-QHKT ngày 20/12/2024 của Sở Xây dựng về việc góp ý dự thảo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;

- Báo cáo số 36/BC-TTQH ngày 23/12/2024 của Trung tâm Quy hoạch Xây dựng – Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng Về việc tổng hợp ý kiến đóng góp của Sở Xây dựng đối với Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, Thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày 24/12/2024 của Hội đồng nhân dân xã Mỹ Quới Về việc thông qua nội dung Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;

4.2. Các tài liệu, số liệu:

- Quy hoạch sử dụng đất thị xã Ngã Năm đến năm 2030.
- Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của thị xã giai đoạn 2021-2025;
- Đồ án quy hoạch đã phê duyệt trước đây;
- Bản đồ giải thửa toàn xã;
- Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040 đang được lập;
- Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.
- Niên giám thống kê, các tài liệu số liệu điều tra về kinh tế xã hội khác, các tài liệu số liệu địa chất thủy văn, địa chất công trình, chế độ thủy văn, ... và các tài liệu số liệu liên quan khác.

CHƯƠNG II

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP

1. Hiện trạng về điều kiện tự nhiên:

1.1. Đặc điểm địa lý, địa hình địa mạo:

Thị xã Ngã Năm nằm ở phía Tây tỉnh Sóc Trăng, có 08 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 03 phường, 05 xã gồm: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Xã Long Bình, Xã Mỹ Bình, Xã Tân Long, Xã Vĩnh Quới và Xã Mỹ Quới.

Xã Mỹ Quới nằm ở phía Nam của thị xã Ngã Năm, trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với đặc điểm có nhiều kênh rạch, điển hình của vùng đồng bằng sông nước, thuận lợi cho hoạt động nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, trồng màu và nuôi trồng thủy sản.

Có địa hình tương đối bằng phẳng, địa hình chung không cao, độ cao trung bình từ 0,3 - 0,9 m so với mực nước biển. Địa hình các vùng cao gồm dọc theo các tuyến Đường huyện 75, 76, 79A và các tuyến dân dọc theo lộ nông thôn, còn lại là các vùng địa hình thấp là các vùng trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, vườn tạp, rất thuận lợi cho việc bố trí hệ thống tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp.

Tuy địa hình bằng phẳng nhưng lại bị chia cắt bởi hệ thống kênh, rạch chằng chịt, các đặc tính địa chất công trình kém nên gây tốn kém trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Để đáp ứng yêu cầu sản xuất, phải đầu tư nhiều cho xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi.

1.2. Khí hậu:

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, khí hậu xã Mỹ Quới có đặc điểm giống khí hậu tỉnh Sóc Trăng nói riêng và của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung như nền nhiệt dồi dào, biên độ nhiệt ngày đêm nhỏ, nhiệt độ cao đều quanh năm, được phân hóa thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 (trùng với gió mùa Tây Nam), mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 (trùng với gió mùa Đông Bắc).

Chế độ nhiệt: Có nền nhiệt cao ít biến động, nhiệt độ trung bình hàng năm là 26,8°C, biên độ nhiệt ngày và đêm khá lớn, mùa khô chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm khoảng từ 7 - 10°C, mùa mưa chênh lệch nhiệt độ ngày - đêm thấp chỉ khoảng 4 - 7°C.

Lượng mưa: Lượng mưa trung bình năm là 1.840 mm phân bố không đều theo mùa. Lượng mưa vào các tháng mùa mưa chiếm tới 90% lượng mưa cả năm, tập trung nhiều vào các tháng 8 đến tháng 11 (trong đó tháng 9 và tháng 10

có lượng mưa cao nhất trong năm khoảng 675 mm/tháng). Mùa khô lượng mưa chỉ chiếm 10% lượng mưa cả năm, thời kỳ khô hạn nhất là vào các tháng 12, 1, 2, 3.

Nắng: Tổng số giờ nắng bình quân hàng năm khoảng 2.372 giờ. Số giờ nắng trung bình là 6,5 giờ/ngày, đặc biệt từ tháng 2 đến tháng 4 có số giờ nắng trong ngày rất cao và dao động trong khoảng từ 8,7 đến 9,4 giờ nắng/ngày; các tháng 9 và 10 có số giờ nắng thấp nhất từ 4,6 đến 4,65 giờ/ngày.

Độ ẩm không khí trung bình 83 - 84% biến đổi theo mùa và theo gió mùa. Các tháng mùa khô (từ tháng 1 đến tháng 4) độ ẩm không khí khoảng 76 - 79%, các tháng mùa mưa (tháng 6 đến tháng 11) khoảng 80 - 88%.

Lượng bốc hơi: Lượng bốc hơi hàng năm tương đối ổn định, ít biến động, trung bình năm là 1.898 mm.

Gió: Có 2 hướng gió chính là gió Đông Bắc thổi vào mùa khô; gió Tây Nam thổi vào mùa mưa, tốc độ gió trung bình năm 3,9 m/s, tốc độ gió cao nhất vào tháng 12 là 4,9 m/s, thấp nhất vào tháng 9 là 3,1 m/s.

Nhìn chung, với nắng lượng bức xạ dồi dào, nắng nhiều, nhiệt độ cao đều quanh năm (trung bình 26 – 27⁰C), rất thuận lợi cho thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và kiến tạo nhiều tầng sinh thái trong vườn cây lâu năm.

1.3. Thủy văn:

Về giao thông đường thủy xã có Sông Mỹ Tường AB, Kênh Thầy Cay Nhâm (Rộc Lá), Rạch Mỹ Tây, Kênh 19/5, Kênh Xáng (giáp ranh tỉnh Bạc Liêu),...kết nối với tỉnh Bạc Liêu, Kênh Ngã Năm Phú Lộc, Kênh Quản lộ Phụng Hiệp và các xã, phường khác trong thị xã là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra còn có một số tuyến kênh khác phục vụ giao thông, thủy lợi và cấp nước sinh hoạt dân cư nông thôn như Sông Mỹ Đông, rạch Mỹ Tân, kênh Sáu Lục, kênh Tám Quế,...

1.4. Các điều kiện tự nhiên khác:

a. Tài nguyên đất:

Đất là tài nguyên quý giá của đất nước, đối với đất thị xã Ngã Năm có vị trí khá quan trọng của tỉnh, là vùng đất phù hợp cho việc sản xuất cây lương thực, cây rau màu. Với địa thế bằng phẳng, hệ thống kênh, rạch chằng chịt rất thuận lợi cho việc rửa phèn, cải tạo đất và giao thông thủy. Tuy nhiên cùng với sự khai thác nguồn lợi từ đất cần có biện pháp bảo vệ tài nguyên đất cho thích hợp.

Theo kết quả điều tra, đánh giá đất đai năm 2019 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tài nguyên đất thị xã Ngã Năm nói chung và xã Mỹ Quới nói riêng gồm 03 nhóm chính:

* *Nhóm đất phèn*: Cùng với hệ thống thủy lợi phát triển, hệ thống đê bao khép kín đã ngăn chặn hiện tượng nhiễm mặn đối với đất đai xã Mỹ Quới, đất phèn hoạt động nông qua quá trình canh tác, rửa phèn đã hạn chế các độc chất do phèn đối với cây trồng, pH đo được trong đất phèn hoạt động nông trên đất trồng lúa là $pH_{KCl}=7,19$.

Mặc dù diện tích đất phèn chiếm đa số, tuy nhiên, với hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, thành phần cấp hạt (cát 18,97%; Limon 39% và sét 42%), độ phì nhiêu cao, địa hình, chế độ tưới tiêu phù hợp nên việc rửa phèn dễ dàng thực hiện, kỹ thuật canh tác phù hợp nên diện tích đất của xã có mức tiềm năng cao để trồng lúa, cây hàng năm chịu phèn, mặn nhẹ (mía, khóm) và một số loại cây lâu năm như Mãng Cầu, Dừa...

* *Nhóm đất phù sa mặn*: Là vùng đất ngập mặn đã được ngọt hóa cùng với các yếu tố tự nhiên (hệ thống sông ngòi, thời gian mưa, lượng mưa,...) và hoạt động sản xuất (tưới tiêu, thau chua rửa mặn, thay đổi cơ cấu cây trồng,...) cũng như những tác động của con người để thay đổi mục tiêu sử dụng là những nhân tố hạn chế sẽ quyết định diễn biến của đất mặn về diện tích mặn, mức độ mặn và động thái mặn. Vì vậy, diễn biến của đất mặn tương đối đa dạng dẫn đến ranh giới mặn, diện tích các đơn vị đất mặn ít, mặn trung bình hay mặn nhiều thường thay đổi theo mùa vụ và qua các năm. Nhóm đất mặn bao gồm 3 loại:

- Đất mặn ít: Đất mặn ít của thị xã được dao động từ ít chua đến trung tính và kiềm yếu ($pH_{KCl} = 5,0 - 7,5$). Đa số đất có hàm lượng chất hữu cơ ở tầng đất mặt từ 1 - 2,5%, đất có cấu trúc tốt, độ phì khá, các chất dinh dưỡng cân đối, ít hạn chế đối với việc tổ chức sử dụng đất nông nghiệp.

Nhìn chung loại đất này thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Ngoài ra còn có thể phát triển nuôi trồng thủy sản; nuôi cá trong vèo ở các con kênh lớn tạo thêm thu nhập cho người dân.

- Đất mặn trung bình: Loại đất này nằm ở các khu vực có địa hình ít thoát nước, đất có tầng gầy mạnh ở độ sâu từ 0 - 50 cm hoặc 50 - 125 cm. Đất có thành phần cơ giới nặng, phổ biến là đất sét. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa, nuôi trồng thủy sản,...

- Đất mặn nhiều: Đất có $Cl > 0,25\%$, tổng số muối tan: $0,40 - 1,00\%$ và $EC > 4ms/cm$. Về mùa mưa các trị số trên có thể thấp hơn, đất có thành phần cơ giới từ sét đến limon hay thịt pha sét.

Loại đất này thích hợp cho trồng lúa đặc sản chất lượng cao, tuy nhiên cần quan tâm đến vấn đề thủy lợi để cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

* *Nhóm đất lập liếp (đất nhân tác)*: Chủ yếu là các loại đất bị xáo trộn do lập liếp, còn gọi là đất lếp (ký hiệu N. Phân bố tập trung dọc theo các kênh rạch, các trục lộ giao thông lớn và các khu dân cư tập trung. Đất lếp bao gồm đất lên liếp để trồng trọt (mía, khóm, cây ăn quả...), đất xây dựng cơ bản (mục đích sử dụng chính không dùng cho canh tác và sản xuất nông nghiệp). Đất lếp là đất chịu ảnh hưởng lớn do tác động của con người, lớp phủ thổ nhưỡng dày >150 cm, tất cả các đất thổ canh thổ cư, đất xây dựng... và các đất chuyên dùng khác cũng đều được xếp vào đất này. Đất lếp khóm, mía... trong canh tác nông nghiệp là đất đã chịu ảnh hưởng tác động của con người trong khoảng 50-100 cm lớp đất mặt và chủ yếu sử dụng để sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, có thể thay đổi dạng hình lếp để phục vụ cho việc canh tác các loại cây trồng khác nhau. Tính chất lý-hóa học của loại đất này luôn biến động và phụ thuộc nhiều vào đất tại chỗ (dùng để lên lếp).

Nhóm đất lập liếp, chủ yếu là đất lập liếp trên địa hình thấp, có nguồn gốc từ đất nhiễm mặn nhẹ (đã được ngọt hóa) và đất phèn hoạt động nông, hàm lượng hữu cơ tương đối cao, độ phì nhiêu cao, nhóm đất này sau khi cải tạo và canh tác sau vài năm có chất lượng tốt, pH trung tính (hơi phèn nhẹ) thích hợp trồng các loại cây hàng năm, màu; quá trình canh tác chủ động bổ sung phân lân để hạn chế ngộ độc phèn đối với một số loại cây chịu phèn kém.

b. Tài nguyên nước:

- Thị xã Ngã Năm và xã Mỹ Quới có nguồn nước ngọt phong phú bao gồm nước mặt, nước ngầm và nước mưa. Ngoài ra nguồn nước mặt tại khu vực phù hợp trong việc trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên cũng cần phải có biện pháp bảo vệ tốt để không bị nước mặn xâm nhập.

- Tương tự như các vùng khác trong tỉnh, trên địa bàn xã có trữ lượng nước ngầm lớn, song nguồn nước có chất lượng tốt nằm khá sâu, nên chỉ khai thác cho phục vụ sinh hoạt. Ngoài ra có hệ thống sông ngòi phân bố khắp xã, phần nào đảm bảo về số lượng, chất lượng phục vụ nước sinh hoạt cho người dân, tuy nhiên nguồn nước mặt có thể bị ô nhiễm do hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Cụ thể được đánh giá qua bảng kết quả phân tích mẫu nước mặt, nước ngầm, nước mưa dưới đây:

Bảng 1: Kết quả phân tích mẫu nước mặt của TX Ngã Năm năm 2020

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	QCVN 08 Chỉ tiêu B1	So sánh chỉ tiêu B1 Test Result	Phương pháp Test <i>Method</i>
01	Nhiệt độ	°C	30,0			Máy TOA WQC -22A
02	Độ đục	NTU	69,1			Máy TOA WQC -22A
03	Độ dẫn điện	mS/m	111,3			Máy TOA WQC -22A
04	pH	-	6,65	5,5-9		Máy TOA WQC -22A
05	Oxy hòa tan (DO)	mg/L	3,11	≥ 4		Máy TOA WQC -22A
06	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	63,3	50		TCVN 6625 : 2000 (*)
07	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	32,1	30		Reactor Digestion Method
08	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/L	13,0	15		TCVN 6001 - 1 : 2008 (*)
09	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	0,040	0,05		TCVN 6178 : 1996 (*)
10	Crom (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,016	0,04		Diphenylcarbohydrazide Method
11	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	98,7			Sulfaver 4 Method
12	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	439,2	350		TCVN 6194 : 1996 (*)
13	Sắt (Fe)	mg/L	1,88	1,5		1,10 Phenanthroline Method
14	Chì (Pb)	ppm	0,00043 2	0,01		Máy cực phổ xung vi phân
15	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,01		Máy cực phổ xung vi phân
16	Tổng Coliform (Coliforms)	MPN/100 ml	2,4x10 ⁴	7500		TCVN 6187 - 2 : 1996 (*)
17	Đồng (Cu)	ppm	0,01116	0,5		Máy cực phổ xung vi phân
18	Dầu mỡ (Oil and grease)	mg/L	KPH	1		U.S.EPA 1664
19	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	0,268	10		TCVN 6178 : 1996 (*)
20	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	0,325	0,9		Salicylate Method
21	N tổng (Total)	mg/L	2,53			Persulfate Digestion

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	QCVN 08 Chỉ tiêu B1	So sánh chỉ tiêu B1 Test Result	Phương pháp Test <i>Method</i>
	Nitrogen)					Method
22	P tổng (Total Phosphorous)	mg/L	0,294			TCVN 6202 : 2008 (*)
23	Phosphate (PO ₄ ³⁻)	mg/L	0,041	0,3		TCVN 6202 : 2008 (*)

KPH: không phát hiện.

(Nguồn Trung tâm Quan trắc TN&MT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

Qua kết quả phân tích chất lượng nước mặt ở thị xã Ngã Năm trong năm 2021 của Trung tâm Quan trắc TN&MT thể hiện tại bảng 1 cho thấy hầu hết các thông số đều đạt giới hạn theo cột B1 - QCVN 08:2015/BTNMT về nước dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi. Tuy nhiên, còn một số thông số chưa đạt giới hạn như DO thấp, COD (vượt 1,07 lần); hàm lượng Cl⁻ vượt 1,26 lần, TSS vượt 1.27 lần. Chúng tôi nguồn nước mặt đã bị nhiễm mặn và ô nhiễm hữu cơ cục bộ và có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao một phần là do phù xa và thói quen của người dân trong quá trình sản xuất nông nghiệp sử dụng phân hữu cơ nhiều.

Bảng 2: Kết quả phân tích mẫu nước ngầm của TX Ngã Năm năm 2020

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	QCVN- 09 Chỉ tiêu B1	So sánh chỉ tiêu B1 Test Result	Phương pháp Test <i>Method</i>
01	pH	-	7,24	5,5 - 8,5		Máy TOA WQC -22A
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	0,400	4		Reactor Digestion Method
03	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	0,007	1		TCVN 6178 : 1996 (*)
04	Crom (Cr ⁶⁺)	mg/L	KPH	0,05		Diphenylcarbohydrazide Method
05	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	340,1			Sulfaver 4 Method
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/L		250		TCVN 6194 : 1996 (*)

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	QCVN-09 Chỉ tiêu B1	So sánh chỉ tiêu B1 Test Result	Phương pháp Test Method
			50,2			
07	Sắt (Fe)	mg/L	1,72	5		1,10 Phenanthroline Method
08	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,01		Máy cực phổ xung vi phân
09	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,005		Máy cực phổ xung vi phân
10	Tổng Coliform (Coliforms)	MPN/100ml	<3			TCVN 6187 - 2 : 1996 (*)
11	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	KPH	15		TCVN 6178 : 1996 (*)
12	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	1,47	1		Salicylate Method
13	TS	mg/L	930			TCVN 6202 : 2008 (*)
14	E.coli	(MPN/100ml)	<3	KPH		TCVN 6202 : 2008 (*)
15	CaCO ₃	mg/L	283,4	500		TCVN 6202 : 2008 (*)
16	Zn	mg/L	KPH	3		TCVN 6202 : 2008 (*)
17	F ⁻	mg/L	0,900	1		TCVN 6202 : 2008 (*)
18	Na ⁺	mg/L	232,6			TCVN 6202 : 2008 (*)
19	Mn	mg/L	0,07	0,5		TCVN 6202 : 2008 (*)
20	K ⁺	mg/L	92,1			TCVN 6202 : 2008 (*)

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	QCVN-09 Chỉ tiêu B1	So sánh chỉ tiêu B1 Test Result	Phương pháp Test Method
21	Cu	mg/L	0	1		TCVN 6202 : 2008 (*)

KPH: không phát hiện

(Nguồn Trung tâm Quan trắc TN&MT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

Theo bảng 2 kết quả so sánh trên cho thấy nguồn nước ngầm được lấy ở các giếng khoan của người dân đang sử dụng tại trạm đo ở Ngã Năm còn khá tốt, hầu hết các thông số đều đạt giá trị giới hạn của các thông số chất lượng nước dưới đất theo QCVN 09:2015/BTNMT.

Bảng 3: Kết quả phân tích mẫu nước mưa của TX Ngã Năm năm 2020

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	Phương pháp Test Method
01	Độ dẫn điện	mS/m	20,2	Máy TOA WQC -22A
02	pH	-	5,97	Máy TOA WQC -22A
03	Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/L	KPH	TCVN 6178 : 1996 (*)
04	Crom (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,010	Diphenylcarbohydrazide Method
05	Sulphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	1,10	Sulfaver 4 Method
06	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	1,22	TCVN 6194 : 1996 (*)
07	Chì (Pb)	ppm	KPH	Máy cực phổ xung vi phân

STT	Tên chỉ tiêu <i>Specifications</i>	Đơn vị tính <i>Measuring Unit</i>	Kết quả	Phương pháp <i>Test Method</i>
08	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	Máy cực phổ xung vi phân
09	Đồng (Cu)	ppm	KPH	Máy cực phổ xung vi phân
10	Nitrat (NO_3^-)	mg/L	0,169	TCVN 6178 : 1996 (*)
11	Amoni (NH_4^+)	mg/L	0,043	Salicylate Method
12	Phosphate (PO_4^{3-})	mg/L	0,343	TCVN 6202 : 2008 (*)
13	Ca^{2+}	mg/L	2,43	TCVN 6202 : 2008 (*)
14	Mg^{2+}	mg/L	1,37	TCVN 6202 : 2008 (*)
15	Zn	mg/L	KPH	TCVN 6202 : 2008 (*)

KPH: không phát hiện.

(Nguồn Trung tâm Quan trắc TN&MT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

Theo bảng trên thì kết quả phân tích nước mưa ở Ngã Năm là khá tốt, ít bị nhiễm các chất có gây hại đến sức khỏe cộng đồng cũng như sử dụng vào các mục đích khác.

c. Tài nguyên rừng:

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2024, toàn xã Mỹ Quới không có diện tích đất rừng sản xuất. Ngoài ra còn ở một số ấp trồng tràm lẻ xen lẫn với cây lâu năm khác không đáng kể. Ở đây có hệ thống thực vật chủ yếu là tràm, dừa nước,... là nơi cư trú của nhiều loài động vật, thực vật hoang dã và là môi trường thuận tiện cho các loài thủy hải sản phát triển.

d. Tài nguyên nhân văn:

Lịch sử hình thành vùng đất và con người của Ngã Năm nói chung và xã Mỹ Quới nói riêng gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của các dân tộc tỉnh Sóc Trăng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Toàn xã có 03 dân tộc anh em sinh sống là dân tộc Kinh, Khmer và Hoa. Nhân dân các dân tộc trong xã luôn đoàn kết một lòng khai hoang lập ấp, chống chọi với thiên nhiên,

đánh đuổi giặc ngoại xâm đã tạo cho con người Ngã Năm đặc tính không chịu khuất phục trước thiên nhiên, anh dũng, kiên cường trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, cần cù năng động sáng tạo trong lao động sản xuất.

Ngày nay cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân xã Mỹ Quới luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, cần cù sáng tạo trong lao động, sản xuất. Đã đạt được những thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt kinh tế - văn hóa - xã hội. Mặt khác kế thừa những thành quả đã đạt được, tranh thủ thời cơ, phát huy truyền thống vốn có, Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân xã Mỹ Quới đang vững bước, cùng với cả nước, tỉnh Sóc Trăng vượt qua những khó khăn thách thức thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Nền văn hoá ở Ngã Năm mang đậm bản sắc văn hoá vùng Đồng bằng sông Cửu Long là nền “Văn minh sông nước, văn hoá miệt vườn”. Là địa bàn sinh sống chủ yếu của người Kinh, và số ít là Khmer, Hoa, vì vậy nền văn hoá mang những nét văn hoá đặc sắc riêng của từng dân tộc, tuy mỗi dân tộc có phong tục tập quán riêng nhưng bao đời nay vẫn sống hoà thuận, đoàn kết, hội nhập vào cộng đồng chung và đã cùng nhau tạo nên một bản sắc văn hoá độc đáo. Nét văn hoá đặc biệt nhất ở đây chính là đờn ca tài tử đã thấm sâu vào lòng người, được nhân dân trong và ngoài nước biết đến. Đờn ca tài tử luôn được trau dồi, rèn giũa và gìn giữ như một nét đẹp truyền thống trong sinh hoạt văn hoá của nhân dân vùng sông nước Đồng bằng sông Cửu Long.

Kế tục và phát huy truyền thống của cha ông ta ngày xưa, ngày nay Đảng bộ và nhân dân Mỹ Quới đang ra sức phấn đấu xây dựng xã trở thành “xã Nông thôn mới nâng cao”.

e. Cảnh quan môi trường:

Có cảnh quan môi trường đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long với hệ thống sông ngòi chằng chịt.

1.5. Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường và các hệ sinh thái:

Về biến đổi khí hậu, là xã nông nghiệp thuộc tỉnh Sóc Trăng, những năm gần đây Mỹ Quới cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ thủy triều biển Đông là bán nhật triều không đều. Dự báo trong thời gian tới, những diễn biến thất thường của thời tiết có thể ngày càng phức tạp nên những rủi ro từ thiên nhiên ngày càng khó lường hơn.

- Thiên tai: Bão không gây ảnh hưởng lớn đối với đất liền, đôi khi có giông lớn cộng với mưa làm nước sông dâng lên cao gây úng lụt cục bộ ở những

khu vực địa hình thấp trũng. Tuy nhiên tỉnh đã có xây dựng đê bao khép kín nên địa bàn xã cũng ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

Theo kết quả điều tra đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đánh giá ô nhiễm đất lần đầu tỉnh Sóc Trăng năm 2019, môi trường đất thị xã Ngã Năm chưa bị ô nhiễm kim loại nặng, thuốc bảo vệ thực vật...chất lượng đất có độ phì nhiêu cao, pH đất ở mức chua nhẹ (6 – 7). Tuy nhiên, chất lượng đất đang có xu hướng bị suy giảm độ phì, thoái hóa, bạc màu do việc thâm canh, sử dụng nhiều phân bón hóa học

Hiện nay, nguồn nước mặt chịu sự tác động từ nhiều nguồn ô nhiễm: công nghiệp, nông nghiệp, thương mại - dịch vụ,... Đối với thị xã Ngã Năm và xã Mỹ Quới là vùng có địa hình tương đối trũng thấp, nguồn nước mặt chịu sự tác động bởi các nguồn thải từ sản xuất nông nghiệp, các khu dân cư, hoạt động của chợ, chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

- Môi trường các hệ sinh thái: Cảnh quan xã Mỹ Quới mang nét đặc trưng vùng đồng bằng sông nước với hệ thống kênh rạch chằng chịt, các tuyến dân cư phân bố dọc theo các trục giao thông và kênh mương tạo nên bức tranh thiên nhiên thanh bình của vùng đồng bằng sông nước.

1.6. Đánh giá, nhận xét chung:

- Thuận lợi:

Nhìn chung vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và cảnh quan môi trường của Mỹ Quới có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển nền kinh tế - xã hội:

Mỹ Quới có vị trí địa lý kinh tế thuận lợi, có khả năng kết nối với các trung tâm đô thị lớn trong vùng bằng hệ thống giao thông đường bộ, thủy. Các tuyến Đường huyện đi qua xã giúp kết nối trực tiếp với hệ thống đường bộ quốc gia Quản Lộ - Phụng Hiệp, tuyến quốc lộ 61B, tạo điều kiện cho xã đẩy nhanh giao thương, thúc đẩy mạnh phát triển sản xuất một cách toàn diện nền kinh tế.

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi, khí hậu ôn hòa, cảnh quan thiên nhiên đặc trưng của vùng sông nước, các sản phẩm đặc trưng của địa phương nên Mỹ Quới có nhiều tiềm năng phát triển các loại hình du lịch sinh thái. Ngoài ra, kết hợp với hệ thống kênh mương, sông, rạch phân bố khá đều là điều kiện để phát triển nông nghiệp toàn diện bao gồm cây lúa, rau màu, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản,...; tạo điều kiện tiêu thoát nước, giảm cường độ nhiệt, tạo cảnh quan sinh thái, cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt của người dân, mang lại nguồn phù sa và các nguồn lợi thủy sản dồi dào.

- Với tiềm lực lớn về đất đai: quỹ đất rộng, địa hình bằng phẳng, nguồn nước ngọt dồi dào quanh năm, thổ nhưỡng thích hợp nên có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao.

- Khó khăn:

Địa hình tương đối bằng phẳng nhưng do xã nằm trong vùng trũng của tỉnh Sóc Trăng nên vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng đòi hỏi cao, gặp khó khăn trong vấn đề cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, với diễn biến khó lường của yếu tố thời tiết làm cho nước mặn xâm nhập ngày càng thường xuyên hơn với nồng độ khá cao.

Nguồn nhân lực có trình độ học vấn và trình độ tay nghề thấp, lao động phổ thông chiếm đa số, kinh nghiệm và việc tiếp thu, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất không đồng đều, liên kết kinh tế trong nội bộ nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp còn khá lỏng lẻo. Công tác thu hút nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề kỹ thuật cao để phát triển kinh tế còn nhiều hạn chế. Ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất còn chậm.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội về cơ bản đã hình thành nhưng chất lượng còn hạn chế. Hệ thống giao thông chưa đồng bộ, chưa đạt chuẩn quy định. Hệ thống thủy lợi chưa được đầu tư hoàn chỉnh. Công tác quản lý duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình còn nhiều bất cập....

Xuất phát điểm của nền kinh tế còn thấp, qui mô nền kinh tế còn nhỏ, năng suất lao động và trình độ công nghệ thấp, sức cạnh tranh kém, khả năng thu hút nguồn vốn còn nhiều hạn chế, còn nhiều yếu tố chưa đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế; thu nhập của nông dân còn thấp và chưa ổn định. Các ngành phi nông nghiệp chưa thực sự tạo ra động lực đột phá phát triển.

2. Hiện trạng dân số:

2.1. Hiện trạng dân số và lao động:

2.1.1. Dân số toàn xã:

- Cập nhật theo số liệu mới nhất của Ngành Công an quản lý thị trấn toàn xã có 2.540 hộ với 11.066 nhân khẩu, chủ yếu có 03 đồng bào dân tộc (Kinh, Hoa, Khmer) cùng dân xen sinh sống. Trong đó: Dân tộc Kinh có 10.586 nhân khẩu, Khmer có 379 nhân khẩu và dân tộc Hoa có 25 nhân khẩu.

Bảng 4: Hộ, nhân khẩu, quản lý trên địa bàn Mỹ Quới

STT	Ấp	Tổng Số hộ	Nhân Khẩu				Tổng
			Dân tộc	Dân tộc	Dân tộc	Khác	

			Kinh	Khmer	Hoa		nhân khẩu
1	Mỹ Thành	619	2.520	12	13	-	2.545
2	Mỹ Tây A	206	811	21	3	-	835
3	Mỹ Tây B	308	1.122	279	1	-	1.402
4	Mỹ Tường A	212	926	15	1	-	942
5	Mỹ Tường B	239	1.051	8	6	-	1.065
6	Mỹ Tường 1	215	946	4	-	-	950
7	Mỹ Đông 1	196	839	18	-	-	911
8	Mỹ Đông 2	197	881	13	-	-	894
9	Mỹ Thọ	355	1.490	9	1	-	1.522
	Tổng số	2.540					11.066

Nguồn: Danh Sách Hộ, nhân khẩu, quản lý trên địa bàn Mỹ Quới của Công An xã Mỹ Quới ngày 15/5/2024.

2.1.2. Lao động và làm việc toàn xã:

- Dân số trong độ tuổi lao động là 5.973 người, chiếm tỉ lệ 53,97%

Nguồn: Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 17/11/2023 của UBND xã Mỹ Quới về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo hiện đạt 76,20%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 40,63%.
- Hiện toàn xã có khoảng trên 90% lao động lĩnh vực nông nghiệp và đây cũng là ngành kinh tế chủ lực của địa phương.

Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn xã Mỹ Quới;

2.2. Đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư:

- Tỉnh Sóc Trăng là mái nhà chung của cộng đồng 03 dân tộc anh em Kinh - Khmer - Hoa sinh sống cộng cư với nhau. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển vùng đất Sóc Trăng, 03 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa đã kề vai sát cánh, chia sẻ ngọt bùi trong lao động sản xuất, trong đấu tranh chống áp bức, bất công, chống giặc ngoại xâm, trong xây dựng và bảo vệ quê hương.

- Dân cư chủ yếu sống phân bố dọc trên các tuyến đường chính như Đường huyện 75, 76, 79A, 79C, Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B và khu vực trung tâm xã, các tuyến đường trục ấp,...

3. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp:

3.1. Hiện trạng phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp:

Mỹ Quới là xã nông nghiệp nên công tác chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp được đặc biệt quan tâm. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo Đề án của Thị xã và của xã; Tăng cường chỉ đạo sản xuất lúa chất lượng cao, lúa đặc sản; liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, đại lý trong bao tiêu vật tư đầu vào và ký kết hợp đồng thu mua lúa cho người dân. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình số 02-CTr/TU, ngày 20/8/2020 của Thị uỷ về tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp, toàn diện; Chương trình số 14-CTr/ĐU, ngày 29/12/2022 của Đảng uỷ về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông thôn, nông dân đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045.

Tập trung chỉ đạo nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả, mô hình đa canh, mô hình nuôi thủy sản phù hợp với tình hình thực tế của địa bàn; chuyển đổi diện tích đất vườn, cây hàng năm kém hiệu quả sang trồng các loại cây, con có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh sử dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, sản xuất tập trung, gắn với thị trường tiêu thụ. Xã đã tập trung vào công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi triển khai sâu rộng trong chính quyền và quần chúng nhân dân, đến nay đã mang lại hiệu quả đáng kể, các trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp được đầu tư và nâng cấp, hợp tác xã và tổ hợp tác được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, diện tích lúa đặc sản ngày càng mở rộng.

Mỹ Quới là một xã có nền kinh tế thuần nông, chủ yếu là trồng lúa kết hợp với trồng màu và chăn nuôi. Trên cơ sở phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, ngoài thế mạnh là trồng lúa thì diện tích trồng các loại cây rau màu cũng được tận dụng để sản xuất.

a. Trồng trọt:

Trong năm 2023 tổng diện tích xuống giống đạt 4.808,28ha. Năng suất bình quân 6,4 tấn/ha, tổng sản lượng 31.253,82 tấn. Trong đó diện tích lúa đặc sản, chất lượng cao đạt 4.678,46 ha chiếm 97,3% diện tích, sản lượng 30.409,9 tấn.

- Trồng màu, cây ăn trái: Phát triển 463ha, trong đó cây ăn trái 165 ha.

b. Nuôi trồng thủy sản:

Trong năm 2023 diện tích nuôi thủy sản đạt 407 ha. Tổng sản lượng khai thác và nuôi thủy sản đạt 2.460 tấn.

Nhìn chung nuôi trồng thủy sản hiện nay mang tính nhỏ lẻ và chưa thực sự mang lại sự khởi sắc cho việc phát triển kinh tế của địa phương, chưa vững chắc do còn phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên và giá cả thị trường tiêu thụ. Yêu cầu về sự đầu tư về cơ sở vật chất – kỹ thuật công nghệ và nguồn vốn cho người nuôi trồng.

c. Chăn nuôi:

Tổng đàn gia súc là 7.290 con và gia cầm 175.500 con, đã mang lại hiệu quả kinh tế, hình thức chăn nuôi chủ yếu là nhỏ lẻ theo hộ gia đình, góp phần giải quyết việc làm tại chỗ và tăng thu nhập cho một bộ phận nông dân trong lúc nông nhàn, nâng cao mức sống kinh tế hộ gia đình, xóa đói giảm nghèo tại địa phương.





Hình 01: Mô hình chăn nuôi

Nhìn chung khả năng phát triển ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm ở Mỹ Quới còn nhiều hạn chế, đặc biệt là đồng chăn thả, nguồn giống và chi phí thức ăn cao. Trong tương lai cần thúc đẩy các chương trình, tổ hợp tác nhằm cải thiện đời sống của người dân.

Hiện giá trị sản xuất đất Nông nghiệp trên 01 ha (trồng trọt + thủy sản) đạt 159 triệu đồng.

Hiện trên địa bàn xã có 01 hợp tác xã hoạt động lĩnh vực nông nghiệp là Hợp tác xã Cao Nguyên, toàn xã có 14 hộ chăn nuôi tập trung, 01 trang trại, 02 mô hình kinh tế chuyên canh, 06 mô hình kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Nguồn: Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 17/11/2023 của UBND xã Mỹ Quới về Tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch năm 2024;

3.2. Hiện trạng phát triển kinh tế trong lĩnh vực phi nông nghiệp:

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội. Được sự quan tâm của Thị ủy khu thương mại xã được xây dựng khang trang, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, nhiều loại hình thương mại dịch vụ mở rộng phát triển, các loại hình công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được nâng cấp, chuyển đổi sản xuất hàng hóa. Hằng năm tổng giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển đạt trên 50 tỷ đồng, tập trung ở các ngành nghề như: dệt chiếu, đan lục bình, cưa xẻ gỗ, sản

xuất nước đá,...từ đó đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục duy trì hoạt động các ngành, nghề truyền thống tại địa phương. Hiện có 01 hợp tác xã về lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động là Hợp tác xã MCF. Có tổng số 09 thành viên, vốn điều lệ 500 triệu đồng, tình hình hoạt động tương đối hiệu quả, tạo việc làm cho hơn 410 người dân trong địa bàn xã có việc làm ổn định tại chỗ.

- Trên lĩnh vực Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá, giá trị công nghiệp hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu được giao, các ngành tiểu thủ công nghiệp được duy trì và phát triển.

- Thương mại – dịch vụ trên địa bàn khá phát triển, thu hút nhiều hộ gia đình, cá nhân tham gia.



Hình 02: Hợp tác xã MCF

3.3. Đánh giá thế mạnh, tiềm năng và các hạn chế trong phát triển kinh tế:

a. Thế mạnh, tiềm năng trong phát triển kinh tế:

Chuyển đổi cơ cấu kinh tế: Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế tại địa phương, tập trung chủ yếu vào việc dịch chuyển cơ cấu của ngành nông nghiệp sang phi nông nghiệp, cụ thể là phát triển tiểu thủ công nghiệp.

- Diện tích sản xuất nông nghiệp, năng suất và tổng sản lượng nông sản đã đạt và vượt qua kế hoạch đã đề ra. Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi được kiểm soát, việc tiêm ngừa định kỳ cho đàn gia súc và gia cầm đã giúp ngăn ngừa dịch bệnh hiệu quả.

- Xã luôn tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức và cá nhân phát triển và mở rộng các ngành kinh doanh, dịch vụ, cũng như phát triển công nghiệp và sản xuất thủ công nghiệp nhỏ, đồng thời tuân thủ đúng theo chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước. Do đó, các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp đã dần phát triển để đáp ứng yêu cầu của việc sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tổng sản lượng nông sản, diện tích trồng cây và quy mô chăn nuôi đã vượt qua mục tiêu được đề ra. Công tác thủy lợi, thủy lợi nội đồng được quan tâm đầu tư thực hiện góp phần phục vụ tốt trong sản xuất nông nghiệp. Sản xuất công nghiệp, sản xuất thủ công nghiệp nhỏ, thương mại và dịch vụ đang duy trì mức tăng trưởng ổn định và vượt qua kế hoạch đề ra. Thu ngân sách cũng đã vượt quá mục tiêu đề ra. Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, đã có nhiều thay đổi tích cực; chất lượng giáo dục được nâng cao, công tác giáo dục liên tục duy trì kế hoạch đã đề ra; các chính sách liên quan đến người có công với cách mạng và an sinh xã hội đã được triển khai kịp thời và hiệu quả, cải thiện đời sống của người dân. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đang được duy trì vững chắc; việc tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đạt và vượt qua mục tiêu đã đề ra. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục nhận được sự quan tâm và tăng cường; hệ thống cán bộ đã được cải thiện và bổ sung để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ.

Trong những năm vừa qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn do nhiều yếu tố khách quan như biến đổi giá thị trường và tác động từ thiên tai cùng dịch bệnh, tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và UBND xã Mỹ Quới, đã khai thác tối đa tiềm năng thiên nhiên cùng với nguồn lực con người, để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế xã hội tại xã, đưa nền kinh tế xã hội vào một xu hướng ổn định.

Sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng đúng đắn đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng, góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế của xã, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và duy trì ổn định về mặt chính trị, quốc phòng và an ninh.

Trong giai đoạn tới, cần đặc biệt chú trọng vào việc đầu tư và thúc đẩy phát triển của sản xuất thủ công nghiệp nhỏ, dịch vụ thương mại, và tìm kiếm các hướng phát triển mới trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến nông nghiệp, nhằm gia tăng tỷ trọng của các ngành này trong cơ cấu kinh tế.

b. Các hạn chế trong phát triển kinh tế:

- Việc triển khai thực hiện tuyến đường nông thôn mới ở các ấp chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; tình hình trật tự, tệ nạn xã hội từng lúc vẫn còn xảy ra.

- Quản lý chất lượng con giống, cây trồng, vật nuôi, thuốc thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp chưa tốt nên làm ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và dễ gây ô nhiễm môi trường. Diện tích đất bị xâm nhập mặn tăng, đất bị khô hạn, nguồn nước ngọt phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt khan hiếm hơn. Tất cả các khó khăn trên làm cho nền sản xuất nông nghiệp hiện tại có khuynh hướng không bền vững và dễ gây nguy hại đến môi trường.

- Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của biến động thị trường một số mặt hàng thiết yếu giá cả tăng cao, chi phí sản xuất, vận chuyển hàng hóa tăng, một số hàng hóa nông sản không tiêu thụ được như trái cây, rau màu các loại làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

4. Hiện trạng sử dụng đất và biến động từng loại đất:

4.1. Hiện trạng sử dụng đất:

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 2.937,97 ha. Được chia ra theo 3 nhóm đất chính sau:

4.1.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp có tổng diện tích là 2.714,59 ha, chiếm 92,40% tổng diện tích đất tự nhiên. (Chi tiết xem bảng Hiện trạng sử dụng đất xã Mỹ Quới năm 2024).

4.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp có tổng diện tích là 223,39 ha, chiếm 7,60 % tổng diện tích tự nhiên. (Chi tiết xem bảng Hiện trạng sử dụng đất xã Mỹ Quới năm 2024).

4.1.3. Đất chưa sử dụng:

Trong những năm gần đây xã đã không còn diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn.

Bảng 5: Hiện trạng sử dụng đất xã Mỹ Quới năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện Trạng 2024	
			DIỆN TÍCH ha	CƠ CẤU %
I	Tổng diện tích tự nhiên		2.937,97	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.714,59	92,40
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.404,29	81,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.404,29</i>	<i>81,83</i>

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,60	0,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	306,01	10,42
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX		
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,17	0,04
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,52	0,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	223,39	7,60
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP		
2.2	Đất an ninh	CAN	0,20	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,23	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,37	0,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	136,69	4,65
	<i>Trong đó:</i>			
2.9.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>44,37</i>	<i>1,51</i>
2.9.2	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>82,52</i>	<i>2,81</i>
2.9.3	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>0,16</i>	<i>0,01</i>
2.9.4	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,13</i>	<i>0,01</i>
2.9.5	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>3,93</i>	<i>0,00</i>
2.9.6	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao</i>	<i>DTT</i>		<i>0,13</i>
2.9.7	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>		
2.9.8	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,01</i>	<i>0,00</i>
2.9.9	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>		
2.9.10	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,51</i>	<i>0,02</i>
2.9.11	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>0,60</i>	<i>0,02</i>
2.9.12	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>0,52</i>	<i>0,02</i>

2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,95	0,13
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
2.9.16	Đất chợ	DCH		
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,47	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	41,99	1,43
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT		
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	0,05
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,53	0,02
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,53	1,41
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC		
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		
3	Đất chưa sử dụng	CSD		

Nguồn: Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thị xã Ngã Năm.

4.2. Đánh giá biến động từng loại đất:

Biến động tổng diện tích tự nhiên: Không có biến động diện tích.

4.2.1. Nhóm đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp: Đến năm 2024 có 2.714,59 ha đất nông nghiệp, giảm 3,87ha so với năm 2023; (Chi tiết xem bảng Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất năm 2024 so với năm 2023).

4.2.2. Nhóm đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp: Đến năm 2024 có 223,38 ha, tăng 3,87ha so với năm 2023; (Chi tiết xem bảng Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất năm 2024 so với năm 2023).

Bảng 6: Biến động diện tích theo mục đích sử dụng đất năm 2024 so với năm 2023

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2023	
				Diện tích năm 2023	Tăng(+) giảm(-)
I	Tổng diện tích tự nhiên		2.937,97	2.937,97	

1	Đất nông nghiệp	NNP	2.714,59	2.718,46	-3,87
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.404,29	2.405,02	-0,73
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.404,29</i>	<i>2.405,02</i>	<i>-0,73</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,60	3,30	-0,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	306,01	308,45	-2,44
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,17	1,17	0,00
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,52	0,52	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	223,38	219,51	3,87
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP			
2.2	Đất an ninh	CAN	0,20		0,20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,23	0,23	0,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,37	0,37	0,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	136,69	132,27	4,42
	<i>Trong đó:</i>				
2.9.1	Đất giao thông	DGT	44,37	39,79	4,58
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	82,52	82,52	0,00
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,16	0,16	0,00
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,13	0,13	0,00
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,93	4,08	-0,15
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT			
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL			
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,01	0,02	-0,01
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			

2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,51	0,51	0,00
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,60	0,60	0,00
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,52	0,52	0,00
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,95	3,95	0,00
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
2.9.16	Đất chợ	DCH			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,47	0,47	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	41,99	42,73	-0,74
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	1,39	-0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,53	0,53	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,53	41,53	0,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD			

Nguồn: Kiểm kê đất đai xã Mỹ Quới năm 2024.

5. Hiện trạng về nhà ở:

- Tình hình xây dựng các công trình và nhà ở tại xã Mỹ Quới chủ yếu trên tuyến Đường huyện 75, 76, 79C, Lộ Mỹ Tây A-Mỹ Tây B, Lộ Mỹ Tường B, tuyến đường trục ấp, khu vực điểm dân cư trung tâm xã.

Hiện xã không còn hộ ở trong nhà tạm, nhà dột nát. Toàn xã có 1.864 hộ có nhà kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt tỉ lệ 86,14%. Đa số nhà được xây dựng đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn xã Mỹ Quới;

- Các công trình nhà ở đã hình thành theo hai dạng:

+ Dạng ô phố: Bám theo các trục đường chính.

+ Dạng nhà vườn: Nằm ở phía trong các trục đường và dọc theo kênh thủy lợi.

Các khu dân tập trung hiện trạng là khu vực điểm dân cư trung tâm xã, Đường huyện 75, 76, các tuyến đường nông thôn, dọc theo kênh rạch,... với mật độ rải rác, xây dựng tự phát, làm cho các khu đông dân cư cũng như các tuyến chưa đi vào nề nếp.

6. Hiện trạng về Công trình công cộng:

6.1 Công trình hành chính:

- **Khu hành chính xã Mỹ Quới:** nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 5.874,7 m². Trong đó:

+ **Trụ sở Đảng Ủy – HĐND - UBND xã:** gồm Đảng ủy, HĐND và UBND xã, các đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, mặt trận tổ quốc,...), vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Nhà Văn Hóa xã:** vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Bộ phận một cửa và tiếp nhận:** vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã:** vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình sử dụng tốt nhưng nhỏ hẹp, không đủ để Ban CHQS xã hoạt động theo yêu cầu nhiệm vụ QS, QPĐP.

+ **Nhà Truyền thống:** vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Nhà Bia Ghi tên Liệt Sĩ:** vị trí nằm trong Khu hành chính xã Mỹ Quới, tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Trụ sở Công an xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 1.658,0 m², tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.



Hình 03. Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã



Hình 04. Nhà Văn hóa xã



Hình 05. Nhà Bia ghi ten Liệt Sĩ



Hình 06. Hình ảnh Trụ sở Công An xã



Hình 07. Hình ảnh Khảo sát Khu hành chính

6.2. Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng:

Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 3 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng. Trong đó

- **Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Di tích Khu căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Thánh thất Minh Tiên:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 5.132,4 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

Ngoài ra còn có các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như:

- **Đình Thần Nguyễn Trung Trực:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 1.148,4 m².

- **Chùa Minh Đức:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 4.957,4 m².

- **Chùa Khanarộn:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 27.613,0 m².

- **Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường 1, diện tích đất 403,9 m².





Hình 08. Một số hình ảnh về Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông



Hình 09. Hình ảnh Di tích Thánh Thất Minh Tiên



Hình 10. Hình ảnh Chùa Minh Đức

6.3. Công trình y tế:

- **Trạm y tế xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp nút giao giữa Đường huyện 76 và 79C, diện tích đất 1.901,4 m², tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.



Hình 11. Hình ảnh Trạm Y Tế xã Mỹ Quới

6.4. Công trình giáo dục:

Hệ thống giáo dục xã Mỹ Quới cơ cấu tương đối đầy đủ với trường Mầm non, trường Tiểu học và trường THCS-THPT. Trong đó:

- Trường mầm non:

+ **Trường Mầm non Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75 ấp Mỹ Thành, diện tích đất 4.927,1 m², tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- Trường tiểu học: toàn xã có tổng 3 điểm trường đang hoạt động:

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 7.360,9 m², tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Tây A-B, diện tích đất 4.233,4 m², tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

+ **Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A):** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, diện tích đất 2.964,2 m², tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- Trường trung học cơ sở:

+ **Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.961,9 m², tầng cao xây dựng 2 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 3.107,9 m², tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.



Hình 12. Trường Mầm Non Mỹ Quới



Hình 13. Trường THCS - THPT Lê Văn Tám

6.5. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- **Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76 và nút giao giữa Kênh Thầy Cai Nhâm (Rộc Lá) với Rạch Mỹ Tây, thuận lợi cả về giao thông thủy và bộ, bao gồm Khu nhà Lồng, kiot chợ, công trình nhà ở thương mại và sân, đường nội bộ. Tổng diện tích đất: 5.946,1 m². Hiện trạng các công trình đang sử dụng tốt. Trong đó:

+ Khu vực nhà lồng chợ có diện tích khoảng 574 m², trong đó diện tích xây dựng nhà lồng là 240m², còn lại là các Kiot bán hàng và sân bãi.

+ Các công trình nhà ở thương mại, dịch vụ hiện hữu khoảng 52 căn. Tổng diện tích khoảng 2.676 m², tầng cao xây dựng 2-4 tầng.

+ Còn lại là diện tích đường giao thông nội bộ khoảng 2.700m²





Hình 14. Một số hình ảnh về Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới

- **Bưu Điện:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 241,0 m², tầng cao xây dựng 1 tầng. Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.
- **Trụ sở Điện Lực:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 1.685,5 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.
- **Trạm cấp nước:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 230,3 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Bãi rác xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75, diện tích đất 6.419,0 m². Hiện trạng công trình đang sử dụng tốt.

- **Khu hợp tác xã ấp Mỹ Thọ:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 3.168,5 m². Hiện trạng công trình đã xuống cấp, không còn sử dụng. Định hướng chuyển mục đích làm Nhà Văn hóa ấp Mỹ Thọ.



Hình 15. Hình ảnh thực tế Bưu điện xã

6.6. Nghĩa Trang:

- **Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa):** vị trí tại ấp Mỹ Thành, nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.770,4 m². Hiện đang sử dụng.

+ Theo QCVN 01:2021/BXD quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 người. Nhu cầu nhu cầu táng của xã là $11.066 * 0,04 / 1000 = 0,44 \text{ha}$

+ Với diện tích đất hiện trạng là 1,47ha đảm bảo phục vụ nhu cầu mai táng cho toàn xã trong giai đoạn này và tương lai.

6.7. Các công trình văn hóa ấp:

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Thành:** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Thành, diện tích đất 904,5 m². Hiện đang sử dụng tốt. Định hướng nâng cấp tại chỗ thành NVH – Khu thể thao ấp đạt chuẩn.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Tây A:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng nâng cấp, mở rộng tại chỗ thành NVH – Khu thể thao ấp đạt chuẩn.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Tây B:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng sẽ hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Tường A:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 746,1 m². Hiện đang sử dụng tốt. Định hướng nâng cấp, mở rộng tại chỗ thành NVH – Khu thể thao ấp đạt chuẩn.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Tường B:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng sẽ hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Thọ:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng sẽ hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 1.468,4 m². Hiện đang sử dụng tốt. Định hướng nâng cấp tại chỗ thành NVH – Khu thể thao ấp đạt chuẩn.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Đông 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng sẽ hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới.

- **Nhà SHCD ấp Mỹ Đông 2:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 80,0 m². Hiện đã xuống cấp. Định hướng sẽ hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới.

Bảng 7: Danh mục các công trình hiện trạng

STT	VỊ TRÍ (ấp)	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m ²)	TÌNH TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG
-----	----------------	----------------	---	---------------	------------

STT	VỊ TRÍ (ấp)	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m ²)	TÌNH TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG
1	Mỹ Thành	Khu hành chính xã Mỹ Quới, trong đó bao gồm + Trụ Sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã + Trụ Sở Ban chỉ huy quân sự xã + Bộ phận một cửa và tiếp nhận + Nhà văn hóa xã + Nhà Truyền Thống + Nhà Bia Tưởng Niệm	5.874,7	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
2	Mỹ Thành	Bưu Điện	241,0	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
3	Mỹ Thành	Trụ sở Công an xã	1.658,0	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
4	Mỹ Thành	Trạm Y Tế	1.901,4	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
5	Mỹ Thành	Điện Lực	1.685,5	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
6	Mỹ Thành	Khu Trung tâm Chợ hiện trạng	5.946,1	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
7	Mỹ Tây A	Trường Mầm Non Mỹ Quới	4.927,1	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
8	Mỹ Thành	Trường Tiểu học Mỹ Quới 1	7.360,9	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
9	Mỹ Tây A	Trường Tiểu học Mỹ Quới 2	4.233,4	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
10	Mỹ Tường A	Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A)	2.964,2	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
11	Mỹ Thành	Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	14.961,9	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
12	Mỹ Thành	Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	3.107,9	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
13	Mỹ Tây A	Trạm Cấp nước	230,3	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp, chỉnh trang
14	Mỹ Thành	Bãi rác xã Mỹ Quới	6.419,0	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
15	Mỹ Thọ	Khu hợp tác xã	3.168,5	Đã xuống cấp	Nâng cấp thành NVH áp Mỹ Thọ
16	Mỹ Thành	Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa)	14.770,4	Đang sử dụng	Giữ hiện trạng
17	Mỹ Đông 1	Di tích Khu Căn cứ	2.207,4	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
18	Mỹ Tây B	Chùa Khanarộn	27.613,0	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
19	Mỹ Tây B	Thánh Thất Minh Tiên	5.132,4	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
20	Mỹ Tường B	Chùa Minh Đức	4.957,4	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng

STT	VỊ TRÍ (ấp)	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m ²)	TÌNH TRẠNG	ĐỊNH HƯỚNG
21	Mỹ Tường B	Đình Thần Nguyễn Trung Trực	1.148,4	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
22	Mỹ Tường 1	Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1	403,9	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
23	Mỹ Đông 1	Miếu bà Chúa Xứ	4.037,6	Đang sử dụng tốt	Giữ hiện trạng
24	Mỹ Thành	Nhà SHCD ấp Mỹ Thành	904,5	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp thành NVH ấp Mỹ Thành
25	Mỹ Tây A	Nhà SHCD ấp Mỹ Tây A	80,0	Đã xuống cấp	Nâng cấp thành NVH ấp Mỹ Tây A
26	Mỹ Tây B	Nhà SHCD ấp Mỹ Tây B	80,0	Đã xuống cấp	Hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới
27	Mỹ Tường A	Nhà SHCD ấp Mỹ Tường A	746,1	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp thành NVH ấp Mỹ Tường A
28	Mỹ Tường B	Nhà SHCD ấp Mỹ Tường B	80,0	Đã xuống cấp	Hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới
29	Mỹ Thọ	Nhà SHCD ấp Mỹ Thọ	80,0	Đã xuống cấp	Hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới
30	Mỹ Tường 1	Nhà SHCD ấp Mỹ Tường 1	1.468,4	Đang sử dụng tốt	Nâng cấp thành NVH ấp Mỹ Tường 1
31	Mỹ Đông 1	Nhà SHCD ấp Mỹ Đông 1	80,0	Đã xuống cấp	Hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới
32	Mỹ Đông 2	Nhà SHCD ấp Mỹ Đông 2	80,0	Đã xuống cấp	Hoàn trả đất lại cho dân, quy hoạch vị trí mới

7. Hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

7.1.1. Giao thông bộ:

Hiện trạng xã có các tuyến đường giao thông chính đi qua như Đường huyện 75, 76, 79A, 79C,... nối liền trung tâm xã với các địa phương lân cận. Nhìn chung địa bàn xã Mỹ Quới rất thuận tiện về mặt giao thông đường bộ.

Ngoài ra mạng lưới đường giao thông liên xã, ấp liền ấp, đường ngõ xóm,... phân bố rộng khắp, đa số là đường bê tông nông thôn (kết cấu bê tông, rộng trung bình 2,5-3m). Cụ thể như sau:

a. Đường huyện:

- **Đường huyện 79A:** điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Kênh Ngang Dừa, hiện dài 9,82km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 – 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- **Đường huyện 76 (ĐT.937B cũ):** điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Đường huyện 75, dài khoảng 2,50 km, hiện trạng mặt đường rộng 5,5m, kết cấu nhựa.

b. Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: có 2 tuyến đường xã và đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu tối thiểu đường cấp B.

- **Đường huyện 75:** tuyến này đi qua xã dài khoảng 5,12 km, điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Đường huyện 79A, hiện trạng mặt đường rộng 5,0m, kết cấu nhựa.

- **Đường huyện 79C:** tuyến này đi qua xã dài khoảng 5,00 km, điểm đầu giáp với Đường huyện 76, điểm cuối giáp với Ranh xã Vĩnh Lợi, hiện trạng mặt đường rộng 3,5m, kết cấu Bê tông.

c. Đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: có 2 tuyến đường trục ấp và đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu tối thiểu đường cấp C.

- Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, có chiều dài 3,00 km, hiện trạng mặt đường rộng 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Hiện đang sử dụng tốt.

- Lộ Mỹ Tân, có chiều dài 1,15 km, hiện trạng mặt đường rộng 3,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Hiện đang sử dụng tốt.

d. Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm: có 19 tuyến đường trục ngõ, xóm được cứng hóa và đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu tối thiểu đường cấp D

- Lộ B Mỹ Tây A-B, có chiều dài 2,85km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ B Mỹ Tường A-B, có chiều dài 3,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2, có chiều dài 4,80km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ Mỹ Tường B, có chiều dài 3,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh Chòm Tre, có chiều dài 2,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ B Kênh Chòm Tre, có chiều dài 2,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ 2 Sĩ - 10 Sự, có chiều dài 2,10km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 1), có chiều dài 1,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Kênh Sáu Lục, có chiều dài 2,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1), có chiều dài 0,80km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Kênh Ba Cui, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ B Kênh Ba Cui, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Bưng Sen, có chiều dài 1,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Kênh 7 Cư, có chiều dài 1,35km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ B Kênh 7 Cư, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ Kênh Mười Gà, có chiều dài 1,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Mỹ Thành, có chiều dài 1,45km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ A Mỹ Thành, có chiều dài 0,50km, hiện trạng mặt đường rộng 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

- Lộ Huỳnh Yên, có chiều dài 0,25km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

Bảng 8: Danh mục các công trình giao thông hiện trạng

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường Hiện trạng (m)	Kết Cấu	Tình trạng
ĐƯỜNG HUYỆN				12,32			
1	Đường huyện 79A	Ranh xã Mỹ Bình	Kênh Ngang Dừa	9,82	2,5 - 3,0	Nhựa	Đang sử dụng tốt
2	Đường huyện 76	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 75	2,50	5,5	Nhựa	Đang sử dụng tốt
ĐƯỜNG TRỤC XÃ, LIÊN XÃ				10,12			
1	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 79A	5,12	5,0	Nhựa	Đang sử dụng tốt
2	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	Ranh xã Vĩnh Lợi	5,00	3,5	Nhựa	Đang sử dụng tốt
ĐƯỜNG TRỤC ÁP, LIÊN ÁP				4,15			
1	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	Đường huyện 75	Đường huyện 79A	3,00	3,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
2	Lộ Mỹ Tân	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	1,15	3,5	BTCT	Đang sử dụng tốt
ĐƯỜNG TRỤC NGÕ XÓM				36,00			
1	Lộ B Mỹ Tây A-B	Kênh Huỳnh Yên	Đường huyện 79A	2,85	2,5	BTCT	Đang sử dụng tốt
2	Lộ B Mỹ Tường A-B	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	3,30	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
3	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	4,80	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
4	Lộ Mỹ Tường B	Chợ GD2	Đường huyện 79A	3,30	2,5	BTCT	Đã Xưởng cấp
5	Lộ A Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,5	BTCT	Đang sử dụng tốt
6	Lộ B Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
7	Lộ Hai Sĩ - 10 Sự	Đường huyện 75	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	2,10	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
8	Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	ấp Mỹ Tường B	1,20	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
9	Lộ A Kênh Sáu Lục	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,55	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt

10	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2		0,80	2,5	BTCT	Đang sử dụng tốt
11	Lộ A Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	BTCT	Đã Xuống cấp
12	Lộ B Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
13	Lộ A Bung Sen	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	1,30	2,5	BTCT	Đang sử dụng tốt
14	Lộ A Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	kênh Mười Gà	1,35	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
15	Lộ B Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	Đường huyện 76	1,55	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
16	Lộ Kênh Mười Gà	kênh Thầy Cai Nhâm	Cầu 3 Thủ	1,20	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
17	Lộ B Mỹ Thành	Đường huyện 76	kênh Mười Gà	1,45	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
18	Lộ A Mỹ Thành	Đường huyện 76	Đường huyện 75	0,50	3,0	BTCT	Đang sử dụng tốt
19	Lộ Huỳnh Yên	Lộ Mỹ Tân	Lộ B Mỹ Tây A-B	0,25	2,0	BTCT	Đang sử dụng tốt

7.1.2 Giao thông thủy:

Xã Mỹ Quới có hệ thống sông ngòi phát triển, điển hình như: Sông Mỹ Tường AB, Kênh Thầy Cay Nhâm (Rộc Lá), Rạch Mỹ Tây, Kênh 19/5, Kênh Xáng (giáp ranh tỉnh Bạc Liêu),... kết nối với tỉnh Bạc Liêu, Kênh Ngã Năm Phú Lộc, Kênh Quản lộ Phụng Hiệp và các xã, phường khác trong thị xã là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá giữa các địa phương trong và ngoài tỉnh. Ngoài ra còn có một số tuyến kênh khác phục vụ giao thông, thủy lợi và cấp nước sinh hoạt dân cư nông thôn như Sông Mỹ Đông, rạch Mỹ Tân, kênh Sáu Lục, kênh Tám Quế,...

- Mạng lưới sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt của xã là điều kiện thuận tiện cho việc phát triển nông nghiệp, vận chuyển vật tư phân bón ra khu vực sản xuất.

7.2. Cấp điện:

Hiện tại hệ thống điện đảm bảo yêu cầu dùng điện cho nhân dân cũng như sản xuất. Hiện số hộ sử dụng điện trên địa bàn xã đạt 99,68%, còn 07 hộ chưa có điện sử dụng.

7.3. Cấp nước:

- Hiện trạng xã có 1 trạm cấp nước: vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 230,3 m², công suất: 1.440m³/ ngày-đêm.

7.4. Thoát nước bản:

Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thoát nước bản, các cơ sở sản xuất có xây dựng hệ thống thoát nước nội bộ, nhưng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, còn lại đa phần nước sinh hoạt và nước mặt thoát ra các kênh rạch hiện hữu gần nhất.

7.5. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất:

Hầu hết các kênh mương trên địa bàn toàn xã được nạo vét theo kế hoạch của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

8. Hiện trạng môi trường:

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100,00%, tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 68%. (tỷ lệ hộ sử dụng nước nơi có hệ thống nước máy đi qua, đạt 93,56%), số hộ còn lại sử dụng giếng khoan.

- Toàn xã có 27/27 cơ sở sản xuất kinh doanh đạt chuẩn môi trường, tỷ lệ 100%; Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề đạt tiêu chuẩn môi trường 100%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%. Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%. Thu gom và xử lý chất thải rắn y tế đạt chuẩn đạt 100%.

- Chất thải nhựa từ hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn xã các chất thải nhựa cũng được thu gom và xử lý không gây ô nhiễm môi trường.

- Hiện trên địa bàn toàn xã chưa có hệ thống thoát nước, chủ yếu là thoát nước mặt, hiện có một số cơ sở sản xuất trên địa bàn xã có xây dựng hệ thống thoát nước tại nơi sản xuất nhưng chỉ xử lý cục bộ.

9. Hiện trạng các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch:

Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 3 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng. Trong đó

- **Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia.

- **Di tích Khu căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm và Thánh Thất Minh Tiên:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh.

10. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã:

- Khu vực lập quy hoạch thuận lợi phát triển do có cả mạng giao thông đường bộ và đường thủy. Các trục đường kết nối quan trọng như Đường huyện 75, 76, 79A, 79C đã được thực hiện.

- Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất 10 năm (giai đoạn 2021-2030) đã được phê duyệt thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng.

- Có quy hoạch chi tiết trung tâm xã đã được phê duyệt tại Quyết định số 355/QĐXD-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thị xã Ngã Năm về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung Tâm xã Mỹ Quới.

Đánh giá chung về hiện trạng khu vực lập quy hoạch:

Công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới giai đoạn 2011-2020 đã được thực hiện vào năm 2011, điều chỉnh vào năm 2017, 2019. Theo suốt quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương về việc thực hiện các kế hoạch đầu tư xây dựng lâu dài, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển nông thôn bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt được nhiều thành tựu.

Sau khi đồ án quy Trung tâm xã Mỹ Quới được phê duyệt tại Quyết định 355/QĐXD-UBND ngày 09/10/2015. Theo đó Trung tâm xã chỉnh trang, đầu tư xây dựng một số cơ sở hạ tầng như: Chợ trung tâm, trụ sở làm việc của các ban, ngành, trường học, nhà ở của nhân dân và các cơ sở dịch vụ, kinh tế, hạ tầng kỹ thuật như: Hệ thống giao thông ở khu vực trung tâm, hệ thống cấp điện, hệ thống thoát nước thải, vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng. Đến nay, nhìn chung các công trình, dự án từng bước phát triển và xây dựng cơ bản đúng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Sau 09 năm từ khi quy hoạch Trung tâm xã Mỹ Quới; đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng được duyệt năm 2011 và điều chỉnh năm 2017, 2019, diện mạo của xã Mỹ Quới đã có nhiều thay đổi, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao; các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đã được chú trọng đầu tư tạo nên một không gian, môi trường cảnh quan tương đối hài hòa, cụ thể:

- + Trạm y tế xã;
- + Trung tâm hành chính xã;
- + Trường tiểu học Mỹ Quới;
- + Trường THCS - THPT Lê Văn Tám

- + Trường Mầm Non Mỹ Quới;
- + Tuyến đường huyện 76, kết nối thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị;
- + Cải tạo nâng cấp nhiều tuyến đường khu vực trung tâm xã và các tuyến trục liên ấp.

11. Đánh giá tổng hợp phần hiện trạng:

11.1. Đánh giá tổng hợp:

11.1.1. Thuận lợi:

Mỹ Quới nằm gần trung tâm thị xã Ngã Năm, giúp kết nối dễ dàng với các trung tâm kinh tế, chính trị của thị xã và các khu vực lân cận trong tỉnh Sóc Trăng. Xã có đất đai màu mỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản, vốn là thế mạnh của tỉnh Sóc Trăng. Với khí hậu ôn hòa của miền Tây Nam Bộ, Mỹ Quới có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển trồng lúa, cây ăn trái và các sản phẩm nông nghiệp khác.

Mỹ Quới có diện tích đất phù sa màu mỡ, rất thích hợp cho sản xuất lúa gạo – một trong những sản phẩm chủ lực của khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Đa dạng cây trồng và nuôi trồng thủy sản: Ngoài trồng lúa, xã còn phát triển thêm cây ăn trái như xoài, cam, bưởi và các loại rau màu. Bên cạnh đó, hệ thống kênh rạch phong phú cũng tạo điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Ứng dụng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao: Những năm gần đây, nông dân ở Mỹ Quới đã áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, giúp nâng cao năng suất và chất lượng nông sản.

Hệ thống giao thông đường bộ phát triển, có các tuyến đường bộ quan trọng, nối liền với thị xã Ngã Năm và các huyện khác trong tỉnh. Điều này không chỉ thuận tiện cho lưu thông mà còn giúp nông sản dễ dàng được vận chuyển ra thị trường.

Gần hệ thống kênh rạch chính: Nhờ có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, giao thông đường thủy ở Mỹ Quới phát triển, hỗ trợ vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là trong việc vận chuyển lúa gạo và thủy sản. Hệ thống điện nước và viễn thông ở Mỹ Quới cũng đã được đầu tư, giúp người dân dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ cơ bản và hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững.

Tốc độ phát triển kinh tế cao, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng khích lệ, đời sống tinh thần của nhân dân được nâng lên một bước rõ rệt là những điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh phát triển xã hội trong những năm tới;

Hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục,... được quan tâm đầu tư nâng cấp thường xuyên từng bước khắc phục những khó khăn cho phát triển kinh tế xã hội của xã.

11.1.2. Khó khăn:

Bên cạnh các ưu thế sẵn có xã Mỹ Quới cũng đối mặt với một số khó khăn, trở ngại trong việc phát triển, cụ thể như sau:

- Mặc dù gần thị xã Ngã Năm, nhưng khoảng cách đến các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Sóc Trăng hoặc các tỉnh lân cận vẫn khá xa, gây khó khăn trong việc tiếp cận thị trường tiêu thụ lớn và các dịch vụ công nghệ cao. Đặc thù địa hình kênh rạch chằng chịt, dù đây là lợi thế, nhưng hệ thống kênh rạch dày đặc đôi khi cũng gây khó khăn trong việc mở rộng mạng lưới đường bộ và phát triển các công trình lớn.

- Hoạt động nông nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ thời tiết và biến đổi khí hậu, như hạn hán, xâm nhập mặn và lũ lụt – những vấn đề phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long.

- Chưa đa dạng hóa ngành nghề, phần lớn người dân vẫn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp truyền thống, ít đầu tư vào các ngành nghề phụ trợ hoặc chế biến sâu, dẫn đến giá trị gia tăng của sản phẩm còn thấp. Thị trường bấp bênh, giá cả lúa gạo và nông sản thường không ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái, gây khó khăn cho người nông dân trong việc định giá sản phẩm.

- Thiếu lao động trẻ, xu hướng lao động trẻ rời quê hương để làm việc tại các khu công nghiệp và thành phố lớn khiến xã thiếu nguồn nhân lực trẻ để đổi mới và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Giao thông đường bộ chưa hoàn thiện, một số tuyến đường trong xã vẫn là đường đất hoặc xuống cấp, khó di chuyển vào mùa mưa, ảnh hưởng đến việc vận chuyển hàng hóa. Giao thông đường thủy phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, dòng chảy kênh rạch đôi lúc bị ảnh hưởng bởi bồi lắng, sạt lở hoặc khô hạn, gây cản trở giao thông và vận chuyển hàng hóa.

- Dù đã có các tuyến giao thông nối với thị xã Ngã Năm, nhưng việc kết nối với các khu vực xa hơn, đặc biệt là các tuyến giao thông liên tỉnh, vẫn còn hạn chế.

- Một bộ phận dân cư vẫn còn gặp khó khăn về kinh tế, ảnh hưởng đến khả năng đầu tư vào sản xuất và nâng cao chất lượng cuộc sống. Các hộ sản xuất nhỏ lẻ thường thiếu vốn và công nghệ để cải tiến mô hình sản xuất, dẫn đến năng suất chưa cao.

- Chưa phát triển du lịch và dịch vụ, mặc dù có tiềm năng khai thác du lịch sinh thái nhờ cảnh quan sông nước, nhưng ngành này chưa được đầu tư bài bản, làm giảm cơ hội phát triển kinh tế phi nông nghiệp.

Những khó khăn này đòi hỏi xã Mỹ Quới cần có các giải pháp đồng bộ từ phía chính quyền và người dân, như đầu tư cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa ngành nghề và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

CHƯƠNG III

XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ

1. Dự báo quy mô dân số, lao động:

1.1. Dự báo quy mô dân số:

Dự báo quy mô dân số cho các giai đoạn (ví dụ: dự báo dân số xã cho các mốc thời điểm 2025, 2030).

** Dự báo quy mô dân số theo Nhiệm vụ đã được phê duyệt: (Theo niên giám thống kê)*

- Dân số theo số liệu Niên giám thống kê thì đến năm 2021 thì toàn xã có 8.415 người.

- Dân số dự kiến: Năm 2025: 8.453 người.

Năm 2030: 8.499 người.

** Dự báo quy mô dân số theo số liệu mới nhất của ngành công an:*

- Cập nhật theo số liệu mới nhất của Ngành Công an quản lý thì toàn xã có 2.540 hộ với 11.066 nhân khẩu, chủ yếu có 03 đồng bào dân tộc (Kinh, Hoa, Khmer) cùng dân xen sinh sống. Trong đó: Dân tộc Kinh có 10.586 nhân khẩu, Khmer có 379 nhân khẩu và dân tộc Hoa có 25 nhân khẩu.

- Tỷ lệ tăng dân số: 0,11%.

Công thức tính dân số theo mô hình hồi quy cấp số nhân:

$$N = N_0 \times (1+r)^n$$

Trong đó: N_0 là dân số năm ban đầu, r là tỷ lệ tăng dân số/năm, n là số năm và N là dân số năm cần tìm.

Dựa vào cách tính trên ta có:

- Dân số dự kiến: Năm 2025: 11.079 người.

Năm 2030: 11.140 người.

➤ **Chọn số liệu quy mô dân số tính toán theo số liệu mới nhất của ngành công an để làm cơ sở tính toán chỉ tiêu cho đồ án, đảm bảo giúp bố trí đủ nhu cầu về đất đai, hạ tầng, chỉ tiêu tính toán.**

- Hiện trạng toàn xã có 2.540 hộ với 11.066 nhân khẩu.

- Dân số dự kiến: Năm 2025: 11.079 người.

Năm 2030: 11.140 người.

1.2. Dự báo lao động:

Quy mô lao động cho toàn xã theo các ngành sản xuất.

- Dân số trong độ tuổi lao động là 5.973 người, chiếm tỉ lệ 53,97%

- Lao động dự kiến: Năm 2025: 5.980 người.

Năm 2030: 6.013 người.

1.3. Tính chất và chức năng:

1.3.1. Tính chất:

- Tính chất của Xã: Kinh tế chủ đạo về nông nghiệp, thế mạnh là trồng lúa nước. Tuy nhiên, định hướng phát triển kinh tế lâu dài là loại hình Kinh tế tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ - du lịch, bên cạnh đó công nghiệp và công nghiệp phụ trợ hỗ trợ cho nông nghiệp nâng cao.

- Làm cơ sở quản lý quy hoạch, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, lập dự án đầu tư, phát triển đúng hướng, ổn định trên địa bàn xã.

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Là xã đáp ứng các tiêu chí Quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao.

1.3.2. Phân khu chức năng:

- Khu trung tâm xã (hành chính, dịch vụ - thương mại, văn hóa-thể thao,...);

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ;

- Khu ở (gồm lô đất ở gia đình và các công trình phục vụ trong thôn, xóm);

- Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất;

- Các công trình tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Các công trình hạ tầng xã hội;

- Khu dành cho sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các mục đích khác

1.4. Yêu cầu về phân khu chức năng:

- Sử dụng tiết kiệm đất đai và sử dụng hiệu quả các công trình hạ tầng.

- Thuận tiện cho giao thông, sản xuất, sinh hoạt.

- Bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tận dụng địa hình, cảnh quan tự nhiên.
- Phù hợp với bản sắc văn hóa từng vùng.
- Phù hợp với các đặc điểm cụ thể của địa phương về tập quán định cư, tập quán sản xuất, mức độ và khả năng phát triển kinh tế...

1.5. Khả năng quỹ đất xây dựng:

- Khả năng quỹ đất xây dựng điểm dân cư nông thôn:

Đất phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã được xác định trên các điểm dân cư hiện hữu là nơi có cao độ nền tương đối cao, ít sử dụng cho canh tác. Chi phí đầu tư hạ tầng thấp và đạt các tiêu chí:

- + Có các lợi thế về kinh tế, xã hội, hạ tầng, môi trường và cảnh quan; có điều kiện tự nhiên đảm bảo cho các hoạt động xây dựng và đảm bảo an toàn cho cộng đồng.

- + Môi trường đất đảm bảo vệ sinh môi trường không bị ô nhiễm.

- + Là nơi không nằm trong khu vực cấm xây dựng: phạm vi bảo vệ các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh, khu bảo vệ công trình quốc phòng.

- + Không nằm trong khu vực thường xuyên ngập úng, sạt lở, lũ lụt.

- Khả năng quỹ đất xây dựng đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất:

Được xác định trên cơ sở các nhà máy hiện hữu đang hoạt động. Là nơi có đầu mối giao thương trong và ngoài huyện thuận tiện, có giao thông thủy bộ quan trọng và có khoảng cách ly đối với các điểm dân cư tập trung.

2. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

2.1. Tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã:

2.1.1. Tiềm năng:

a. Về vị trí:

Mỹ Quới nằm gần thị xã Ngã Năm, một trung tâm kinh tế của Sóc Trăng, giúp kết nối thuận tiện với các tuyến giao thông lớn và các hoạt động kinh tế, thương mại trong khu vực. Thị xã Ngã Năm được xem là đầu mối giao thông quan trọng, giúp xã Mỹ Quới dễ dàng tiếp cận thị trường tiêu thụ lớn cũng như các cơ hội giao thương với các vùng lân cận.

Với đặc điểm địa hình sông nước, Mỹ Quới có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và trải nghiệm miệt vườn. Đặc biệt, hệ thống kênh rạch chằng chịt và văn hóa sông nước của người dân tạo nên một không gian tự nhiên hấp dẫn,

phù hợp cho các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp và du lịch trải nghiệm văn hóa bản địa.

b. Về khả năng kết nối:

Mỹ Quới có khả năng kết nối tốt với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong mạng lưới giao thông thuận tiện để kết nối với các tỉnh như Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, và Kiên Giang. Đây là lợi thế lớn để Mỹ Quới phát triển giao thương liên tỉnh, nhất là khi khu vực miền Tây Nam Bộ có nhu cầu trao đổi hàng hóa nông sản và thủy sản thường xuyên.

Hệ thống kênh rạch dày đặc giúp Mỹ Quới có thể khai thác tiềm năng giao thông đường thủy, phục vụ cho vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế. Giao thông đường thủy là một trong những hình thức vận chuyển phổ biến và tiết kiệm ở khu vực đồng bằng, giúp Mỹ Quới có thể vận chuyển lúa gạo, thủy sản, và các sản phẩm nông nghiệp khác đến các khu vực lân cận với chi phí thấp hơn.

Khí hậu ôn hòa, ít khi chịu ảnh hưởng bởi bão lớn, là điều kiện thuận lợi cho Mỹ Quới phát triển nông nghiệp bền vững. Vị trí địa lý cho phép xã dễ dàng tiếp cận các nguồn nước từ hệ thống sông ngòi quanh năm, giúp nông nghiệp phát triển ổn định và cung cấp nguồn nước tưới tự nhiên cho trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

Với vị trí gần thị xã Ngã Năm, lại nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Sóc Trăng, Mỹ Quới có tiềm năng thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Vị trí chiến lược này giúp xã có điều kiện thuận lợi để kêu gọi các dự án phát triển kinh tế, góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp địa phương.

Với những tiềm năng như trên, Mỹ Quới có điều kiện để khai thác lợi thế phát triển kinh tế nông nghiệp, giao thông, và du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong tương lai.

c. Về Tài nguyên:

- Mỹ Quới sở hữu diện tích đất phù sa giàu dinh dưỡng, phù hợp cho việc canh tác các loại cây trồng chủ lực như lúa, cây ăn trái, và rau màu. Đất đai màu mỡ giúp nâng cao năng suất và chất lượng nông sản, đặc biệt là cây lúa, một trong những sản phẩm chính của địa phương. Ngoài đất nông nghiệp, Mỹ Quới còn có diện tích đất thích hợp cho nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi cá và tôm, mang lại thu nhập ổn định cho người dân.

- Với phần lớn dân số sống nhờ vào nông nghiệp, nguồn nhân lực trong lĩnh vực này tại Mỹ Quới rất dồi dào, có kinh nghiệm và kỹ năng trong sản xuất

lúa và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, người dân cần được hỗ trợ thêm về công nghệ và đào tạo kỹ năng mới. Lao động trẻ cần nâng cao tay nghề, áp dụng công nghệ và trình độ vào nông nghiệp hiện đại và các ngành nghề dịch vụ.

2.1.2. Định hướng phát triển:

Từ những tiềm năng trên xã Mỹ Quới có nhiều điều kiện phát triển KT-XH, để thúc đẩy cho sự phát triển cần thực hiện các giải pháp đồng bộ sau:

- Kinh tế:

+ Phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, tăng năng suất lao động, tạo thành vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, sản lượng thủy sản, tăng thu nhập cho nông dân.

+ Cũng cố, khuyến khích phát triển thêm ngành nghề, các loại hình doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp - nông sản, các điểm thu mua nông sản... Cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong và ngoài tỉnh đầu tư trên địa bàn xã.

+ Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát các điểm giết mổ, mua bán gia súc nhằm ngăn chặn việc mua bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái quy định.

+ Tăng cường công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản cho bà con nông dân. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp. Chủ động phòng, tránh lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai.

+ Chỉ đạo phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tập trung chỉ đạo công tác thu ngân sách Nhà nước, khai thác có hiệu quả các nguồn thu góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước; chi ngân sách đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Tập trung tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới. Vận động nhân dân thực hiện tốt việc phát hoang, trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang nhà ở, giữ gìn vệ sinh môi trường, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Văn hóa:

+ Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương; Thực hiện tốt công tác bình xét gia đình văn hóa, ấp văn hoá hằng năm.

+ Phát triển và mở rộng các hình thức nâng cao trình độ văn hóa, kỹ năng lao động cho người dân, để họ tiếp cận với yêu cầu mới của sản xuất kinh doanh thông qua các lớp tập huấn của Hội Nông dân, các chương trình khai triển đối với nông nghiệp – nông thôn...

+ Các thiết chế văn hóa ở nông thôn cần được củng cố và phát triển, điều quan trọng là phát huy và bảo tồn giá trị truyền thống của địa phương.

+ Cần tổ chức những sinh hoạt văn hóa, phát huy truyền thống dòng họ, làng, xã. Mặt khác nâng cao trình độ thẩm mỹ của cư dân nông thôn, khắc phục tình trạng xâm nhập văn hóa không lành mạnh.

- Xã hội:

+ Các trường học tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ từng năm học; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học; duy trì công tác giáo dục thường xuyên. Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp nâng chất trường đạt chuẩn quốc gia.

+ Trạm Y tế nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân; thực hiện tốt các Chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các biện pháp về phòng, chống dịch bệnh. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiểm tra chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt các giải pháp duy trì, nâng chất Trạm y tế đạt chuẩn.

+ Triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, hiệu quả. Thực hiện tốt công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động. Tổ chức bình nghị giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm dân chủ, đúng thực chất.

+ Giải quyết việc làm, yêu cầu bức xúc hiện nay của nông thôn.

+ Cùng với quá trình công nghiệp hóa, lao động nông nghiệp của địa phương sẽ giảm cả về tỷ trọng và số lượng. Vì vậy, giải quyết việc làm cho nông dân không chỉ là yêu cầu cấp bách để tận dụng lao động nông thôn lúc nông nhàn tăng thu nhập cho họ mà còn tránh tình trạng số người này ồ ạt chuyển vào các đô thị gây ra nhiều vấn đề về xã hội khó giải quyết.

+ Nông dân hiện nay, cộng đồng dân cư rất đa dạng: không chỉ có nông dân mà đủ các thành phần các tầng lớp, đủ các sắc tộc và tôn giáo. Cần có những biện pháp tạo dựng các quan hệ xã hội gắn bó giữa các tổ chức sản xuất kinh doanh, các tổ chức văn hóa, giáo dục và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội dân sự trên địa bàn dân cư để các tổ chức này hỗ trợ nhau giải quyết việc làm cùng chung sức xây dựng cộng đồng làng xã, xây dựng công trình phúc lợi, góp phần bảo vệ môi trường giữ gìn trật tự an ninh, tạo không khí thân tình gắn bó, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái từ trong dòng họ. Chính

đó là “vốn xã hội” rất quý cần được phát huy trong tiến trình phát triển nông thôn.

+ Sự phát triển bền vững của nông thôn là nền tảng của sự phát triển bền vững của cả nước, coi nhân dân là nhân vật trung tâm, để nông thôn và nông dân không bị coi là đứng ngoài lề của công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa.

+ Những chủ trương chính sách đối với nông thôn và nông dân phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, vừa phát triển kinh tế, văn hóa vừa bảo đảm công bằng xã hội, để chênh lệch giàu nghèo không tiếp tục giãn ra quá xa. Bộ máy nhà nước phải đủ trong sạch để những chủ trương, chính sách đúng đắn của nhà nước thực sự phát huy tích cực ở nông thôn.

2.2. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

2.2.1. Các loại hình, động lực phát triển Nông nghiệp – thủy sản:

a. Nông nghiệp trồng trọt (Sản xuất lúa chất lượng cao và nông sản hữu cơ):

+ Đặc điểm: Mỹ Quới nằm trong vùng sản xuất lúa trọng điểm của tỉnh Sóc Trăng. Điều kiện đất đai phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào thuận lợi cho sản xuất lúa gạo.

+ Xu hướng phát triển: Chuyển đổi từ sản xuất lúa năng suất cao sang lúa chất lượng cao và lúa hữu cơ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng thương hiệu gạo Mỹ Quới với các giống đặc sản như ST24, ST25,...

+ Ứng dụng công nghệ: Áp dụng các phương pháp canh tác thông minh như hệ thống quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), tưới nước tiết kiệm, và sử dụng giống chịu hạn, mặn.

b. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt (Cá, tôm càng xanh):

+ Đặc điểm: Hệ thống kênh rạch và nguồn nước ngọt phong phú là điều kiện lý tưởng để phát triển thủy sản.

+ Xu hướng phát triển: Tăng cường nuôi các loại thủy sản giá trị cao như cá tra, tôm càng xanh, cá lóc. Phát triển các mô hình nuôi thủy sản kết hợp (cá-lúa) để tối ưu hóa sử dụng đất và giảm rủi ro.

- Ứng dụng công nghệ: Xây dựng các ao nuôi tuần hoàn nước (RAS) và ứng dụng công nghệ sinh học để nâng cao năng suất và bảo vệ môi trường.

c. Nông nghiệp sinh thái (Cây ăn trái, rau sạch):

+ Đặc điểm: Mỹ Quới có điều kiện thổ nhưỡng thích hợp để phát triển các loại cây ăn trái như xoài, mít, bưởi, và rau sạch.

+ Xu hướng phát triển: Chuyển đổi diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Phát triển các mô hình sản xuất rau sạch, rau hữu cơ phục vụ thị trường nội địa và các khu vực lân cận.

+ Ứng dụng công nghệ: Áp dụng công nghệ nhà màng, hệ thống tưới nhỏ giọt, và sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

d. Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp:

+ Đặc điểm: Lượng lớn phụ phẩm nông nghiệp từ lúa gạo, thủy sản có thể tái sử dụng để tạo ra giá trị mới.

+ Xu hướng phát triển: Sử dụng rơm rạ, trấu làm phân bón hữu cơ, nhiên liệu sinh khối. Chế biến phụ phẩm thủy sản thành thức ăn chăn nuôi hoặc nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm.

Loại hình nông nghiệp tại Mỹ Quới sẽ hướng đến sản xuất lúa gạo chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản giá trị cao, và phát triển kinh tế tuần hoàn. Động lực phát triển sẽ dựa trên ứng dụng công nghệ, nâng cấp hạ tầng, hỗ trợ chính sách, và phát triển nguồn nhân lực. Những chiến lược này không chỉ giúp nông nghiệp Mỹ Quới phát triển bền vững mà còn góp phần nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của người dân địa phương.

2.2.2. Các loại hình, động lực phát triển Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

a. Công nghiệp chế biến nông sản

- Đặc điểm: Mỹ Quới là vùng sản xuất nông nghiệp lớn, nguồn nguyên liệu từ lúa gạo và thủy sản rất phong phú, phù hợp phát triển ngành chế biến.

- Xu hướng phát triển:

+ Xây dựng các cơ sở chế biến gạo, bột gạo, và các sản phẩm từ lúa như bánh tráng, bún khô, gạo đóng gói thương hiệu.

+ Chế biến thủy sản (tôm, cá tra) thành sản phẩm đông lạnh, đóng hộp, hoặc các sản phẩm giá trị gia tăng như chả cá, cá viên.

+ Phát triển mô hình sản xuất hữu cơ và chế biến gạo hữu cơ, đáp ứng thị trường cao cấp.

- Ứng dụng công nghệ: Sử dụng máy sấy lúa, máy xay xát hiện đại để tăng chất lượng sản phẩm. Ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch để kéo dài thời gian sử dụng và giữ chất lượng nông sản.

b. Công nghiệp hỗ trợ và kinh tế tuần hoàn

- Đặc điểm: Phụ phẩm từ sản xuất lúa gạo và thủy sản tại địa phương rất phong phú, tạo điều kiện để phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Xu hướng phát triển:
 - + Sản xuất phân bón hữu cơ từ rơm rạ, trấu, và vỏ tôm.
 - + Chế biến trấu, rơm thành viên nén sinh học hoặc nguyên liệu năng lượng tái tạo.
 - + Tái chế phụ phẩm thủy sản thành thức ăn chăn nuôi hoặc nguyên liệu công nghiệp.
- Ứng dụng công nghệ: Áp dụng dây chuyền tái chế hiện đại, giảm lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

c. Tiểu thủ công nghiệp truyền thống

- Đặc điểm: Mỹ Quới có nguồn nguyên liệu tự nhiên như lục bình, tre, lá dừa và nguồn lao động dồi dào phù hợp cho các ngành nghề truyền thống.
- Xu hướng phát triển: Bảo tồn và phát triển nghề đan lát từ lục bình, tre nứa, sản xuất giỏ xách, thảm, đồ thủ công mỹ nghệ phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Sản xuất các sản phẩm thực phẩm truyền thống như bánh pía, bánh tét, bánh tráng.
- Ứng dụng công nghệ: Cải tiến quy trình sản xuất, kết hợp công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Phát triển mẫu mã đa dạng, đáp ứng thị hiếu thị trường.

d. Công nghiệp nhỏ và dịch vụ hỗ trợ sản xuất

- Đặc điểm: Dịch vụ cơ khí nông nghiệp và chế biến nhỏ lẻ đang phát triển tại địa phương, đáp ứng nhu cầu của nông dân.
- Xu hướng phát triển: Sản xuất và sửa chữa máy móc nông nghiệp, như máy cày, máy gặt, và hệ thống bơm nước. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, và lưu trữ nông sản.
- Ứng dụng công nghệ: Tăng cường cơ giới hóa và sử dụng máy móc hiện đại trong sản xuất và vận chuyển.

Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tại Mỹ Quới sẽ phát triển dựa trên chế biến nông sản, tái chế phụ phẩm, bảo tồn nghề truyền thống, và phát triển dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Động lực chính sẽ đến từ ứng dụng công nghệ, đầu tư hạ tầng, chính sách hỗ trợ, và kết nối thị trường, góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển bền vững.

2.2.3. Các loại hình, động lực phát triển ngành Dịch vụ:

a. Dịch vụ thương mại và phân phối

- Đặc điểm: Mỹ Quới là vùng sản xuất nông nghiệp lớn, cần hệ thống phân phối để tiêu thụ sản phẩm.

- Xu hướng phát triển:

+ Xây dựng chợ đầu mối nông sản, trung tâm thu mua lúa gạo và thủy sản.

+ Mở rộng các cửa hàng vật tư nông nghiệp cung cấp giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và máy móc phục vụ sản xuất.

+ Phát triển hệ thống bán lẻ, cửa hàng tạp hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân.

b. Dịch vụ vận tải và logistics

- Đặc điểm: Giao thông đường bộ và đường thủy thuận lợi, phù hợp để phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa.

- Xu hướng phát triển: Cung cấp dịch vụ vận chuyển nông sản, thủy sản từ địa phương đến các vùng tiêu thụ hoặc cơ sở chế biến. Xây dựng kho bãi, dịch vụ lưu trữ hàng hóa và bảo quản nông sản sau thu hoạch.

c. Dịch vụ nông nghiệp

- Đặc điểm: Khu vực có nhu cầu lớn về các dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Xu hướng phát triển:

+ Dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp: cho thuê máy bay phun thuốc, máy gặt, máy cày, máy bơm nước.

+ Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp: cung cấp thông tin, kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.

+ Dịch vụ bảo vệ thực vật, xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

d. Dịch vụ tài chính và tín dụng

- Đặc điểm: Người dân cần nguồn vốn và dịch vụ tài chính để đầu tư sản xuất.

- Xu hướng phát triển: Mở rộng hệ thống ngân hàng, quỹ tín dụng tại địa phương để hỗ trợ vay vốn nông nghiệp. Tăng cường dịch vụ thanh toán điện tử, giúp người dân giao dịch tiện lợi hơn.

e. Dịch vụ du lịch và văn hóa

- Đặc điểm: Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và văn hóa tại vùng sông nước, làng nghề.

- Xu hướng phát triển:

+ Phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp (homestay, tham quan cánh đồng lúa, vườn cây ăn trái).

+ Tổ chức các tour tham quan chợ nổi Ngã Năm, di tích lịch sử và các lễ hội văn hóa truyền thống.

+ Phát triển dịch vụ ẩm thực đặc sản địa phương như bánh pía, bánh tét, món ăn từ thủy sản.

Dịch vụ tại Mỹ Quới sẽ phát triển xoay quanh các ngành thương mại, vận tải, nông nghiệp hỗ trợ, tài chính, và du lịch. Động lực đến từ hạ tầng giao thông, ứng dụng công nghệ, và các chính sách hỗ trợ, góp phần đưa dịch vụ trở thành lĩnh vực kinh tế quan trọng, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của địa phương.

2.2.4. Quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra:

a. Quy mô sản xuất

Quy mô nông nghiệp: Mỹ Quới có diện tích đất nông nghiệp rộng lớn với sản xuất chủ yếu là lúa gạo, thủy sản, và cây ăn trái. Quy mô sản xuất có thể phát triển từ các hộ nông dân nhỏ lẻ đến các hợp tác xã hoặc doanh nghiệp lớn chuyên canh tác và chế biến.

- Lúa gạo: Diện tích canh tác lúa lớn, với sản lượng hàng năm cao, có khả năng mở rộng sản xuất thông qua việc ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- Thủy sản: Nuôi tôm, cá tra, và các loài thủy sản khác với quy mô lớn và tích hợp vào các mô hình nuôi trồng bền vững.

- Cây ăn trái: Sản xuất xoài, mít, bưởi và các loại rau quả khác phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

b. Sản phẩm chủ đạo

- Nông sản:

+ Gạo: Gạo chất lượng cao, bao gồm các giống lúa đặc sản như ST24, ST25, hướng tới xuất khẩu.

+ Thủy sản: Tôm, cá tra, cá lóc và các loại cá nước ngọt khác.

+ Cây ăn trái: Xoài, bưởi, mít và rau sạch, phát triển theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP để tăng trưởng bền vững.

- Chế biến nông sản:

+ Sản phẩm chế biến từ gạo (bột gạo, gạo hữu cơ, gạo đóng gói thương hiệu).

+ Sản phẩm thủy sản chế biến sẵn như cá đông lạnh, tôm khô, cá viên.

+ Sản phẩm từ cây ăn trái như nước ép, mứt, trái cây sấy khô.

- Tiểu thủ công nghiệp:

+ Các sản phẩm thủ công như giỏ xách từ lục bình, thảm, nón, đồ mỹ nghệ truyền thống.

c. Khả năng thị trường

- Thị trường nội địa:

+ Sản phẩm nông sản như gạo, thủy sản và trái cây có nhu cầu tiêu thụ lớn trong thị trường nội địa, đặc biệt là các sản phẩm sạch, hữu cơ.

+ Các sản phẩm chế biến sẵn như bánh tráng, bánh tét, và các đặc sản địa phương phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.

- Thị trường xuất khẩu:

+ Gạo: Với chất lượng cao, gạo Mỹ Quới có thể xuất khẩu sang các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và các thị trường khu vực Đông Nam Á.

+ Thủy sản: Sản phẩm thủy sản có tiềm năng xuất khẩu sang các quốc gia châu Âu, Mỹ, và các thị trường ASEAN.

+ Cây ăn trái: Sản phẩm trái cây và rau sạch có thể xuất khẩu sang các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

d. Định hướng giải quyết đầu ra

* Xây dựng chuỗi giá trị bền vững:

- Nâng cao giá trị gia tăng: Đẩy mạnh chế biến sâu các sản phẩm nông sản như gạo, thủy sản và trái cây để tạo ra các sản phẩm đóng gói, gia vị, thực phẩm chế biến sẵn. Các sản phẩm này sẽ giúp nâng cao giá trị nông sản và giúp sản phẩm địa phương cạnh tranh tốt hơn trên thị trường.

- Xây dựng thương hiệu: Tạo dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực như gạo Mỹ Quới, tôm, cá tra, xoài. Đăng ký các chỉ dẫn địa lý và chứng nhận

chất lượng sản phẩm (VietGAP, GlobalGAP) để nâng cao độ tin cậy của sản phẩm.

* Tăng cường kết nối với thị trường:

- Kết nối với các nhà phân phối lớn: Xây dựng các mối quan hệ đối tác với các siêu thị, hệ thống bán lẻ lớn để tiêu thụ sản phẩm nông sản, thủy sản chế biến sẵn. Mở rộng thị trường tiêu thụ qua các sàn thương mại điện tử để kết nối sản phẩm đến khách hàng quốc tế.

- Phát triển xuất khẩu: Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế, mở rộng các kênh xuất khẩu thông qua các tổ chức xúc tiến thương mại và các hội chợ quốc tế.

* Hỗ trợ từ chính sách nhà nước và các tổ chức:

- Chính sách khuyến khích đầu tư: Hỗ trợ thuế, cho vay ưu đãi cho các dự án chế biến nông sản, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu. Cung cấp các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực sản xuất cho nông dân và doanh nghiệp nhỏ.

- Hợp tác với các tổ chức quốc tế: Hợp tác với các tổ chức quốc tế để tiếp cận vốn đầu tư và kỹ thuật tiên tiến trong chế biến, bảo quản nông sản và thủy sản, giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu.

* Tổng kết:

Mỹ Quới có tiềm năng phát triển mạnh mẽ các sản phẩm nông sản chủ lực như gạo, thủy sản và cây ăn trái, cùng với các sản phẩm chế biến và thủ công. Định hướng giải quyết đầu ra sẽ tập trung vào việc xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng, kết nối thị trường trong và ngoài nước, và hỗ trợ từ chính sách nhà nước để đẩy mạnh xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm.

2.3. Xác định mối quan hệ không gian giữa xã được quy hoạch với các xã khác, thị trấn lân cận: (về các vấn đề: tiếp cận giao thông, mối quan hệ của các đồ án quy hoạch khác trong vùng liên quan...).

Xã Mỹ Quới nằm ở phía Nam của thị xã Ngã Năm, địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Mỹ Bình, Phường 3.
- Phía Đông giáp: xã Vĩnh Lợi - huyện Thạnh Trị.
- Phía Nam giáp: tỉnh Bạc Liêu.
- Phía Tây giáp: tỉnh Bạc Liêu.

Xã Mỹ Quới có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội của thị xã Ngã Năm. Vị trí xã thuận lợi về giao thông thủy và bộ, hiện có Đường huyện 75, 76, 79A kết nối trực tiếp với Quốc Lộ 1, Quốc lộ 61, Quốc lộ Quản Lộ Phụng Hiệp,... giúp dễ dàng di chuyển trong thị xã cũng như đến các địa phương khác trong tỉnh Sóc Trăng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống đường bộ tại đây giúp kết nối nhanh chóng đến các thị trấn lân cận

Nằm trong vùng sông nước, hệ thống kênh rạch ở đây cũng hỗ trợ cho việc di chuyển và vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy, kết nối với các xã, phường khác và góp phần phát triển giao thương.

Có vị trí thuận lợi để phát triển công nghiệp, dịch vụ, chế biến hàng hóa.

Mối quan hệ với các đồ án quy hoạch khác:

- Mỹ Quới nằm trong các đồ án quy hoạch liên quan đến phát triển đô thị, hạ tầng giao thông, nông nghiệp của Ngã Năm nói riêng và tỉnh Sóc Trăng nói chung như Quy hoạch chung xây dựng thị xã Ngã Năm, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Ngã Năm, Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Các quy hoạch này thường tập trung vào phát triển hạ tầng, cải thiện khả năng kết nối, và thúc đẩy kinh tế nông nghiệp của địa phương.

- Đặc biệt, Mỹ Quới còn nằm gần các khu vực quy hoạch về nông nghiệp công nghệ cao, đóng vai trò trong việc nâng cao năng suất sản xuất và phát triển các khu dịch vụ hỗ trợ, giúp tăng cường kết nối với các khu vực lân cận.

Mỹ Quới có quan hệ chặt chẽ với các phường, xã khác trong thị xã Ngã Năm, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thương mại và cung cấp dịch vụ cơ bản. Ngoài ra, vì nằm gần trung tâm thị xã, Mỹ Quới có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ, thương mại tại đây.

Tổng thể, với vị trí địa lý và hệ thống giao thông thuận lợi, Mỹ Quới có tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc kết nối với các khu vực lân cận và khai thác tốt các quy hoạch phát triển vùng trong tương lai.

3. Tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công tình hạ tầng và sản xuất:

3.1. Hiện trạng và đặc điểm đất đai:

a. Hiện trạng đất đai:

Quỹ đất dồi dào: Phần lớn diện tích đất tại Mỹ Quới hiện được sử dụng cho nông nghiệp, với một số khu vực đất chưa khai thác hoặc sử dụng hiệu quả thấp.

Đất nông nghiệp chiếm ưu thế: Bao gồm đất lúa, đất trồng cây lâu năm, và đất kết hợp nông - lâm - thủy sản.

Đất phi nông nghiệp: Tập trung chủ yếu ở các khu dân cư hiện hữu, công trình công cộng, và đất giao thông.

b. Đặc điểm đất đai:

Đất phù sa màu mỡ: Thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, nhưng cũng có thể chuyển đổi một phần sang mục đích phi nông nghiệp như xây dựng khu dân cư, hạ tầng.

Đất phèn nhẹ và nhiễm mặn: Tiềm năng cải tạo để phát triển mô hình sản xuất kết hợp hoặc chuyển đổi thành đất hạ tầng, công nghiệp.

3.2. Tiềm năng đất đai phục vụ các mục đích chuyển đổi

a. Chuyển đổi sang đất ở và phát triển khu dân cư

Đất nông nghiệp ven đô: Có tiềm năng chuyển đổi thành các khu dân cư mới, đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số và đô thị hóa.

Đất cao ráo, gần giao thông chính: Thuận lợi để quy hoạch các khu dân cư hiện đại, đồng bộ với cơ sở hạ tầng.

Đất gần trung tâm xã: Phù hợp để xây dựng các khu dân cư tập trung, kết hợp với các tiện ích như chợ, trường học, trạm y tế.

b. Chuyển đổi sang đất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả: Có thể quy hoạch thành cụm công nghiệp nhỏ, nhà máy chế biến nông sản hoặc cơ sở sản xuất thủ công.

Đất ven tuyến giao thông: Phù hợp để phát triển cơ sở công nghiệp nhẹ, kho bãi hoặc các khu vực logistic hỗ trợ giao thương.

c. Chuyển đổi sang đất thương mại, dịch vụ

Đất gần chợ và trung tâm dân cư: Có tiềm năng quy hoạch thành các khu thương mại, chợ truyền thống hoặc dịch vụ lưu trú.

Đất gần tuyến đường lớn: Thuận lợi phát triển các điểm dừng chân, dịch vụ vận tải, nhà hàng, cửa hàng kinh doanh nhỏ.

d. Chuyển đổi sang đất hạ tầng công cộng

Đất chưa sử dụng hoặc ven đô: Có thể quy hoạch để xây dựng trường học, trung tâm y tế, công trình văn hóa và khu thể thao.

Đất ven kênh rạch: Phù hợp để phát triển hạ tầng cấp thoát nước, khu vực bảo tồn sinh thái kết hợp cảnh quan đô thị.

3.3. Điều kiện thúc đẩy tiềm năng chuyển đổi đất

a. Vị trí thuận lợi

Gần các tuyến đường giao thông chính, kết nối với trung tâm thị xã Ngã Năm và các xã, phường lân cận.

Vị trí nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, thuận lợi cho giao thương và phát triển kinh tế.

b. Hỗ trợ từ cơ sở hạ tầng hiện hữu

Có hệ thống kênh mương, đường giao thông nội đồng, trạm cấp điện và nguồn nước, tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi đất.

Nhiều khu vực đất đã sẵn có hệ thống thủy lợi, có thể chuyển đổi nhanh chóng mà không cần cải tạo nhiều.

c. Tiềm năng kết hợp mô hình sản xuất

Một số khu vực có thể thực hiện chuyển đổi đa mục đích, như kết hợp sản xuất nông nghiệp với dịch vụ du lịch hoặc công nghiệp chế biến nhẹ.

3.4. Định hướng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất

a. Quy hoạch phân vùng đất đai

Khu vực đất ở: Quy hoạch khu dân cư tập trung gần trung tâm xã và các tuyến giao thông lớn.

Khu vực công nghiệp, thương mại: Tập trung vào đất ven tuyến đường liên xã hoặc gần khu vực sản xuất nông nghiệp.

Khu vực hạ tầng công cộng: Ưu tiên đất gần khu dân cư hiện hữu để xây dựng công trình công cộng.

b. Bảo vệ đất nông nghiệp trọng điểm

Giữ lại các khu vực đất phù sa màu mỡ để tiếp tục phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Đảm bảo chuyển đổi đất không làm ảnh hưởng đến an ninh lương thực và môi trường sinh thái.

c. Phát triển bền vững

Ưu tiên các mô hình sử dụng đất thân thiện với môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Kết hợp các mô hình đất đa năng, như khu dân cư sinh thái, khu sản xuất sạch, và các công trình kết hợp phục vụ kinh tế - xã hội.

3.5. Tổng kết

Mỹ Quới có tiềm năng đất đai lớn để thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu phát triển dân cư, công nghiệp, thương mại, và hạ tầng công cộng. Với quy hoạch hợp lý, kết hợp sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và bảo vệ môi trường, xã có thể nâng cao giá trị đất đai, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện chất lượng sống cho người dân.

4. Xác định quy mô đất xây dựng:

4.1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với hệ thống công trình công cộng, dịch vụ và phục vụ sản xuất:

- Công trình công cộng dịch vụ: $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$.
- Diện tích đất trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000 \text{ m}^2$.
- Nhà trẻ, trường mầm non: $\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trường tiểu học: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trường trung học cơ sở: $\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$.
- Trạm y tế xã: $\geq 1.000 \text{ m}^2/\text{trạm}$.
- Nhà văn hóa xã: $\geq 500 \text{ m}^2$.
- Khu thể thao xã: $\geq 2.000 \text{ m}^2$.
- Hội trường xã: $\geq 200 \text{ chỗ ngồi}$.
- Nhà văn hóa ấp: $\geq 300 \text{ m}^2$.
- Khu thể thao ấp: $\geq 500 \text{ m}^2$.
- Chợ : $\geq 1.500 \text{ m}^2/\text{chợ/xã}$.
- Điểm phục vụ bưu chính – viễn thông: $\geq 150 \text{ m}^2/\text{điểm}$.
- Nghĩa trang: $\geq 0,04 \text{ ha}/1000\text{người}$.

- Cấp điện: Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt: 150 W/người;

+ Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt;

+ Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải dựa theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

- Cấp nước:

+ Có đường ống dẫn đến và vòi nước gia đình: $\geq 60 \text{ lít/người/ngày}$;

+ Sử dụng vòi nước công cộng: $\geq 40\text{lít}/\text{người/ngày}$.

- Thoát nước: đạt 80% tiêu chuẩn cấp nước.
- Vệ sinh môi trường:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung;
 - + Trạm trung chuyển CTR không cố định phải đặt cách công trình nhà ở và các khu vực thường xuyên tập trung đông người ≥ 20 m.
- Nghĩa trang: Địa điểm quy hoạch nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mặt và lâu dài. Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1000 người.

4.2. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình:

Tuân thủ theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4454:2012 Quy hoạch xây dựng nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế. Đối với vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

a. Hộ sản xuất nông nghiệp:

- Quy mô: Thường là các khu đất rộng hơn để đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi).
- Chỉ tiêu đất ở:
 - + Đất ở kết hợp đất vườn.
 - + Quy định diện tích tối thiểu đất ở cho một hộ tại khu vực nông thôn có thể dao động từ 300m²/hộ - 400m²/hộ.
 - + Đất sản xuất thường được tính riêng và không nằm trong diện tích đất ở.

b. Hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp:

- Quy mô: Nhỏ hơn hộ nông nghiệp nhưng phải đủ để kết hợp nhà ở và khu vực sản xuất.
- Chỉ tiêu đất ở:
 - + Đất ở cho hộ này thường dao động từ 120m² - 250m² tùy vào đặc thù ngành nghề (làm nghề tại nhà, không cần mặt bằng lớn).
 - + Các hộ làm nghề gây ô nhiễm môi trường có thể phải được bố trí ở các cụm làng nghề.

c. Hộ thương mại, dịch vụ

- Quy mô: Thường nhỏ hơn hộ nông nghiệp và có thể tương đương hoặc lớn hơn hộ tiểu thủ công nghiệp nếu hoạt động kinh doanh yêu cầu kho bãi hoặc khu vực trưng bày.

- Chỉ tiêu đất ở: Từ 150 m²/hộ.
- + Nếu kinh doanh lớn, cần đất làm kho bãi thì sẽ được tính riêng theo các chỉ tiêu khác ngoài đất ở.

d. Ngoài ra:

- Đối với khu vực ngập lũ: 150 m²/hộ (đối với hộ nông nghiệp), 70 m²/hộ (đối với hộ thương mại dịch vụ);
- Đối với khu dân cư miệt vườn, khuôn viên đất ở hộ thuần nông có diện tích 1.000 m² đến 1.500 m²;

CHƯƠNG IV

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ

1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo:

Địa bàn xã hiện tại dân cư chủ yếu sống phân tán dạng tuyến trên trục Đường huyện 75, 76, 79A, 79C và các tuyến đường trục ấp, liên ấp nên không hình thành khu dân cư mới. Hiện tại dân cư xã tập trung đông đúc ở khu vực Trung tâm xã là một phần thuộc 4 ấp Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Tường B, Mỹ Tây A. Khu vực này đã có quy hoạch chi tiết, thuận lợi cho công tác quản lý, đảm bảo đáp ứng tiêu chí điểm dân cư nông thôn.

1.1. Điểm dân cư trung tâm xã:

1.1.1. Quan điểm và chọn đất phát triển điểm dân cư trung tâm xã:

Quan điểm:

- Đảm bảo việc cải tạo, phát triển các điểm dân cư nông thôn đạt hiệu quả cao, trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.

- Tạo lập được môi trường sống tốt cho con người, giảm thiểu tác động xấu tới môi trường do các hoạt động sản xuất dịch vụ.

- Sử dụng hợp lý đất đai và tài nguyên, sức lao động của con người.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất (nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp) và dịch vụ thương mại theo quy hoạch phát triển kinh tế của địa phương, ổn định, nâng cao đời sống nông dân, giảm bớt di dân tự phát ra đô thị, giúp người dân gắn bó hơn với quê hương – nơi mình sinh sống.

Chọn đất phát triển:

- Đất phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn ở xã căn cứ trên các xóm ấp, ấp hiện hữu, tận dụng đất gò cao, đất có năng suất trồng trọt kém, hạn chế sử dụng đất canh tác.

- Vị trí tiếp giáp với các trục đường giao thông đang phát triển, khu vực hiện trạng tập trung đông dân cư.

- Đất xây dựng khu dân cư nông thôn không nằm trong các khu vực sau:

- + Môi trường bị ô nhiễm, hoặc không đảm bảo vệ sinh, dễ phát sinh dịch bệnh, nơi gió quần, gió xoáy.

- + Nơi có tài nguyên cần khai thác hoặc trong khu vực được phát hiện có di chỉ khảo cổ.

+ Thuộc khu vực cấm xây dựng: phạm vi bảo vệ các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thắng cảnh, khu bảo vệ công trình quốc phòng.

+ Thuộc khu vực thường xuyên bị ngập lụt quá sâu (ngập trên 3m) sạt lở, lũ quét.

Cơ cấu quy hoạch:

- Định hướng vị trí trung tâm xã theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trước đây, quy mô mở rộng phù hợp theo nhu cầu phát triển của địa phương.

- Phát triển các tuyến dân cư dọc theo Đường huyện 75, Đường huyện 76, các đường liên ấp và dọc theo các tuyến kênh hiện hữu.

- Quy hoạch mới, cải tạo, mở rộng các trục giao thông nối các tuyến dân cư với các trục đường xã, đường huyện, đường tỉnh.

1.1.2. Vị trí và quy mô:

Định hướng vị trí Khu Trung tâm xã lồng ghép Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn là khu vực giao nhau của 4 ấp Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Tường B, Mỹ Tây A, vị trí thuận lợi khi nằm tại điểm giao của 03 tuyến Đường huyện 75, Đường huyện 76 và Đường huyện 79C, tiếp giáp Rạch Mỹ Tây, Kênh Xáng, Kênh Thầy Cai Nhâm nên thuận lợi cả về đường thủy lẫn đường bộ.

- Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông: giáp đất ruộng;

+ Phía Tây: giáp đất ruộng;

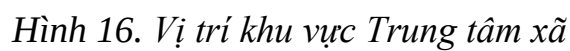
+ Phía Nam: giáp đường mới mở vào khu di tích;

+ Phía Bắc: giáp đất ruộng cách kênh Mỹ Quới khoảng 250m;

- Quy mô diện tích dự kiến: 88,63 ha.

- Dân số dự kiến: 7.000 – 8.000 người.

- Nhu cầu đất ở: Khoảng 35 - 40 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 50 m²/người.



Phát triển khu dân cư tập trung tâm xã với các khu chức năng:

- #### 1.1.4. Tính chất:

- Trung tâm Quy hoạch Xây dựng Sóc Trăng*

1.2. Định hướng phát triển tuyến dân cư:

- Phát triển các tuyến dân cư theo các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới. Gồm có 3 tuyến dân cư:

1.2.1 Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 75:

- Quy mô diện tích dự kiến: 38 ha.
- Dân số dự kiến: khoảng 2.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 20 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

1.2.2 Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 76:

- Quy mô diện tích dự kiến: 17,5 ha.
- Dân số dự kiến: khoảng 1.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 10 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

1.2.3 Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 79C:

- Quy mô diện tích dự kiến: 43 ha.
- Dân số dự kiến: khoảng 2.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 20 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

2.1 Công trình hành chính:

- **Khu hành chính xã Mỹ Quới:** nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 5.874,7 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 4 tầng. Bao gồm các công trình:

+ Trụ sở Đảng Ủy – HĐND - UBND xã: gồm Đảng ủy, HĐND và UBND xã, các đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, mặt trận tổ quốc,...)

+ Nhà Văn Hóa xã.

+ Bộ phận một cửa và tiếp nhận.

+ Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã (định hướng sẽ di dời vị trí).

+ Nhà Truyền thống.

+ Nhà Bia Ghi tên Liệt Sĩ.

- **Trụ sở Công an xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 1.658,0 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Quy hoạch mới Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75, ấp Mỹ Tường B, diện tích đất khoảng 3.772,9 m², mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

2.2. Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng:

Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 3 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng. Trong đó

- **Giữ hiện trạng Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Giữ hiện trạng Di tích Khu căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Giữ hiện trạng Thánh thất Minh Tiên:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 5.132,4 m².

Ngoài ra còn có các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như:

- **Giữ hiện trạng Đình Thần Nguyễn Trung Trực:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 1.148,4 m².

- **Giữ hiện trạng Chùa Minh Đức:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 4.957,4 m².

- **Giữ hiện trạng Chùa Khanarộn:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 27.613,0 m².

- **Giữ hiện trạng Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm ở ấp Mỹ Tường 1, diện tích đất 403,9 m².

2.3. Công trình y tế:

- **Trạm y tế xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp nút giao giữa Đường huyện 76 và 79C, diện tích đất 1.901,4 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

2.4. Công trình giáo dục:

Hệ thống giáo dục xã Mỹ Quới cơ cấu tương đối đầy đủ với trường Mầm non, trường Tiểu học và trường THCS-THPT. Trong đó:

- Trường mầm non:

+ **Trường Mầm non Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75 ấp Mỹ Thành, diện tích đất 4.927,1 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Trường tiểu học: sau quy hoạch toàn xã còn có 3 điểm trường:

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 7.360,9 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Tây A-B, diện tích đất 4.233,4 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ **Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A):** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, diện tích đất 2.964,2 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Trường trung học cơ sở:

+ **Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.961,9 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 3.107,9 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

2.5. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- **Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76 và nút giao giữa Kênh Thầy Cai Nhâm (Rộc Lá) với Rạch Mỹ Tây, thuận lợi cả về giao thông thủy và bộ, bao gồm Khu nhà Lồng, kiot chợ, công trình nhà ở thương mại và sân, đường nội bộ. Tổng diện tích đất: 5.946,1 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 4 tầng.

- **Quy hoạch mới Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, Lộ Mỹ Tây A-Mỹ Tây B và nút giao giữa Kênh Thầy Cai Nhâm (Rộc Lá) với Rạch Mỹ Tây, kết nối liên hoàn với Khu Trung tâm chợ hiện hữu, thuận lợi cả về giao thông thủy và bộ, bao gồm các hạng mục: Khu nhà Lồng, kiot chợ, công trình nhà ở thương mại và sân, đường nội bộ. Tổng diện tích đất khoảng: 4.036,2 m², mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 4 tầng.

- **Bru Điện:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 241,0 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Trụ sở Điện Lực:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 1.685,5 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Trạm cấp nước:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 230,3 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Giữ hiện trạng Bãi rác xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75, diện tích đất 6.419,0 m².

2.6. Nghĩa Trang:

- **Giữ hiện trạng Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa):** vị trí tại ấp Mỹ Thành, nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.770,4 m².

2.7. Các công trình văn hóa, thể thao:

- **Quy hoạch mới Khu văn hóa thể thao xã Mỹ Quới:** vị trí nằm trong khu vực Trung tâm xã, tiếp giáp với Đường huyện 79C, diện tích đất 2.000,0 m², mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Thành:** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Thành, diện tích đất 904,5 m². **Quy hoạch nâng cấp** từ Nhà SHCD, diện tích đất 904,5 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa tối thiểu 300 m², Khu thể thao ấp tối thiểu 500 m², mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tây A:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 80,0 m². **Quy hoạch nâng cấp, mở rộng** từ Nhà SHCĐ, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tây B:** vị trí nằm cặp Lộ B Kênh Chòm Tre, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường A:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 746,1 m². **Quy hoạch nâng cấp, mở rộng** từ Nhà SHCĐ, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường B:** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Tường A-B, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Thọ:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 800,0 m². Được nâng cấp từ một phần đất của Khu hợp tác xã ấp Mỹ Thọ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 1.468,4 m². **Quy hoạch nâng cấp** từ Nhà SHCĐ, diện tích đất 1.468,4 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa tối thiểu 300 m², Khu thể thao tối thiểu 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Đông 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 800,0 m². Được chuyển đổi từ một phần đất của Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 1 cũ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Đông 2:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 800,0 m². Được chuyển đổi từ một phần đất của Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 2 cũ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

Khuyến khích phát triển không gian kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ tại khu vực trung tâm xã, các khu vực điểm nhấn về cảnh quan theo quy hoạch, các tuyến đường chính.

*** Đối với khu vực trung tâm hành chính- chính trị:**

- Khuôn viên, mặt đứng, màu sắc, tường rào công trình góp phần xây dựng hình ảnh điểm dân cư nông thôn khang trang.

- Đảm bảo mật độ xây dựng hiện hữu, tăng mật độ cây xanh, đảm bảo đường giao thông nội bộ.

- Tổ chức thuận lợi cho người dân tiếp cận và tính trang nghiêm của cơ quan công sở.

*** Đối với công trình thể dục thể thao (TDTT):**

Tất cả các công trình phải lùi sâu vào so với chỉ giới đường đỏ $\geq 20m$ để đảm bảo an toàn thoát người và PCCC.

- Đối với công viên cây xanh thì vườn hoa, vườn dạo có thể làm trùng với chỉ giới xây dựng nhưng không được phép làm hàng rào.

- Cây trồng sử dụng nhiều chủng loại, đảm bảo xanh cho cả bốn mùa, có thể kết hợp với sân thể thao nhỏ, các đường dạo, vòi phun nước, ghế đá, dụng cụ tập thể dục... để tăng hiệu quả sử dụng, tường rào thoáng không che chắn tầm nhìn.

*** Đối với công trình công cộng:**

Công trình xây dựng cần đảm bảo yếu tố thoát người khi có thiên tai, địch họa; có hệ thống phòng chống cháy nổ, bãi đỗ xe theo các quy định của pháp luật.

Đảm bảo các quy định về ổn định an toàn chịu lực, an toàn về phòng cháy chữa cháy, môi trường (yêu cầu cụ thể cho từng nhóm công trình), giao thông, hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn theo quy định hiện hành.

Công trình phải đảm bảo những quy định về vệ sinh môi trường; không được gây tiếng ồn, khói bụi và khí thải ảnh hưởng cho dân cư xung quanh.

Công trình đảm bảo bán kính phục vụ, sử dụng thuận tiện an toàn đối với người khuyết tật khi tiếp cận công trình.

*** Công trình dịch vụ- thương mại:**

Phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ tại vị trí thuận lợi cho giao thông, nơi tập trung các công trình đầu mối giao thông, các trạm trung chuyển.

Quá trình thiết kế và xây dựng đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật hiện hành, phòng chống cháy nổ, cứu hỏa và thoát người.

Bảng 9: Danh mục các công trình công cộng xã

STT	VỊ TRÍ	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH (m ²)	GHI CHÚ
1	ấp Mỹ Thành	Khu hành chính xã Mỹ Quới, trong đó bao gồm + Trụ Sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã + Trụ Sở Ban chỉ huy quân sự xã (định hướng di dời) + Bộ phận một cửa và tiếp nhận + Nhà văn hóa xã + Nhà Truyền Thống + Nhà Bia Tưởng Niệm	5.874,7	-	Nâng cấp, chỉnh trang
2	ấp Mỹ Thành	Bưu Điện	241,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
3	ấp Mỹ Thành	Trụ sở Công an xã	1.658,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
4	ấp Mỹ Tường B	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự	-	3.772,9	Quy hoạch mới
5	ấp Mỹ Thành	Trạm Y Tế	1.901,4		Nâng cấp, chỉnh trang
6	ấp Mỹ Thành	Khu văn hóa thể thao	-	2.000,0	Quy hoạch mới
7	ấp Mỹ Thành	Điện Lực	1.685,5	-	Nâng cấp, chỉnh trang
8	ấp Mỹ Thành	Khu Trung tâm Chợ hiện trạng	5.946,1	-	Nâng cấp, chỉnh trang
9	ấp Mỹ Tây A	Khu Trung tâm Chợ Quy hoạch (Giai đoạn 2)	-	4.036,2	Quy hoạch mới
10	ấp Mỹ Tây A	Trường Mẫu giáo Mỹ Quới	4.927,1	-	Nâng cấp, chỉnh trang
11	ấp Mỹ Thành	Trường Tiểu học Mỹ Quới 1	7.360,9	-	Nâng cấp, chỉnh trang
12	ấp Mỹ Tây A	Trường Tiểu học Mỹ Quới 2	4.233,4	-	Nâng cấp, chỉnh trang
13	ấp Mỹ Tường A	Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A)	2.964,2	-	Nâng cấp, chỉnh trang
14	ấp Mỹ Thành	Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	14.961,9	-	Nâng cấp, chỉnh trang
15	ấp Mỹ Thành	Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	3107,9		Nâng cấp, chỉnh trang
16	ấp Mỹ Tây A	Trạm Cấp nước	230,3	-	Nâng cấp, chỉnh trang
17	ấp Mỹ Thành	Bãi rác xã Mỹ Quới	6.419,0	-	Giữ hiện trạng
18	ấp Mỹ Thành	Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa)	14.770,4	-	Giữ hiện trạng

19	ấp Mỹ Đông 1	Di tích Khu Căn cứ	2.207,4	-	Giữ hiện trạng
20	ấp Mỹ Tây B	Chùa Khanarôn	27.613,0	-	Giữ hiện trạng
21	ấp Mỹ Tây B	Thánh Thất Minh Tiên	5.132,4	-	Giữ hiện trạng
22	ấp Mỹ Tường B	Chùa Minh Đức	4.957,4	-	Giữ hiện trạng
23	ấp Mỹ Tường B	Đình Thần Nguyễn Trung Trực	1.148,4	-	Giữ hiện trạng
24	ấp Mỹ Tường 1	Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1	403,9	-	Giữ hiện trạng
25	ấp Mỹ Đông 1	Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông	4.037,6	-	Giữ hiện trạng
26	ấp Mỹ Thành	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Thành	904,5	-	Được nâng cấp từ nhà SHCD
27	ấp Mỹ Tây A	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tây A	300,0	800,0	Được nâng cấp từ nhà SHCD
28	ấp Mỹ Tây B	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tây B	-	800,0	Quy hoạch mới
29	ấp Mỹ Tường A	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường A	746,1	800,0	Được nâng cấp từ nhà SHCD
30	ấp Mỹ Tường B	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường B	-	800,0	Quy hoạch mới
31	ấp Mỹ Thọ	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Thọ	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất của Khu hợp tác xã
32	ấp Mỹ Tường 1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường 1	1.468,4	-	Được nâng cấp từ nhà SHCD
33	ấp Mỹ Đông 1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Đông 1	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất là Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 1 cũ
34	ấp Mỹ Đông 2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Đông 2	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất là Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 2 cũ

3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và khu hiện hữu:

Việc định hướng tổ chức không gian, quy hoạch kiến trúc cho các khu dân cư tại xã Mỹ Quới cần tập trung vào phát triển đồng bộ, hiện đại hóa khu dân cư mới và nâng cấp các khu dân cư hiện hữu. Đồng thời, kiến trúc nhà ở cần hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, gắn liền với đặc điểm văn hóa và điều kiện tự nhiên của địa phương, tạo nên không gian sống tiện nghi và bền vững.

3.1. Định hướng tổ chức không gian khu dân cư:

a. Đối với Khu dân cư hiện hữu

- Cải tạo và nâng cấp:

+ Nâng cấp hạ tầng giao thông, cấp thoát nước và điện trong các khu dân cư hiện hữu.

+ Bảo tồn và cải tạo các công trình văn hóa, tôn giáo có giá trị lịch sử gắn liền với cộng đồng địa phương.

+ Tổ chức lại không gian sống, đảm bảo thông thoáng, hạn chế ngập úng trong mùa mưa.

- Phát triển dịch vụ công cộng:

+ Xây dựng thêm các công trình công cộng như công viên nhỏ, sân chơi cho trẻ em, khu sinh hoạt cộng đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi một số đất ở hiện hữu sang mô hình nhà ở kết hợp thương mại (shophouse) tại các tuyến đường lớn để thúc đẩy kinh doanh.

b. Đối với Khu dân cư mới

- Phát triển đồng bộ và hiện đại:

+ Quy hoạch khu dân cư tập trung theo hướng hiện đại, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông nội khu, hệ thống điện, nước, xử lý nước thải.

+ Tổ chức không gian xanh và các công trình công cộng (trường học, trạm y tế, công viên) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cư dân.

- Định hướng phân khu chức năng:

+ Khu dân cư mới nên bố trí gần các tuyến giao thông chính, thuận tiện kết nối với Khu trung tâm xã và trung tâm thị xã Ngã Năm.

+ Ưu tiên phát triển khu vực dân cư gần khu vực sản xuất công nghiệp hoặc cụm sản xuất để đáp ứng nhu cầu nhà ở cho công nhân và lao động.

3.2. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch

- Mật độ xây dựng:
- + Đối với Khu dân cư hiện hữu khuyến khích từ 50% - 60% (tùy theo khu vực).
- + Đối với Khu dân cư mới khuyến khích từ 40% - 50%, ưu tiên không gian xanh và công trình công cộng.
- Đất ở bình quân: Từ 80 - 120 m²/người đối với khu dân cư hiện hữu. Từ 100 - 150 m²/người đối với khu dân cư mới, tùy thuộc vào loại hình nhà ở.
- Tỷ lệ cây xanh và đất công cộng: Đối với Khu dân cư hiện hữu khuyến khích từ 5 - 10%. Đối với Khu dân cư mới khuyến khích dành từ 15 - 20% để tạo không gian sống xanh, thân thiện môi trường.
- Chiều cao công trình: Nhà ở trong khu dân cư hiện hữu từ 1 - 3 tầng. Nhà ở khu dân cư mới từ 1 - 4 tầng, ưu tiên kiểu nhà phố hoặc nhà vườn phù hợp với đặc điểm địa phương.

3.3. Định hướng kiến trúc phù hợp với từng loại hình nhà ở

a. Kiến trúc nhà ở khu dân cư hiện hữu

Loại hình nhà ở: Nhà cấp 4 cải tạo, nhà phố nhỏ (2 tầng), nhà ở truyền thống kết hợp kinh doanh.

Định hướng kiến trúc: Giữ lại các đặc điểm kiến trúc truyền thống địa phương, như nhà mái ngói, vật liệu thân thiện với môi trường (tre, gỗ, gạch).

Khuyến khích cải tạo nhà ở cũ theo hướng bền vững, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và tiết kiệm năng lượng.

b. Kiến trúc nhà ở khu dân cư mới

Loại hình nhà ở: Nhà phố hiện đại, nhà liền kề, hoặc nhà vườn quy hoạch đồng bộ.

Định hướng kiến trúc:

- + Thiết kế nhà ở thân thiện với môi trường, sử dụng vật liệu xanh và ứng dụng năng lượng tái tạo (như năng lượng mặt trời).
- + Mặt tiền nhà nên có khoảng không gian xanh nhỏ, phù hợp với khí hậu ĐBSCL.
- + Tích hợp các tiện ích hiện đại trong nhà ở, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cư dân trẻ.

4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung, làng nghề, khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

4.1. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung

a. Định hướng tổ chức không gian

- Vị trí đề xuất: Quy hoạch tại các khu đất ven các tuyến giao thông lớn, gần đường huyện hoặc gần trung tâm xã để dễ dàng vận chuyển nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Ưu tiên khu vực đất sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp hoặc đất chưa sử dụng.

- Phân khu chức năng:

+ Khu chế biến nông sản: Tập trung vào chế biến lúa gạo, thủy sản, và các sản phẩm đặc trưng như trái cây hoặc cây ăn quả.

+ Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Gồm sứ, mây tre đan, gia công cơ khí nhỏ, sản xuất đồ gia dụng.

+ Khu kho bãi và logistic: Phục vụ lưu trữ, đóng gói, và vận chuyển hàng hóa.

b. Hạ tầng hỗ trợ

- Giao thông: Đường nội bộ rộng 3 - 5 m, kết nối trực tiếp với các tuyến giao thông chính của xã.

- Hệ thống xử lý môi trường:

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và đất.

+ Bố trí các hành lang cây xanh để cách ly khu sản xuất với khu dân cư.

- Cung cấp năng lượng và nước sạch: Đảm bảo nguồn điện và nước ổn định phục vụ sản xuất.

4.2. Khu vực làng nghề

a. Định hướng phát triển làng nghề:

- Phát triển các làng nghề hiện hữu: Nâng cấp các làng nghề truyền thống nếu có (như làng nghề mây tre đan, làm bánh, hoặc sản phẩm thủ công).

- Tạo thêm làng nghề mới: Xây dựng các cụm làng nghề thủ công như dệt chiếu, làm gốm, hoặc nghề chế biến nông sản.

b. Tổ chức không gian làng nghề

- Vị trí đề xuất: Các khu vực ven kênh rạch hoặc đất xen kẽ trong khu dân cư có thể phát triển làng nghề, tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và lao động

địa phương. Gần các trung tâm dân cư để dễ dàng tổ chức sản xuất nhỏ lẻ kết hợp kinh doanh.

- Phân khu chức năng:
- + Khu sản xuất thủ công.
- + Khu vực trưng bày và bán sản phẩm, tạo điểm nhấn thu hút khách tham quan.

4.3. Khu vực sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp

a. Khu vực sản xuất nông nghiệp

- Vị trí đề xuất: Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất nông sản ở các khu đất phù sa màu mỡ, gần kênh mương thủy lợi để thuận tiện tưới tiêu. Tập trung ở các khu vực ven kênh rạch lớn để phát triển mô hình lúa - tôm, lúa - cá, hoặc vườn cây ăn trái.

- Phân vùng sản xuất:
- + Vùng lúa gạo chất lượng cao: Áp dụng các giống lúa thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng và tăng cường cơ giới hóa.
- + Vùng cây ăn trái: Chuyên canh các loại cây có giá trị kinh tế cao như xoài, sầu riêng, chôm chôm.
- + Vùng nuôi trồng thủy sản: Kết hợp sản xuất nông nghiệp và thủy sản ở các vùng đất trũng hoặc đất nhiễm mặn nhẹ.

b. Khu vực phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Cơ sở hạ tầng hỗ trợ:
- + Xây dựng hệ thống kho chứa vật tư nông nghiệp, nhà máy chế biến, và khu vực lưu trữ nông sản gần vùng sản xuất.
- + Phát triển các điểm cung cấp dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, như máy cày, máy gặt, và hệ thống tưới tiêu hiện đại.
- Hệ thống chợ nông sản: Xây dựng các chợ đầu mối hoặc trung tâm tập kết nông sản để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

4.4. Quy định khu vực chăn nuôi, sản xuất và phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách ATMT. Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 100 m;

- Khu sản xuất phải bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước;

- Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hóa học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, trạm xay xát, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ,... phải bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hóa học đến khu ở không được < 100 m.

4.5. Quy định về khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề:

- Các khu tiểu thủ công nghiệp tập trung phải tuân thủ quy định về sử dụng đất và môi trường như đối với các cụm công nghiệp tập trung:

+ Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây độc hại có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình nhưng không được để nước thải và tiếng ồn gây ô nhiễm môi trường.

+ Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mối giao thông;

+ Giữa các khu sản xuất và khu ở yêu cầu phải có khoảng cách ly phù hợp với đặc điểm quy mô của công trình sản xuất.

+ Bố trí hợp lý mạng lưới hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo cách ly vệ sinh phù hợp với đặc điểm, quy mô và mức độ độc hại của công trình sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

- Khoảng cách ATMT của khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung phải đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường (khoảng cách ly vệ sinh) theo quy định.

5. Định hướng tổ chức kết hợp khu chức năng khác trên địa bàn xã:

5.1 Định hướng tổ chức kết hợp Khu Trung tâm xã lồng ghép với Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gồm các chức năng: Sản xuất công nghiệp; thương mại; dịch vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ thị trường, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng; bảo hiểm rủi ro, phòng chống thiên tai; bảo vệ môi trường. Ưu tiên hỗ trợ nhóm sản phẩm đặc sản địa phương được xác định tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025.

Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo các nguyên tắc về vị trí là khu vực đầu mối giao thông chính của xã nhằm kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định, về quy mô phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế thực tiễn của từng địa phương, phù hợp với quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có thể được xác lập tại vị trí tập trung hoặc phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác như: Cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại - du lịch, trung tâm hành chính xã... được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

5.2. Phân vùng quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

- Các điểm dân cư phát triển, hạn chế phát triển và không phát triển; các khu dân cư xây dựng mới; các khu trung tâm; các khu sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Xã Mỹ Quới có vị trí rất thuận lợi để phát triển toàn diện. Các tuyến dân cư, các công trình dịch vụ công cộng tương đối đầy đủ. Ngoài ra phát triển nông nghiệp, thương mại dịch vụ, chế biến nông sản là nhiệm vụ hàng đầu của xã.

- Các chỉ tiêu về mật độ xây dựng, tầng cao tối đa, tối thiểu của công trình công cộng, dịch vụ:

STT	Tên công trình	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích sân đường (%)	Diện tích cây xanh (%)	Tầng cao tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Công trình hành chính, dịch vụ công cộng				
1	Trụ sở cơ quan hành chính xã	≤ 40		≥ 30	4
2	Trường mầm non	≤ 40	≥ 20	≥ 30	3
3	Trường tiểu học	≤ 40	≤ 30	≥ 30	3
4	Trường trung học cơ sở	≤ 40	≤ 25	≥ 30	3
5	Trạm y tế	≤ 40		≥ 30	3
6	Nhà văn hóa	≤ 40		≥ 30	3
7	Chợ	≤ 40	≥ 25	≥ 10	4

5.3. Các vùng cấm xây dựng:

- Trong khi thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỹ Quới cần phải tuân thủ các quy định chuyên ngành về khu vực bảo vệ và khoảng cách vệ sinh, an toàn, không được xây dựng tại những khu vực sau:

- Khu vực bảo vệ an toàn mạng lưới điện cao thế, hệ thống cấp nước.
- Hệ thống cây xanh bảo vệ ven sông, kênh rạch (tính từ sát bờ sông kênh rạch trở vào trong).
- Khu vực đê bao kênh thủy lợi.
- Lộ giới của hệ thống giao thông.

CHƯƠNG V. QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CÁC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN, TUYỂN DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MỸ QUỚI, THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

MỤC I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu:

Việc ban hành “Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Quới” nhằm các mục tiêu sau đây:

1. Thực hiện tốt công tác “Quản lý quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan xã Mỹ Quới”;

2. Kiểm soát việc đầu tư xây dựng mới, phát triển điểm dân cư nông thôn phù hợp với đồ án quy hoạch đã được phê duyệt;

3. Quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước và chính quyền địa phương trong quản lý quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan xã Mỹ Quới.

4. Là cơ sở để lập quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung trong vùng điểm dân cư nông thôn.

5. Là cơ sở để cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng làm căn cứ quản lý đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan trong điểm dân cư nông thôn và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn được duyệt.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này quy định về định hướng phát triển tổng thể điểm dân cư nông thôn, tuyển dân cư nông thôn về quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan; quy định về xây dựng nhà ở riêng lẻ, nhà ở nông thôn tại các khu chức năng; quy hoạch kiến trúc nhà cao tầng, công trình công cộng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan điểm dân cư nông thôn, tuyển dân cư nông thôn trên địa bàn xã Mỹ Quới.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chỉ giới xây dựng*: là đường giới hạn cho phép xây dựng công trình chính trên thửa đất.

2. *Chỉ giới đường đỏ*: là đường ranh giới được xác định trên bản đồ quy hoạch và thực địa để phân định ranh giới giữa phần đất được xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian công cộng khác.

3. *Chỉ giới xây dựng ngầm*: là đường giới hạn cho phép xây dựng nhà, công trình ngầm dưới đất (không bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm).

4. *Cảnh quan*: là không gian chứa đựng các yếu tố thiên nhiên, nhân tạo và các hiện tượng xảy ra trong quá trình tác động giữa chúng với nhau và với bên ngoài.

5. *Cảnh quan điểm dân cư nông thôn*: là không gian cụ thể có nhiều hướng quan sát ở trong điểm dân cư nông thôn như không gian trước tổ hợp kiến trúc, quảng trường, đường phố, hè, đường đi bộ, công viên, thảm thực vật, vườn cây, vườn hoa, đồi, núi, gò đất, đảo, cù lao, triền đất tự nhiên, dải đất ven bờ biển, mặt hồ, mặt sông, kênh, rạch trong điểm dân cư nông thôn và không gian sử dụng chung thuộc điểm dân cư nông thôn.

6. *Không gian ngầm*: là không gian dưới mặt đất được quy hoạch để sử dụng cho mục đích xây dựng công trình ngầm điểm dân cư nông thôn.

7. *Không gian điểm dân cư nông thôn*: là không gian bao gồm các vật thể kiến trúc điểm dân cư nông thôn, cây xanh, mặt nước trong điểm dân cư nông thôn có ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan điểm dân cư nông thôn

8. *Khoảng lùi đường và khoảng lùi biên*: Khoảng lùi đường là khoảng cách giữa chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng. Khoảng lùi biên tính từ ranh giới bên, ranh giới đầu trong của thửa đất đến mép của công trình xây dựng.

9. *Kiến trúc cảnh quan*: là một khía cạnh của hoạt động kiến trúc, là hoạt động định hướng của con người tác động vào môi trường nhằm khai thác các yếu tố cảnh quan trong kiến tạo môi trường sống cho con người. Bao gồm thành phần tự nhiên (địa hình, mặt nước, cây xanh, con nước, động vật và không trung) và thành phần nhân tạo (kiến trúc công trình, giao thông, trang thiết bị hoàn thiện kỹ thuật, tranh, tượng hoành tráng, trang trí).

10. *Kiến trúc điểm dân cư nông thôn*: là tổ hợp các vật thể trong điểm dân cư nông thôn, bao gồm các công trình kiến trúc, kỹ thuật, nghệ thuật, quảng cáo mà sự tồn tại, hình ảnh, kiểu dáng của chúng chi phối hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan điểm dân cư nông thôn.

11. *Nhà ở riêng lẻ*: là nhà được xây dựng trên thửa đất riêng biệt thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở khu vực nông thôn

12. *Nhà liên kế*:

- *Nhà ở liên kế*: Là loại nhà ở riêng lẻ của các hộ gia đình, cá nhân được xây dựng liền nhau, thông nhiều tầng được xây dựng sát nhau thành dãy trong những lô đất nằm liền nhau và có chiều rộng nhỏ hơn so với chiều sâu (chiều dài) của nhà, cùng sử dụng chung một hệ thống hạ tầng của khu vực điểm dân cư nông thôn.

- *Nhà ở liên kế có sân vườn*: Là loại nhà ở liên kế, phía trước hoặc phía sau nhà có một khoảng sân vườn nằm trong khuôn viên của mỗi nhà và kích thước được lấy thống nhất cả dãy theo quy hoạch chi tiết của khu vực

13. *Biệt thự*: Là nhà ở riêng lẻ có sân vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa, ...), có tường rào và lối ra vào riêng biệt.

14. *Cốt xây dựng khống chế*: là cao độ xây dựng tối thiểu bắt buộc phải tuân thủ được lựa chọn phù hợp với quy chuẩn về quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.

15. *Công trình đa năng*: Công trình được bố trí trong cùng một tòa nhà có các nhóm phòng hoặc tầng nhà có công năng sử dụng khác nhau.

16. *Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện*: Là khoảng không gian lưu không về chiều rộng, chiều dài và chiều cao chạy dọc theo công trình đường dây tải điện hoặc bao quanh trạm điện.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý kiến trúc :

1. Các nguyên tắc chung:

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Quới được lập trên cơ sở phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030.

Đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể điểm dân cư nông thôn đến không gian cụ thể thuộc điểm dân cư nông thôn; có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan điểm dân cư nông thôn và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên; đồng thời tôn trọng tập quán, văn hoá địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan điểm dân cư nông thôn.

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mỹ Quới theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phù hợp với các quy định của Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ.

Việc quy hoạch xây dựng, khai thác sử dụng công trình và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn xã Mỹ Quới phải được quản lý thống nhất, đồng bộ về không gian, kiến trúc cảnh quan và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nhằm tạo ra giá trị thẩm mỹ, nâng cao hiệu quả sử dụng không gian và bảo vệ môi trường điểm dân cư nông thôn.

Đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng trước khi Quy chế này có hiệu lực thì thực hiện theo giấy phép được cấp. Khi quy chế này có hiệu lực thì công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng mới hoặc điều chỉnh, cải tạo sửa chữa phải tuân thủ theo quy hoạch và các quy định của Quy chế này.

Khi có điều chỉnh, bổ sung đối với nội dung Quy chế này phải được UBND thị xã Ngã Năm chấp thuận bằng văn bản.

2. Các nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù:

- Các dự án và công trình xây dựng cần tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ và phát huy đặc trưng của khu vực có địa hình, đặc thù.

- Các dự án và công trình trong khu vực có nền địa chất công trình yếu được tạo điều kiện để có phương án thiết kế xây dựng phù hợp, giảm thiểu ảnh hưởng đến chất lượng công trình và tiết kiệm kinh phí xây dựng.

- Các yếu tố địa hình đặc thù bao gồm:

+ Khu vực có cảnh quan.

+ Khu vực có địa hình sông nước.

+ Các dự án và công trình xây dựng cần tôn trọng, giữ gìn, bảo vệ và phát huy các yếu tố cảnh quan, môi trường sông nước gắn kết với việc tổ chức các không gian công cộng, công viên cây xanh và công trình của khu vực.

+ Phương án quy hoạch cần hạn chế tới mức thấp nhất việc san lấp sông, hồ, hạn chế thay đổi và thu hẹp dòng chảy; quy hoạch hệ thống giao thông, cần phù hợp với hệ thống sông, hồ hiện trạng.

+ Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý sông, hồ.

+ Việc san lấp sông, hồ phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cần bố trí hồ điều tiết bổ sung hoặc hệ thống cống hợp thay thế.

+ Khu vực ven sông, hồ cần bố trí các công trình có mật độ xây dựng thấp hơn so với các khu vực lân cận. Công trình ven sông, hồ cần có khoảng lùi thích hợp và tầng cao xây dựng từ thấp đến cao theo hướng từ bờ sông, hài hòa với không gian, cảnh quan chung của khu vực.

+ Các công trình ven sông, hồ có xây dựng hàng rào cần thiết kế hàng rào có độ rộng tối thiểu 75% để tạo tầm nhìn thoáng đến cảnh quan mặt nước. Ngoài trừ công trình nhà ở liên kế, các công trình khác phải có khoảng lùi tối thiểu 3m so với cạnh bên (vuông góc với bờ sông, hồ) của khu đất xây dựng để tạo tầm nhìn thông thoáng và lối tiếp cận đến bờ sông, hồ.

MỤC II. QUẢN LÝ KIẾN TRÚC, KHÔNG GIAN CẢNH QUAN

Điều 5. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan:

1. Định hướng chung kiến trúc, cảnh quan cho toàn điểm dân cư nông thôn.

a. Về kiến trúc:

- Tăng cường quản lý chất lượng công trình kiến trúc công cộng, kiến trúc cao tầng trong khu vực trung tâm xã. Theo đó, kiến trúc điểm dân cư nông thôn cần có các tiêu chí: phong phú, vừa tập trung, vừa phân tán, tạo nhiều diện tích công cộng và có nhiều điểm nhìn, tầm nhìn thoáng rộng.

Tầng cao công trình:

- Về chiều cao tổng thể, khu vực trung tâm xã sẽ có chiều cao tương tự như các khu khác nhưng sẽ có những công trình điểm nhấn cao tầng hơn.

- Khuyến khích xây dựng các công trình (cụm công trình) cao tầng cần có luận chứng về các vị trí cao điểm quản lý của điểm dân cư nông thôn đảm bảo công trình không phá vỡ cảnh quan chung và tạo điểm nhấn cho điểm dân cư nông thôn.

- Các công trình xây dựng đảm bảo cốt cao độ phải lớn hơn hoặc bằng cốt san nền của điểm dân cư nông thôn.

- Chỉ giới xây dựng xác định theo từng tuyến đường và không vượt quá chỉ giới đường đỏ. Một số tuyến chính cần thống nhất quản lý từ chỉ giới xây dựng hai bên đường và khuyến khích lập thiết kế điểm dân cư nông thôn để thống nhất quản lý.

- Quy định khác áp dụng theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2021/BXD.

b. Về cảnh quan:

- Khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên (sông, hồ...) kết hợp với hệ thống cây xanh - mặt nước để hình thành nên hệ thống không gian cây xanh cảnh quan phù hợp cho điểm dân cư nông thôn và cho các khu chức năng.

- Kiến trúc cảnh quan điểm dân cư nông thôn cần hướng tới tính biểu trưng, tính sinh thái cùng với việc xây dựng đồng bộ hiện đại.

- Các trục giao thông chính được xác định là các trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Trong đó cần tạo tầm nhìn thoáng rộng, điểm nhìn đa dạng và tạo cảm hứng thị giác, đảm bảo mô hình xây dựng cho các khu chức năng dọc tuyến.

- Các khu chức năng chính được quy hoạch với hình thái điểm dân cư nông thôn hiện đại, tối ưu hóa công năng sử dụng, tiết kiệm năng lượng và chi phí sử dụng, tạo dựng các không gian trung tâm đặc trưng, tạo dựng không gian điểm dân cư nông thôn liên hoàn, sinh động và phong phú.

- Các khu dịch vụ giải trí được quy hoạch với hình thái sinh thái, không gian thay đổi linh hoạt, chủ đạo là yếu tố thiên nhiên nhằm tạo cảm giác thư giãn và hấp dẫn đối với du khách.

2. Quy định cụ thể không gian kiến trúc, cảnh quan tại khu vực điểm dân cư trung tâm xã:

2.1 Vị trí:

Định hướng vị trí Khu Trung tâm xã lồng ghép Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn là khu vực giao nhau của 4 ấp Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Tường B, Mỹ Tây A, vị trí thuận lợi khi nằm tại điểm giao của 03 tuyến Đường huyện 75, Đường huyện 76 và Đường huyện 79C, tiếp giáp Rạch Mỹ Tây, Kênh Xáng, Kênh Thầy Cai Nhâm nên thuận lợi cả về đường thủy lẫn đường bộ.

- Có tứ cận như sau:

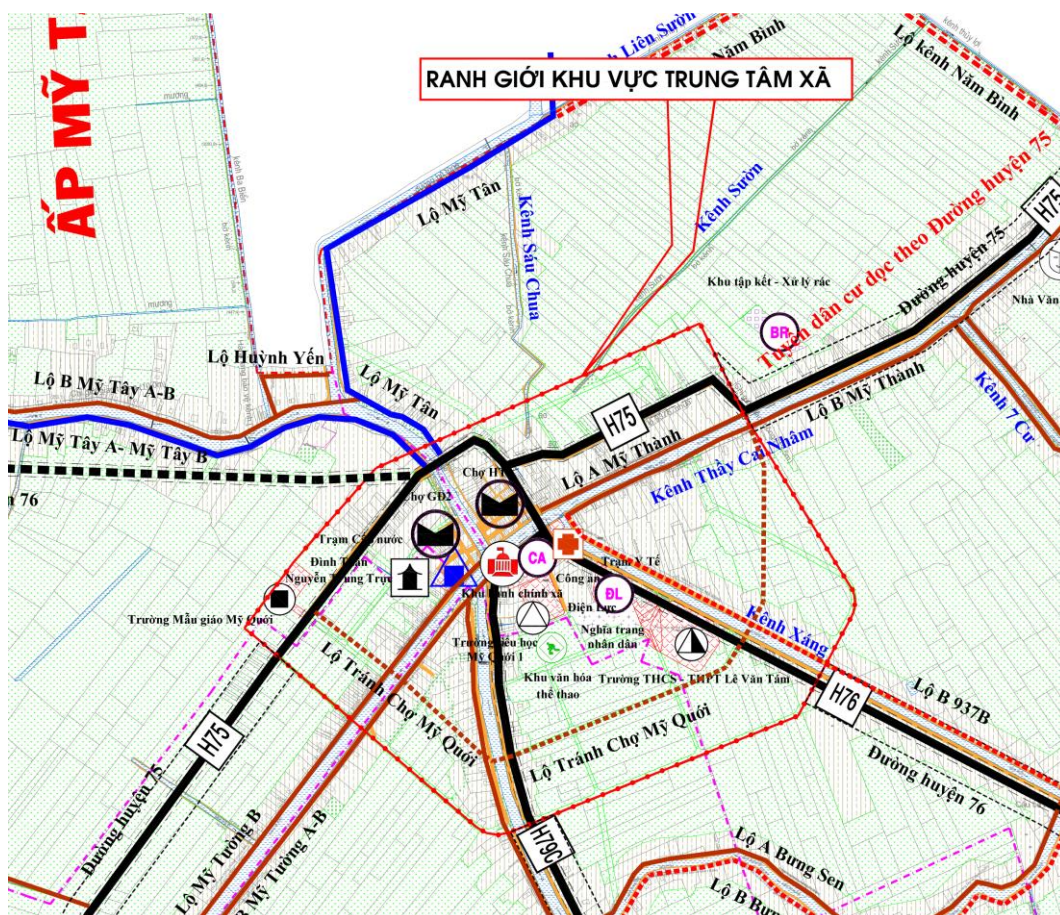
+ Phía Đông: giáp đất ruộng;

+ Phía Tây: giáp đất ruộng;

+ Phía Nam: giáp đường mới mở vào khu di tích;

+ Phía Bắc: giáp đất ruộng cách kênh Mỹ Quới khoảng 250m;

- Quy mô diện tích dự kiến: 88,63 ha.



Vị trí, ranh giới khu vực Trung tâm xã

2.2. Phân khu chức năng:

Phát triển khu dân cư tập trung trung tâm xã với các khu chức năng:

- Khu hành chính tập trung;
- Công trình văn hóa – TDTT;
- Công trình giáo dục, y tế;
- Công trình Chợ, thương mại - dịch vụ;
- Khu ở mới, cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ;
- Đất hạ tầng kỹ thuật,...

2.3. Tính chất:

- Là khu hành chính tập trung, giáo dục, thể dục thể thao, chợ, nhà ở mới kết hợp cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ.
- Là điểm dân cư tập trung đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.
- Là khu chế biến, tập kết nông sản, tập trung các công trình thương mại, tiêu thụ công nghiệp, khu sản xuất, hợp tác xã,... hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

2.4. Về tổ chức không gian:

a) Tổ chức sắp xếp lại hệ thống giao thông; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu, đặc biệt là những trục đường chính; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn, từng bước hạ ngầm các đường dây kỹ thuật (cáp điện, thông tin liên lạc).

b) Tập trung cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư nông thôn, đặc biệt là các khu dân cư tự phát, lấn chiếm kênh rạch.

c) Ưu tiên sử dụng quỹ đất công để xây dựng bổ sung các công trình phúc lợi công cộng về văn hóa, giáo dục phổ thông, dịch vụ y tế cộng đồng.

d) Không cấp phép xây dựng đối với các cơ sở sản xuất mới gây ô nhiễm môi trường; có kế hoạch và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường hiện hữu ra cụm công nghiệp, khu tập trung các cơ sở sản xuất.

e) Chỉ tiêu về không gian, kinh tế, kỹ thuật:

Bảng chỉ tiêu về không gian, kinh tế, kỹ thuật của các loại công trình trong khu vực điểm dân cư trung tâm xã

ST T	Tính chất công trình	Mật độ xây dựng (%)	Tỷ lệ đất trồng cây xanh (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)
1	Các công trình y tế, giáo dục, văn hóa	≤ 40	≥ 30	Theo đặc thù công trình
2	Các công trình dịch vụ điểm dân cư nông thôn khác và các công trình có chức năng hỗn hợp	Theo quy chuẩn về QHXD	Không quy định	Theo quy chuẩn về QHXD
3	Các khu du lịch, nghỉ dưỡng	≤ 25	≥ 65	Theo đặc thù công trình
4	Khu hành chính và hạ tầng xã hội tập trung	≤ 40	Không quy định	Theo quy chuẩn về QHXD
5	Các khu công viên, cây xanh điểm dân cư nông thôn	≤ 5	≥ 75	≤ 1

Ghi chú: Đối với các công trình dịch vụ điểm dân cư nông thôn khác và các công trình có chức năng hỗn hợp xây dựng trên lô đất có diện tích $< 3.000\text{m}^2$, sau khi trừ đi phần đất đảm bảo khoảng lùi theo quy định, trên phần đất còn lại được phép xây dựng với mật độ 100%, nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách tối thiểu giữa các dãy nhà và đảm bảo diện tích chỗ đỗ xe theo quy định.

2.5. Về kiến trúc điểm dân cư trung tâm xã:

a) Tăng cường quản lý chất lượng công trình kiến trúc công cộng, kiến trúc cao tầng trong khu vực trung tâm xã. Theo đó, kiến trúc điểm dân cư nông thôn cần có các tiêu chí: phong phú, vừa tập trung, vừa phân tán, tạo nhiều diện tích công cộng và có nhiều điểm nhìn, tầm nhìn thoáng rộng.

b) Tầng cao công trình:

- Về chiều cao tổng thể, khu vực trung tâm sẽ có chiều cao tương tự như các khu khác nhưng sẽ có những công trình điểm nhấn cao tầng hơn.

- Khuyến khích xây dựng các công trình (cụm công trình) cao tầng cần có luận chứng về các vị trí cao điểm quản lý của điểm dân cư nông thôn đảm bảo công trình không phá vỡ cảnh quan chung và tạo điểm nhấn cho điểm dân cư nông thôn.

c) Các công trình xây dựng đảm bảo cốt cao độ phải lớn hơn hoặc bằng cốt san nền của điểm dân cư nông thôn.

d) Chỉ giới xây dựng xác định theo từng tuyến đường và không vượt quá chỉ giới đường đỏ. Một số tuyến chính cần thống nhất quản lý từ chỉ giới xây dựng hai bên đường và khuyến khích lập thiết kế điểm dân cư nông thôn để thống nhất quản lý.

e) Quy định khác áp dụng theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam số 01:2021/BXD.

2.6. Về cảnh quan điểm dân cư nông thôn:

a) Khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên (sông, hồ...) kết hợp với hệ thống cây xanh - mặt nước để hình thành nên hệ thống không gian cây xanh cảnh quan phù hợp cho điểm dân cư nông thôn và cho các khu chức năng.

b) Kiến trúc cảnh quan điểm dân cư nông thôn cần hướng tới tính biểu trưng, tính sinh thái cùng với việc xây dựng đồng bộ hiện đại.

c) Các trục giao thông chính được xác định là các trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Trong đó cần tạo tầm nhìn thoáng rộng, điểm nhìn đa dạng và tạo cảm hứng thị giác, đảm bảo mô hình xây dựng cho các khu chức năng dọc tuyến.

d) Các khu chức năng chính được quy hoạch với hình thái điểm dân cư nông thôn hiện đại, tối ưu hóa công năng sử dụng, tiết kiệm năng lượng và chi phí sử dụng, tạo dựng các không gian trung tâm đặc trưng, tạo dựng không gian điểm dân cư nông thôn liên hoàn, sinh động và phong phú.

e) Các khu dịch vụ giải trí được quy hoạch với hình thái sinh thái, không gian thay đổi linh hoạt, chủ đạo là yếu tố thiên nhiên nhằm tạo cảm giác thư giãn và hấp dẫn đối với du khách.

2.7. Quy định kích thước lô đất quy hoạch xây dựng nhà ở:

a) Kích thước lô đất quy hoạch xây dựng nhà ở được xác định cụ thể theo nhu cầu và đối tượng sử dụng, phù hợp với các giải pháp tổ chức không gian và được quản lý theo quy định về quản lý xây dựng của khu vực lập quy hoạch.

b) Chiều dài tối đa của một dãy nhà liên kế hoặc riêng lẻ có cả hai mặt tiếp giáp với các tuyến đường cấp đường chính khu vực trở xuống là 80m.

2.8. Các quy định quản lý cải tạo và xây dựng:

a) Quy định chung:

- Quy định đối với khu vực đã có quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500): việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các công trình thực hiện đúng quy định về chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, quy hoạch giao thông, hạ tầng kỹ thuật... của đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

- Quy định đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết: Ưu tiên lập quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế điểm dân cư nông thôn đối với khu vực này. Trong khi chưa có quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn được duyệt, các lô đất trong khu vực này giữ nguyên mục đích sử dụng đất theo Điều chỉnh Quy hoạch chung được duyệt. Việc quản lý quy hoạch tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QHXD QCVN: 01/2021/BXD và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Khuyến khích hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư nông thôn đối với các công trình có một hoặc nhiều tiêu chí sau:

- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội phục vụ lợi ích cộng đồng không có khả năng thu hồi vốn và không thuộc danh mục các công trình chủ đầu tư bắt buộc phải đầu tư.

- Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư và cải tạo, xây dựng lại các khu dân cư theo quy định của pháp luật.

- Đầu tư xây dựng nhà ở cho thuê.

- Đầu tư xây dựng công trình có ứng dụng công nghệ mới, thân thiện với môi trường.

- Các dự án khác theo quy định của pháp luật.

c) Các chính sách hỗ trợ:

- Công bố kịp thời và cung cấp miễn phí các thông tin về quy hoạch, kế hoạch triển khai các khu vực phát triển điểm dân cư nông thôn.

- Hỗ trợ đầu tư các dự án tăng cường năng lực dịch vụ công ích cho khu vực.

- Các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của Nhà nước.

2.9. Quy định quản lý về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

a) Hệ thống giao thông:

- Đảm bảo tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Các khu thương mại dịch vụ, văn phòng, công trình công cộng, nhà ở phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe.

b) Cao độ nền: Theo quy hoạch được phê duyệt.

c) Về độ dốc: Độ dốc đường theo tiêu chuẩn hiện hành.

d) Hệ thống cấp nước: Mạng lưới đường ống cấp nước dạng mạng hỗn hợp kết hợp mạng vòng khép kín và mạng cụt. Cải tạo nâng cấp hệ thống đường ống cấp nước hiện có, giảm tỷ lệ thất thoát và nâng cao áp lực, bổ sung hệ thống cấp nước chữa cháy.

e) Hệ thống thoát nước: Nước mưa và nước thải được thu gom riêng, đảm bảo thu gom 80% nước thải, không xả nước thải trực tiếp ra các sông rạch hiện hữu. Đối với hệ thống ao, hồ thu nước (điều hòa khí hậu) cần lập quy hoạch hệ thống công viên cây xanh kết hợp với ao, hồ là không gian công cộng đa chức năng.

g) Cấp điện và thông tin liên lạc: Tiến tới ngầm hóa hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc trung tâm xã. Cải tạo các trạm biến áp hạ thế kiểu treo thành kiểu kín; tăng cường chiếu sáng các hẻm và đường giao thông điểm dân cư nông thôn.

h) Bảo vệ môi trường:

- Chất thải rắn phải được phân loại, thu gom đưa đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Nâng cao điều kiện sống cho các khu vực dân cư hiện có bằng việc nâng cấp hệ thống hạ tầng và các giải pháp chỉnh trang điểm dân cư nông thôn; Tăng cường nhận thức cho người dân và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường khu dân cư: phân loại chất thải rắn tại nguồn, giữ gìn vệ sinh chung, tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm bảo vệ môi trường khu vực, sử dụng các nhiên liệu, vật liệu và công nghệ thân thiện môi trường ...

- Tận dụng hệ thống cây xanh mặt nước cho công tác tiêu thoát nước và phòng chống ngập úng điểm dân cư nông thôn dựa trên việc tăng cường khả năng lưu chứa nước tạm thời của các khu vực cây xanh công viên tại các ao hồ hiện hữu, tăng cường khả năng điều tiết của hệ thống các hồ nước kết hợp với tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu, tăng cường khả năng dẫn và tiêu nước của các kênh và sông, tăng cường khả năng thấm hút của các mặt phủ của khu vực cây xanh.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn không cho phép xả nước thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường trực tiếp ra sông, hồ và kênh rạch. Quy hoạch vị trí và chất lượng nước tại các điểm xả để đảm bảo khả năng tự làm sạch và phù hợp với khả năng tiếp nhận chất ô nhiễm của sông, rạch.

- Kè chống xói lở và có kế hoạch nạo vét bùn cặn, đảm bảo tiết diện thoát nước cho hệ thống kênh, mương.

- i) Tại các khu vực có không gian ngầm cần lập bản đồ hiện trạng khảo sát, đo đạc thống nhất quản lý.

2.10. Được phép/ Khuyến khích:

- Bảo tồn các công trình có giá trị cao về kiến trúc cảnh quan điểm dân cư nông thôn, dỡ bỏ các hạng mục coi nói xung quanh, tăng thêm sân vườn.

- Khuyến khích tăng thêm tiện ích công cộng, sân vườn, chỗ để xe, quảng trường cho khu vực từ diện tích đất kho tàng.

2.11. Ngăn cấm/ Hạn chế:

- Việc xây dựng coi tầng, xây dựng các công trình trên các hệ thống ngầm, lấp cống, đào đường, chiếm đất công cộng xây dựng nhà trái pháp luật.

- Các hành vi lấn chiếm sử dụng vỉa hè, lòng đường sai mục đích làm cản trở giao thông, ảnh hưởng đến mỹ quan đường phố như hàng rong, tập trung vật liệu xây dựng...

- Các hoạt động làm thay đổi, phá vỡ cấu trúc điểm dân cư nông thôn, phong cách kiến trúc, cảnh quan không gian và các giá trị di sản văn hóa, lịch sử.

3. Đối với khu vực trung tâm hành chính- chính trị:

Gồm Khu hành chính xã Mỹ Quới, trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, các phòng, ban, đoàn thể,... thuộc xã,

a. Vị trí:

Hiện các cụm trụ sở và các trụ sở này nằm tập trung thành khu trung tâm hành chính của xã.

b. Yêu cầu quản lý về không gian kiến trúc quy hoạch:

Theo quy hoạch thì các công trình cần đảm bảo:

- Khuôn viên, mặt đứng, màu sắc, tường rào công trình góp phần xây dựng hình ảnh điểm dân cư nông thôn khang trang.
- Đảm bảo mật độ xây dựng hiện hữu, tăng mật độ cây xanh, đảm bảo đường giao thông nội bộ.
- Tổ chức thuận lợi cho người dân tiếp cận và tính trang nghiêm của cơ quan công sở.

STT	Tính chất công trình	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất
1	Các công trình công sở cơ quan đảng cấp xã	≤ 40	4	< 2
2	Các công trình công sở chính quyền cấp xã	≤ 40	4	< 2
3	Các công trình công cộng khác	≤ 40	4	< 2

4. Đối với công trình thể dục thể thao và công viên (nếu có):

a. Đối với công trình thể dục thể thao (TDTT):

- Tất cả các công trình phải lùi sâu vào so với chỉ giới đường đỏ $\geq 10m$ để đảm bảo an toàn thoát người và PCCC.
- Đối với công viên cây xanh thì vườn hoa, vườn dạo có thể làm trùng với chỉ giới xây dựng nhưng không được phép làm hàng rào.
- Hình thức công trình và cây xanh công viên:
 - + Cây trồng sử dụng nhiều chủng loại, đảm bảo xanh cho cả bốn mùa, có thể kết hợp với sân thể thao nhỏ, các đường dạo, vòi phun nước, ghế đá, dụng cụ tập thể dục... để tăng hiệu quả sử dụng, tường rào thoáng không che chắn tầm nhìn.
 - + Sử dụng cây xanh tham khảo tại TCXDVN 362-2005 về Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các điểm dân cư nông thôn.

- Xử lý không gian ngoài công trình:

+ Không gian trống ngoài công trình trung tâm thể dục thể thao phải được bố trí sân vườn, đường đi nội bộ, bãi đỗ xe và trồng cây xanh.

+ Chiều cao hàng rào phải $\leq 1,8\text{m}$, và trong đó phần xây đặc phải $\leq 0,6\text{m}$. Thiết kế hàng rào thoáng, đẹp mắt.

- Bãi đỗ xe: Bãi đỗ xe phải được bố trí trong khuôn viên của công trình.

b. Đối với cây xanh nông thôn:

- Mỗi tuyến đường chỉ trồng từ 1-2 loại cây, tạo thành chuỗi, hệ thống cây xanh liên tục, hoàn chỉnh (các loại cây cũ vẫn giữ nguyên, nếu không phù hợp sẽ từng bước thay thế).

- Loại cây trồng phải có đặc tính: Thân, cành chắc khỏe, rễ ăn sâu và không làm phá hỏng các công trình liền kề, ít rụng lá vào mùa đông, phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, không có độc tố, hoa có màu sắc đẹp.

- Vía hè $\leq 2\text{m}$: Không trồng cây bóng mát.

- Vía hè từ 2m - 5m: Trồng cây thân thẳng, không phát triển cành ngang; chiều cao tối đa 10m.

- Vía hè $\geq 5\text{m}$: Trồng cây lâu năm, chiều cao tối đa 20 m.

- Cây xanh đưa ra trồng phải đảm bảo tiêu chuẩn: Chiều cao $\geq 2\text{m}$, đường kính thân cây $\geq 4\text{cm}$ (đối với cây tiểu mộc); chiều cao $\geq 3\text{m}$, đường kính thân cây $\geq 5\text{cm}$ (đối với cây trung mộc và đại mộc).

- Dải phân cách có bề rộng nhỏ hơn 5m chỉ trồng cỏ, cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách rộng từ 5m trở lên có thể trồng loại cây thân thẳng có chiều cao, tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trên chiều dài dải phân cách giữa giáp các nút giao cách 5m đến 8m không được trồng cây xanh để đảm bảo tầm nhìn.

- Cây xanh phải trồng cách các góc đường 5m - 8m, cách các hẻm cứu hỏa 2 - 3m, cách cột đèn chiếu sáng và nắp hố ga 1 - 2m, cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật 1 - 2m; vị trí trồng cây nằm ở khoảng trước ranh giới hai nhà mặt phố và đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

- Ô đất trồng cây xanh trên vỉa hè: Kích thước hình vuông hoặc hình tròn; có lớp lát xung quanh gốc với cao độ bằng cao độ vỉa hè và thiết kế thoáng để thuận tiện cho việc chăm sóc cây.

4.1. Được phép/ Khuyến khích:

- Công viên tốt nhất được bố trí tại trung tâm, khu vực lân cận với đường lớn hay, khu vực thương mại.

- Công viên khu nhà ở được bố trí giáp với trường tiểu học hay trung học cơ sở để có thể sử dụng làm sân chơi, tạo điều kiện cho việc sử dụng đa chức năng.

- Nên bố trí tại những nơi có thể sử dụng gắn với môi trường thiên nhiên như vườn cây hay ao, hồ.

4.2. Ngăn cấm/ Hạn chế:

- Nghiêm cấm việc xây dựng các công trình kiến trúc trái phép, không đúng chức năng, chiếm dụng không gian xung quanh hành lang vỉa hè, dọc tường rào và bên trong công viên.

- Không đốn hạ, di dời trái phép, tự ý leo trèo, khắc, lột vỏ thân cây, chặt/bẻ cành, nhánh, hái hoa, trái, lá... làm thiệt hại đến cây xanh công viên.

- Nghiêm cấm đổ rác thải, chất độc hại vào gốc cây và các hành vi khác gây chết cây hoặc ảnh hưởng đến môi trường, cây xanh trong khu vực công viên.

- Nghiêm cấm trồng các loại cây ăn quả, cây có độc tố, cây có mùi, cây có khuyết tật, có khả năng xảy ra rủi ro khi cây hoặc một phần của cây gãy/đổ có khả năng gây nguy hiểm tới môi trường, con người và sinh hoạt cộng đồng,... của khu vực công viên.

5. Quy định quản lý chung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Cao độ không chế xây dựng: Cao độ nền xây dựng tối thiểu phải theo quy định trong Quy hoạch chi tiết trung tâm xã đã được phê duyệt.

b) Giao thông: Đảm bảo sự tiếp cận an toàn và thuận tiện trong điều kiện sử dụng bình thường và khi có sự cố cho tất cả các đối tượng kể cả người khuyết tật.

c) Hệ thống cấp nước: Phải tuân thủ vị trí và yêu cầu kỹ thuật về hướng, tuyến, cao độ các hạng mục công trình của hệ thống cấp nước theo đồ án đã được phê duyệt.

d) Hệ thống thoát nước:

- Nước mưa trong khu vực công trình được thoát vào hệ thống cống, rãnh thu nước trong công trình rồi chảy vào đường cống của khu vực.

- Đối với các công trình nằm giáp các trục đường có xây dựng hệ thống giếng thoát nước mưa thì thoát nước mưa vào các giếng này.

- Hệ thống cống rãnh bên trong công trình được đầu nối vào đường cống gần nhất.

- Hệ thống thoát nước phải tiêu thoát nhanh, không ứ đọng gây ô nhiễm môi trường; phải được xây dựng thuận tiện cho công tác duy tu bảo dưỡng. Giếng thăm, giếng thu, miệng xả thiết kế theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành;

- Thoát nước bản vệ sinh môi trường: Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thoát ra cống thoát nước riêng khu vực.

đ) Cấp điện:

- Đảm bảo hệ thống chiếu sáng trong công trình TDDT theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Chiếu sáng hệ thống đường dạo trong công viên đảm bảo an toàn và thuận tiện di chuyển.

e) Chống thảm họa:

- Công viên là không gian mở, sẽ trở thành điểm phòng chống thảm họa, chẳng hạn sẽ làm nơi sơ tán tạm thời cho người dân khi có thảm họa (cháy nổ, lũ lụt,...) xảy ra.

- Trong công viên phải cần đưa vào các chức năng phòng chống thảm họa như xây kho chứa các vật dụng phòng khi có sự cố xảy ra.

g) Bảo vệ môi trường: Rác thải sinh hoạt được gom lại tại các thùng rác, sau đó được doanh nghiệp, đơn vị làm công tác vệ sinh môi trường vận chuyển đến khu xử lý rác của xã.

6. Đối với khu vực An ninh quốc phòng:

- Việc xây dựng các công trình tại khu vực này được thực hiện trên cơ sở các quy hoạch chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Ngoài các công trình an ninh quốc phòng theo thiết kế đặc thù phục vụ theo mục đích sử dụng thì các loại công trình xây dựng khác phải tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

- Các hoạt động xây dựng, thi công của khu an ninh quốc phòng nếu có vướng mắc theo quy định chung xây dựng điểm dân cư nông thôn cần có sự trao đổi, thỏa thuận với các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 6. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc:

- Khuyến khích phát triển không gian kiến trúc công trình cao tầng tại khu vực trung tâm xã, các khu vực điểm nhấn về cảnh quan theo quy hoạch, các tuyến đường chính;

- Xu hướng kiến trúc hiện đại, đề cao công năng sử dụng, khuyến khích việc sử dụng vật liệu công nghệ mới, phù hợp với khí hậu địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời giữ gìn và tôn tạo các công trình kiến trúc cũ có giá trị kiến trúc văn hóa và lịch sử. Tạo ra một sắc thái kiến trúc hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, địa hình tự nhiên, phát huy không gian mặt nước, khu sinh thái;

- Hình thức kiến trúc đơn giản, hiện đại nhưng giàu bản sắc văn hóa địa phương, không khuyến khích việc sử dụng quá nhiều chi tiết kiến trúc cổ nước ngoài vào công trình, như: mái chóp, mái vòm, thức cột,...;

- Màu sắc của vật liệu ốp hoặc màu sơn ngoài công trình khuyến khích không được sử dụng các gam màu nóng (ví dụ: vàng, cam, đỏ ...), gam màu tối sẫm (ví dụ: màu đen, nâu đậm...) hay các màu sắc, vật liệu có độ tương phản cao làm màu chủ đạo bên ngoài công trình; đồng thời, có giải pháp sử dụng vật liệu phù hợp với điều kiện khí hậu tự nhiên, giảm sự xuống cấp nhanh chóng của vật liệu sử dụng bên ngoài công trình gây mất mỹ quan điểm dân cư nông thôn.

Điều 7. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù:

(không có)

Điều 8. Quy định quản lý kiến trúc các loại hình công trình:

1. Đối với công trình công cộng:

1.1. Quy định chung công trình công cộng:

a) Tất cả các công trình phải được thiết kế, xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt, các quy định quản lý đất đai, tuân thủ theo đúng các điều khoản của Quy chế này, bảo đảm theo Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng.

b) Công trình xây dựng cần đảm bảo yếu tố thoát người khi có thiên tai, địch họa; có hệ thống phòng chống cháy nổ, bãi đỗ xe theo các quy định của pháp luật.

c) Việc xem xét quy mô công trình phải dựa trên các tiêu chí bảo đảm hình khối kiến trúc công trình theo công năng và an toàn khi sử dụng tại khu vực.

d) Các công trình có liên quan đến yếu tố chuyên ngành như: y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... phải được các cơ quan quản lý Nhà nước về chuyên ngành xem xét trước khi thực hiện các bước xây dựng cơ bản tiếp theo.

e) Đảm bảo các quy định về ổn định an toàn chịu lực, an toàn về phòng cháy chữa cháy, môi trường (yêu cầu cụ thể cho từng nhóm công trình), giao thông, hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư nông thôn theo quy định hiện hành.

g) Công trình phải đảm bảo những quy định về vệ sinh môi trường; không được gây tiếng ồn, khói bụi và khí thải ảnh hưởng cho dân cư xung quanh.

h) Công trình đảm bảo bán kính phục vụ, sử dụng thuận tiện an toàn đối với người khuyết tật khi tiếp cận công trình.

1.2. Một số chỉ tiêu chung cho công trình công cộng:

a) Khoảng lùi xây dựng: tùy theo chiều cao công trình, bề rộng đường phố (theo chỉ giới đường đỏ) và các yếu tố liên quan, khoảng lùi tối thiểu theo quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01: 2021/BXD.

b) Mật độ xây dựng tối đa: 40%, đồng thời phải đảm bảo các quy định riêng về mật độ xây dựng phù hợp với tính chất, quy mô và thể loại công trình.

c) Khoảng cách các dãy nhà tùy thuộc và chiều cao, chiều dài các dãy, tối thiểu là 7m (giữa 02 cạnh dài dãy nhà) và 4m (giữa 02 đầu hồi).

d) Cao độ nền công trình chênh cao so với vỉa hè là $\leq 0,75$ (nếu không có tầng hầm) và $\leq 2,5$ (nếu có tầng hầm). Cao độ san nền, đường nội bộ khi hoàn thiện phải phù hợp với cao độ vỉa hè.

e) Với lô đất tại vị trí góc đường: Công trình xây dựng phải được cắt vạt góc theo quy định.

g) Lối ra vào công trình: Nhà công cộng, dịch vụ có đông người ra vào, tụ họp (trường học, bệnh viện, nhà hát, sân vận động...) phải:

- Đảm bảo giao thông đường phố tại khu vực cổng ra vào công trình được an toàn và thông suốt, không bị tắc nghẽn: có diện tích tập kết người và xe trước cổng (còn gọi là vịnh đậu xe); cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.

- Có đủ diện tích sân, bãi cho số người ra vào công trình (kể cả khách vắng lại) có thể ra vào, tụ tập, để xe một cách thuận lợi và an toàn như:

- + Sân tập hợp học sinh toàn trường: đối với trường học, nhà trẻ;
- + Sân chờ cho khách, sân cho phụ huynh các học sinh nhỏ tới đón con;
- + Sân chờ đợi, thoát người: đối với nhà biểu diễn, phòng khám bệnh, cơ quan hành chính;
- + Nhà để xe cho nhân viên, giáo viên, học sinh, khách.

h) Khuyến khích không xây tường rào; tường rào (nếu có) phải có hình thức đẹp, thoáng, cao tối đa là 1,8m (trong đó chiều cao tường xây đặc $h \leq 0,6m$).

k) Các quy định khác về cảnh quan, kiến trúc công trình: áp dụng theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

1.3. Công trình hành chính- chính trị:

a) Vị trí, quy mô:

Công trình hành chính – chính trị trên địa bàn bao gồm công trình hiện hữu và các công trình được quy hoạch xây dựng mới trong tương lai.

b) Tính chất, chức năng:

- Là cụm công trình có tính chất quan trọng trong hệ thống các công trình của xã, tạo lập khu vực có chức năng phục vụ cộng đồng và là nơi thể hiện quyền hạn và chức năng của chính quyền.

- Là một trong hệ thống công trình tạo lập kiến trúc cảnh quan cho xã.

c) Quy chế quản lý chung về kiến trúc:

- Công trình hành chính mới đảm bảo yêu cầu về kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật hiện đại, thiết kế đảm bảo kết hợp yếu tố hiện đại với truyền thống và phù hợp với chức năng hành chính – chính trị.

- Sử dụng các quỹ đất phù hợp với quy hoạch chung để hoàn thiện và xây dựng hệ thống công trình hành chính – chính trị cấp xã.

- Cần nghiên cứu về vị trí, diện tích của thửa đất để xây dựng công trình trụ sở để đảm bảo tính khang trang, bề thế của công trình.

- Tầng cao của công trình: xây dựng theo quy hoạch.

- Chiều cao của các tầng công trình được thiết kế tùy theo công năng sử dụng nhưng phải đảm bảo hình thức kiến trúc công trình và phù hợp với cảnh quan khu vực.

- Khoảng lùi của mỗi công trình tùy thuộc vào vị trí thửa đất và mặt cắt ngang của tuyến đường mặt chính để quy định cụ thể.

d) Được phép/ Khuyến khích:

- Khuyến khích quy hoạch, di chuyển tập trung công trình hành chính - chính trị về thành cụm.

- Khuyến khích xây dựng công trình bề thế, khang trang, có kiến trúc hài hòa với cảnh quan khu vực.

e) Ngăn cấm/ Hạn chế:

- Tăng mật độ xây dựng trong quá trình cải tạo, nâng cấp công trình.

- Xây dựng mới các công trình hành chính – chính trị trong điểm dân cư nông thôn không có trong quy hoạch, kế hoạch.

1.4. Công trình dịch vụ- thương mại:

a) Vị trí, quy mô: Bao gồm các siêu thị tổng hợp, chợ truyền thống, công trình nhà ở thương mại nằm tại trung tâm xã.

b) Tính chất, quy mô:

- Tạo lập khu trung tâm dịch vụ thương mại tại khu vực trung tâm xã.
- Bố trí các trọng điểm thương mại dịch vụ với nhiều loại hình, đáp ứng nhu cầu của cư dân và du khách; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch thương mại để có thể nắm bắt, điều chỉnh theo xu hướng thị trường, tạo hiệu quả cao trong lưu thông hàng hóa; tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, triển lãm các sản phẩm, đặc sản của tỉnh, nhằm thúc đẩy liên kết phát triển với nông thôn.

c) Quy chế quản lý chung về kiến trúc:

- Công trình dịch vụ - thương mại có quy mô lớn yêu cầu thực hiện theo quy hoạch đã được duyệt.
- Phát triển các trung tâm thương mại dịch vụ tại vị trí thuận lợi cho giao thông, nơi tập trung các công trình đầu mối giao thông, các trạm trung chuyển.
- Trong quá trình hình thành dự án cần có phương án đồng bộ giải quyết các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật kết nối với hạ tầng kỹ thuật khu vực để tránh quá tải trong quá trình khai thác sử dụng.
- Quá trình thiết kế và xây dựng đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật hiện hành, phòng chống cháy nổ, cứu hỏa và thoát người.
- Cải tạo chỉnh trang các công trình hiện có; đồng thời đối chiếu với yêu cầu thực tế để có đề xuất bổ sung hoàn thiện hệ thống công trình dịch vụ - thương mại.

d) Quy chế quản lý chung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, cảnh quan:

- Giải quyết đồng bộ các hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của người dân.
- Chú ý đảm bảo đủ diện tích bãi đỗ xe trong từng công trình, và đảm bảo lối tiếp cận an toàn ra đường giao thông.
- Chú ý sự tiếp cận thuận lợi cho tất cả các đối tượng, kể cả người khuyết tật.
- Lập kế hoạch và dự án cải tạo và nâng cấp cảnh quan môi trường một cách đồng bộ trong khu vực.

e) Được phép/ Khuyến khích:

- Bố trí các biển quảng cáo trong phạm vi công trình với nội dung và hình thức phù hợp với các quy định có liên quan.
- Phát triển trung tâm thương mại dịch vụ, đồng bộ với các công trình và hạ tầng xung quanh.

f) Hạn chế/ ngăn cấm:

- Xây dựng các công trình trung tâm thương mại, dịch vụ có quy mô nhỏ lẻ, không theo quy hoạch.
- Bố trí biển quảng cáo bên ngoài phạm vi công trình, có kích thước lớn không phù hợp với quy định.
- Trong quá trình cải tạo và nâng cấp công trình hiện hữu, không tăng mật độ xây dựng.

1.5. Công trình giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non:

a) Tính chất, chức năng:

- Hình thành hệ thống giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đời sống của cộng đồng dân cư tại địa bàn.
- Đáp ứng yêu cầu về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông đối với cộng đồng dân cư tại mỗi khu vực theo các quy định tiêu chuẩn quốc gia.

b) Quy chế quản lý chung về kiến trúc:

- Các trường phổ thông, mầm non trong khu vực đảm bảo chất lượng hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng yêu cầu của dân cư trên địa bàn.
- Lập dự án cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất các trường phổ thông và giáo dục mầm non hiện có, hướng tới nâng cao tỷ lệ số trường đạt tiêu chuẩn quốc gia.
- Rà soát thực trạng, đối chiếu các quy định hiện hành về mạng lưới trường giáo dục mầm non, tiểu học để xác định những khu vực còn thiếu các công trình này.
- Có kế hoạch khai thác quỹ đất bổ sung vào mạng lưới các trường, đáp ứng yêu cầu của cộng đồng dân cư tại từng địa bàn.
- Đối với các khu vực xây dựng mới, kiểm soát chặt chẽ yêu cầu về hệ thống giáo dục mầm non và trường phổ thông theo đúng quy định hiện hành.
- Công ra vào các trường thiết kế có vịnh đậu xe (khoảng lùi tối thiểu 4m so với chỉ giới đường đỏ) đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực.

- Diện tích khu đất: đảm bảo chỉ tiêu về diện tích bình quân cho mỗi học sinh (trẻ), và tổng số trẻ cho một trường theo quy định trong Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

c) Quy chế quản lý chung về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ hiện đại, bền vững đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ sở giáo dục.

- Tạo lập cảnh quan và môi trường thuận lợi đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ sở mầm non và trường phổ thông.

d) Được phép/ Khuyến khích:

- Hình thành công trình công cộng thích hợp với hoạt động giáo dục tại khu vực cận kề với cơ sở mầm non và trường phổ thông.

- Thực hiện đúng pháp luật và quy định của chuyên ngành giáo dục.

e) Hạn chế/ Ngăn cấm:

- Thay đổi mục đích sử dụng đất các công trình giáo dục được xác định trong quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt.

- Trái với quy định chuyên ngành và quốc gia.

1.6. Công trình y tế :

a) Tính chất, chức năng:

- Công trình y tế là công trình chăm sóc sức khỏe và điều trị cho mọi người dân.

- Đáp ứng yêu cầu bảo vệ sức khỏe của cộng đồng dân cư tại địa bàn và yêu cầu chăm sóc sức khỏe ở cấp cao hơn.

b) Quy chế quản lý chung về kiến trúc:

- Đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh đối với môi trường tự nhiên và xã hội trên địa bàn.

- Rà soát đối chiếu với thực trạng để đề xuất lộ trình hình thành các dự án bổ sung, nâng cấp các cơ sở thuộc hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Diện tích đất cho công trình: đảm bảo chỉ tiêu diện tích cho mỗi bệnh nhân và tổng số giường bệnh cho bệnh viện theo quy định trong Quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

c) Quy chế quản lý chung về hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường:

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại đồng bộ và bền vững đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ sở chăm sóc sức khỏe. Chú ý việc thu gom và xử lý rác thải bệnh viện đúng nơi quy định và riêng biệt với rác thải sinh hoạt.

d) Được phép/ Khuyến khích:

Bố trí loại hình dịch vụ liên quan, đáp ứng yêu cầu của người dân đến sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng có liên quan.

e) Hạn chế/ ngăn cấm:

Bố trí các công trình gây ô nhiễm về âm thanh, không khí,... ảnh hưởng bất lợi đến sức khỏe của người đến công trình chăm sóc sức khỏe - y tế.

1.7. Công trình thể dục thể thao (TDTT), vui chơi giải trí:

a) Quy mô, tính chất:

- Hình thành hệ thống công trình TDTT và vui chơi giải trí tại cộng đồng dân cư.

- Đáp ứng yêu cầu về thể dục thể thao.

b) Quy chế quản lý chung về kiến trúc:

- Rà soát đối chiếu với thực trạng để đề xuất lộ trình hình thành các dự án bổ sung, nâng cấp các cơ sở hiện có, phù hợp với mạng lưới quy hoạch chuyên ngành về mạng lưới TDTT, đáp ứng nhu cầu về các chỉ tiêu đã quy định trong quy hoạch chung.

- Lập kế hoạch xây dựng, phát triển các trung tâm thể thao giải trí quy mô lớn, với chức năng phong phú, phù hợp với điều kiện tự nhiên, theo quy định, đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động thể thao của cộng đồng dân cư.

c) Quy chế quản lý chung về hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường:

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ bền vững thỏa mãn nhu cầu khai thác sử dụng.

- Tạo môi trường cảnh quan phù hợp với hoạt động thể dục thể thao tại khu vực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

d) Hạn chế/ Ngăn cấm:

Trái với các quy định của chuyên ngành và quốc gia.

2. Công trình nhà ở:

2.1. Nhà ở tại khu dân cư mới:

Thực hiện theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt.

2.2. Nhà ở tại các tuyến đường, khu vực chưa có quy hoạch chi tiết:

Thực hiện theo Điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy định sau:

- Tại khu vực trung tâm hiện hữu được phép xây dựng mật độ tối đa 100% đối với nhà ở có diện tích đất $\leq 100m^2$.

- Chỉ giới xây dựng: được xác định cụ thể dựa vào chiều cao công trình và lộ giới đường.

- Số tầng tối đa: 04 tầng (không kể tầng hầm và tầng mái).

- Cốt xây dựng: cốt nền tầng trệt hoàn thiện cao hơn cốt vỉa hè tối thiểu là 0,3m.

- Kết cấu chịu lực, vật liệu xây dựng và hoàn thiện kiến trúc mặt ngoài:

+ Nhà khung bê tông cốt thép hoặc xây tường gạch.

+ Nhà không được xây bao, lợp mái bằng vật liệu tạm, thô sơ, đắp đất, ghép gỗ, tôn, tre, nứa, phibrôximăng, giấy dầu, mái lá, rơm rạ ...

+ Sử dụng vật liệu trang trí bề ngoài ngôi nhà hài hòa.

+ Nhà ở trong các lô đầu hẻm phải được nghiên cứu, trang trí cả hai mặt, không được sử dụng những mảng tường, bê tông lớn cứng nhắc, phản cảm.

+ Không được sử dụng quá bốn màu trên mặt đứng công trình (kể cả trắng và đen); không được sử dụng các màu đen, cam, đỏ, màu đậm và màu tối sẫm làm màu chủ đạo bên ngoài, kể cả chống thấm mặt bên công trình.

+ Miệng xả khói, ống thông hơi không được hướng ra đường phố.

+ Máy điều hòa nhiệt độ không khí nếu đặt ở mặt tiền, sát với chỉ giới đường đỏ phải ở độ cao trên 2,7m và không được xả nước ngưng trực tiếp lên mặt hè, đường phố.

+ Mặt tiền ngôi nhà, không được sử dụng vật liệu phản quang lớn hơn 70%;

+ Ở mặt tiền các ngôi nhà dọc các đường phố không được bố trí sân phơi quần áo;

+ Không gắn các hình tượng trang trí kỳ dị trên mái nhà, ban công.

- Phần nhà được phép nhô ra của công trình xây dựng:

Trường hợp chỉ giới xây dựng lùi vào sau chỉ giới đường đỏ:

+ Trong khoảng không từ mặt vỉa hè lên tới độ cao 3,5m, mọi bộ phận của nhà đều không được nhô quá chỉ giới đường đỏ, trừ các trường hợp: bậu cửa, gờ chỉ, cánh cửa, ô văng, mái đua, mái đón, móng nhà. Riêng ban công, lô gia được nhô quá chỉ giới xây dựng và không được che chắn tạo thành buồn. Khoảng cách nhô ra phải đảm bảo kích thước theo quy mô từng tuyến đường. (theo bảng bên dưới).

Trường hợp chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ quy định như sau:

+ Trong khoảng không từ mặt vỉa hè tới độ cao 3,5m, mọi bộ phận của nhà đều không được nhô ra chỉ giới đường đỏ, trừ các trường hợp: đường ống đứng thoát nước mưa ở mặt ngoài nhà được phép vượt qua đường đỏ không quá 0,2m và phải đảm bảo mỹ quan; Từ độ cao 1m (tính từ mặt vỉa hè) trở lên, các bậu cửa, gờ chỉ, bộ phận trang trí được phép vượt đường đỏ không quá 0,2m.

+ Trong khoảng không từ độ cao 3,5m (so với mặt vỉa hè) trở lên, các bộ phận cố định của nhà (ô văng, sê nô, ban công,..., nhưng không áp dụng đối với mái đón, mái hè) được vượt quá chỉ giới đường đỏ quy định trong bản sau:

Độ vươn ra tối đa của ban công, mái đua, ô văng:

Chiều rộng lộ giới (m)	Độ vươn ra tối đa $A_{\max}$ (m)
Dưới 7m	0
$7 \div 12$	0,9
$>12 \div 15$	1,2
> 15	1,4

+ Độ vươn ra của ban công, mái đua, ô văng đồng thời phải nhỏ hơn chiều rộng vỉa hè ít nhất 1,0m, phải đảm bảo quy định về an toàn lưới điện.

+ Trên phần nhô ra chỉ được làm ban công, có thể tạo thành lôgia hay buồng nhưng phải theo quy định cụ thể của từng đồ án quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế điểm dân cư nông thôn cụ thể.

- Hình khối kiến trúc bố trí hài hòa, phù hợp với cảnh quan khu vực; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng.

- Việc xây cổng, tường rào:

+ Tường rào xây dựng (nếu có) phải có kiến trúc thoáng, mỹ quan đẹp, trong đó phần xây đặc cao không quá 0,8m; phần phía trên phải thông thoáng không che khuất tầm nhìn.

- Nhà riêng lẻ xây dựng mới bắt buộc phải thiết kế bể tự hoại đảm bảo yêu cầu vệ sinh mới được cấp phép đấu nối vào hệ thống chung (nội dung cấp phép đấu nối nằm trong giấy phép xây dựng).

3. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp (nếu có):

3.1. Quy định chung:

Việc quy hoạch và thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

3.2. Quy định về chỉ tiêu xây dựng:

Tầng cao, chiều cao, hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng các công trình: theo quy hoạch được phê duyệt và các quy định của công trình công nghiệp.

Khoảng lùi công trình: đảm bảo yêu cầu phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành và tối thiểu phải đạt:

Khoảng cách ly vệ sinh: đối với các công trình không xây dựng trong các khu - cụm công nghiệp tập trung hoặc được xây dựng trong các khu - cụm công nghiệp tập trung nhưng yêu cầu có khoảng cách ly vệ sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Trong dải cách ly vệ sinh, tối thiểu 50% diện tích đất phải được trồng cây xanh và không quá 40% diện tích đất được sử dụng để bố trí bãi đỗ xe, trạm bơm, trạm xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải.

3.3. Quy định về kiến trúc, cảnh quan:

Khuyến khích sáng tác kiến trúc hiện đại, thông thoáng và thân thiện với môi trường.

Các công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp phải trồng và duy trì cây xanh tán lớn xung quanh công trình kiến trúc tại các khoảng lùi với ranh đất, khoảng cách ly an toàn, xung quanh khu vực sân bãi công nghiệp, khu vực cổng và nhà để xe nhằm tạo bóng mát, giảm bức xạ mặt trời, lọc bụi, cải thiện vi khí hậu cho môi trường sản xuất.

Các công trình công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp phải dành ít nhất 10% diện tích đất để bố trí thảm cỏ, vườn hoa, vòi phun nước, ghế đá, chòi nghỉ nhỏ ở vị trí thuận tiện.

Điều 9. Quy định khác:

1. Quảng cáo trên công trình kiến trúc:

1.1. Quy định chung:

Quảng cáo trên các công trình kiến trúc phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo, quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng.

Nghiêm cấm quảng cáo trên hàng rào, trong khuôn viên và trên công trình kiến trúc hành chính, chính trị, quân sự, ngoại giao, trụ sở các đoàn thể; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; công trình kiến trúc bảo tồn; tượng đài; công trình giáo dục, y tế và các công trình hạ tầng kỹ thuật.

Bảng quảng cáo không được che cửa đi, cửa sổ, phần trống của ban công, lô gia, lối thoát hiểm, lối phòng cháy, chữa cháy.

Các bảng quảng cáo phải bảo đảm an toàn về kết cấu chịu lực, bảo đảm an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy của bảng quảng cáo và của công trình kiến trúc;

Quy cách và kích thước của biển số nhà được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.2. Đối với nhà ở liên kế:

Trên hàng rào của công trình nhà ở liên kế không cho phép mọi hình thức quảng cáo, chỉ được phép treo biển số nhà.

Biển quảng cáo tại vị trí chỉ giới xây dựng có cao độ tối thiểu 3m so với vỉa hè.

Biển quảng cáo trên ban công, mái hiên phải bảo đảm cao độ tối thiểu bằng mép dưới của sàn ban công hoặc mái hiên.

1.3. Đối với nhà ở nông thôn:

Trên hàng rào và công trình kiến trúc nhà ở nông thôn không cho phép mọi hình thức quảng cáo, chỉ được phép treo biển số nhà.

Không cho phép xây dựng trụ quảng cáo độc lập trong khuôn viên đất ở nông thôn (trừ trường hợp có quy hoạch quảng cáo ngoài trời được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt).

1.4. Đối với công trình thương mại (nếu có):

Cho phép quảng cáo trên công trình thương mại. Không giới hạn tổng diện tích quảng cáo. Các bảng quảng cáo không được phép nhô ra hơn 60cm đối với mặt ngoài công trình.

Cho phép xây dựng trụ quảng cáo độc lập trong khuôn viên công trình, bảng không được lấn lộ giới, cản trở tầm nhìn đối với giao thông trong và ngoài khuôn viên, cản trở lối đi lại của xe và người đi bộ, và hài hòa với kiến trúc tổng thể của dự án.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt, biển hiệu công trình phải được làm dưới dạng các chữ cái rời và được chiếu sáng bằng đèn. Đối với biển hiệu ngang thì chiều cao tối đa là 2,0m, chiều dài không vượt quá chiều ngang mặt nhà. Đối với biển hiệu dọc thì chiều ngang tối đa là 1,0m, chiều cao tối đa là 4,0m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu.

1.5. Đối với công trình phức hợp nhà ở và thương mại dịch vụ:

Cho phép quảng cáo trên công trình kiến trúc. Không giới hạn tổng diện tích quảng cáo. Các bảng quảng cáo không được vượt quá chiều cao khối đế thương mại dịch vụ, không được phép nhô ra hơn 60cm đối với mặt ngoài công trình.

Cho phép xây dựng trụ quảng cáo độc lập trong khuôn viên công trình, bảng không được lấn lộ giới, cản trở tầm nhìn đối với giao thông trong và ngoài khuôn viên, cản trở lối đi lại của xe và người đi bộ, và hài hòa với kiến trúc tổng thể của dự án.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt, biển hiệu công trình phải được làm dưới dạng các chữ cái rời và được chiếu sáng bằng đèn. Đối với biển hiệu ngang thì chiều cao tối đa là 2,0m, chiều dài không vượt quá chiều ngang mặt nhà. Đối với biển hiệu dọc thì chiều ngang tối đa là 1,0m, chiều cao tối đa là 4,0m nhưng không vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu. Ngoài ra, biển hiệu ở khối tháp có độ cao từ 20m trở lên chỉ được đặt ở vị trí tầng trên cùng của tháp, mỗi mặt chỉ được đặt một biển hiệu, tuyệt đối không được phép lắp đặt trên mái công trình.

1.6. Đối với công trình giáo dục:

Trên hàng rào và bề mặt ngoài của công trình trường học không cho phép mọi hình thức quảng cáo, chỉ được phép treo biển hiệu, biển báo, thông tin của trường học theo quy định pháp luật.

Các biển hiệu gắn liền với công trình phải ở độ cao trên 3,5m tính từ vỉa hè đến mép dưới của biển hiệu.

Được phép xây dựng 01 biển hiệu trước cổng trường với diện tích tối đa 5,0m².

1.7. Đối với công trình y tế:

Trên hàng rào và bề mặt ngoài của công trình y tế không cho phép mọi hình thức quảng cáo, chỉ được phép treo biển hiệu, biển báo, thông tin của công trình y tế theo quy định pháp luật.

Các biển hiệu gắn liền với công trình phải ở độ cao trên 3,5m tính từ vỉa hè đến mép dưới của biển hiệu.

Được phép xây dựng 01 biển hiệu trước cổng với diện tích tối đa 5,0m².

1.8. Đối với công trình đang xây dựng:

Trong khuôn viên công trình đang xây dựng (trừ những công trình không cho phép quảng cáo trên hàng rào) được lắp đặt hoặc thể hiện quảng cáo tạm thời vào mặt tường rào bao phủ xung quanh công trình nhưng không được gây ảnh hưởng đến công tác thi công và các hoạt động bình thường của các công trình lân cận.

2. Hè, vật trang trí (đèn, ghế, rào hè...):

2.1. Quy định chung:

- Các công trình an ninh quốc phòng, cơ quan hành chính, chính trị; các công trình chuyên ngành, đặc biệt quan trọng theo quy định có thiết kế kiến trúc hàng rào riêng, không theo quy định này.

- Kiến trúc hàng rào cần bảo đảm các quy định sau đây:
- hài hòa với không gian, cảnh quan, kiến trúc khu vực;
- Chi tiết thiết kế, màu sắc, vật liệu xây dựng hài hòa với công trình;
- Khuyến khích xây dựng hàng rào thưa thoáng, kết hợp trồng cây xanh tạo cảnh quan đô thị.

Đối với các khu công viên, cây xanh, thể dục thể thao, công trình thương mại dịch vụ có quy mô lớn, khuyến khích bỏ hàng rào để góp phần tạo cảnh quan, không gian mở tại khu vực.

2.2. Đối với nhà ở nông thôn:

Tường rào nhà ở riêng lẻ trong khu vực nông thôn giáp các tuyến đường phải bảo đảm độ rộng tối thiểu 75%. Tường rào giáp các ranh giới đất lân cận có thể xây đặc.

2.3. Đối với công trình giáo dục phổ thông, y tế, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng:

Tường rào các công trình giáp các tuyến đường phải bảo đảm độ rộng tối thiểu 75%. Tường rào giáp các ranh giới đất lân cận có thể xây đặc.

2.4. Cổng công trình:

Đối với nhà ở, kiến trúc cổng không cao quá 1,5 lần chiều cao hàng rào. Đối với các công trình lớn, kiến trúc cổng công trình phải được đặt tại khoảng lùi hàng rào (nếu có). Chiều cao của kiến trúc cổng không quá 2 lần chiều cao hàng rào. Chiều rộng của phần cổng không quá 10m. Kiến trúc cổng cần hài hòa với kiến trúc công trình, hàng rào và kiến trúc đô thị khu vực kế cận, tỷ lệ với chiều rộng hè phố.

3. Cây xanh cảnh quan:

Khuyến khích trồng cây xanh trong khuôn viên, bố trí cây xanh trên hàng rào, ban công, lôgia và sân thượng công trình.

4. Màu sắc, chất liệu, chi tiết bên ngoài công trình kiến trúc:

Màu sắc bên ngoài công trình kiến trúc:

- Màu sắc trên các công trình kiến trúc phải hài hòa với cảnh quan, kiến trúc khu vực và các công trình lân cận, phù hợp phong cách kiến trúc của công trình.

- Không sử dụng màu phản quang, màu đậm, sặc sỡ. Màu sắc đối với từng loại công trình được quy định như sau:

- Công trình nhà ở riêng lẻ: khuyến khích sử dụng tối đa 03 màu cho tường bên ngoài một công trình.

- Công trình nhà ở chung cư, thương mại, phức hợp: khuyến khích sử dụng với gam màu lạnh, nhẹ nhàng. Khối đế các công trình bố trí công trình thương mại dịch vụ, có thể sử dụng màu sắc sinh động, tươi sáng.

- Đối với công trình văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao: màu sắc tươi sáng, sinh động phù hợp với nội dung hoạt động và lứa tuổi học sinh, bảo đảm hài hòa với kiến trúc công trình và cảnh quan đô thị khu vực lân cận.

- Đối với công trình bảo tồn: màu sắc công trình kiến trúc bảo tồn phải phù hợp với phong cách của kiến trúc công trình và hài hòa với kiến trúc, cảnh quan của khu vực.

Vật liệu bên ngoài công trình kiến trúc:

- Vật liệu xây dựng của công trình phải phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, phù hợp với phong cách kiến trúc và hài hòa với kiến trúc và cảnh quan của khu vực.

- Không sử dụng vật liệu phản quang, vật liệu có màu sắc đậm hoặc sặc sỡ ảnh hưởng cảnh quan chung.

- Công trình phức hợp, công trình công cộng: khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng đẹp, bền, có chất lượng cao, ít bám bụi, chịu được các điều kiện khí hậu mưa nắng nhiều, như đá tự nhiên, sơn đá, đá nhân tạo có bề mặt nhám, kính, nhôm cao cấp, đặc biệt đối với tầng trệt, các khu vực đông người sử dụng.

- Đối với công trình bảo tồn: vật liệu bên ngoài công trình kiến trúc bảo tồn phải phù hợp với phong cách của kiến trúc công trình và hài hòa với kiến trúc, cảnh quan của khu vực.

- Chi tiết bên ngoài công trình kiến trúc:

Chi tiết trang trí kiến trúc mặt ngoài công trình (mặt tiền, mặt bên) phải phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, hài hòa với kiến trúc cảnh quan của khu vực. Không khuyến khích sử dụng các chi tiết kiến trúc rườm rà trên các công trình kiến trúc. Đối với công trình bảo tồn, chi tiết trang trí kiến trúc cần phù hợp với phong cách kiến trúc của công trình gốc và hài hòa với kiến trúc và cảnh quan của khu vực.

Có các giải pháp kiến trúc để che chắn các hệ thống kỹ thuật của công trình như máy lạnh, bể nước, máy năng lượng mặt trời, đường ống kỹ thuật cần để hạn chế nhìn thấy từ các không gian công cộng.

Các công trình không được phép thiết kế, lắp đặt ống, mương xả nước mưa, nước rửa sân, nước thải sinh hoạt các loại ra vỉa hè và các tuyến đường công cộng; không được phép xây dựng và lắp đặt ram dốc, cánh cổng mở lấn ra vỉa hè công cộng.

Điều 10. Quy định chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật:

1. Hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Mặt đường, hè phố, biển báo giao thông, biển tên đường phố, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, đường ống, cây xanh.

2. Sau khi hoàn thành xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã, chủ đầu tư phải bàn giao hồ sơ hoàn công và hiện trạng công trình cho UBND xã để quản lý theo quy định.

Điều 11. Quản lý đường giao thông trong khu vực trung tâm xã:

1. Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đường giao thông trên địa bàn xã.

2. Tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về quản lý sử dụng đường giao thông trên địa bàn mình quản lý theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân, hộ gia đình khi sử dụng hè đường vào mục đích riêng, phải được đồng ý của UBND xã và phải đảm bảo các điều kiện:

- a) Không gây ảnh hưởng tới người đi bộ, tầm nhìn giao thông.
- b) Không làm hư hại đến các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.
- c) Vệ sinh môi trường rác thải thường xuyên, không để đất, đá, rác thải xây dựng rơi vãi trên đường giao thông.
- d) Các trường hợp phải mở lối để chở vật liệu xây dựng công trình, san tạo đào, đắp mặt bằng và chở đất đá đổ đi phải đảm bảo VSMT thường xuyên.

4. Đối với các đường nội bộ trong điểm dân cư khuyến nghị mở rộng lộ giới tối thiểu đảm bảo tiêu chuẩn về cấp đường nội bộ theo Bảng 3, QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng

Điều 12. Quản lý hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

1. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Rác thải nông nghiệp và rác thải sinh hoạt được thu gom bằng xe chuyên dụng sau đó vận chuyển về bãi rác tập trung để xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ các công trình phục vụ sản xuất: chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) có trách nhiệm sẽ hợp đồng với đội thu gom hoặc nhà máy xử lý rác tập trung để xử lý triệt để.

- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã.

- Phải xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao, hầm cá.

2. Cấp điện:

- Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia.

- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4kV.

- Trạm điện hạ thế và lưới điện trung, cao áp phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định tại QCVN QTĐ 8:2010/BCT và các quy định hiện hành của ngành điện.

- Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đi dọc theo các tuyến đường quy hoạch và cải tạo các tuyến đã xuống cấp nhằm đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến (mạch cung cấp và đèn đường) đi trên không, dùng cáp xoắn ABC đi trên trụ bê tông cao 8,5m chôn sâu 1,4m, khoảng cách trung bình 40 hoặc trùng với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp).

- Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn dùng loại cao áp Sodium 220V, công suất từ 150W – 250W, được đặt cao cách mặt đường 7m bố trí cho trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.

3. Cấp nước và thoát nước bản:

- Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý hợp vệ sinh. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng. Ống cấp sử dụng ống nhựa PVC.

- Thoát nước bản: Phải có hệ thống thu gom và XLNT sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên;

MỤC III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm:

- Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn, tuyến dân cư trên địa bàn xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quy chế).

- Quyết định các trục đường, tuyến đường chính của điểm dân cư nông thôn; các khu vực cần ưu tiên chỉnh trang, cải tạo; các khu vực ưu tiên lập quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn, quy chế cụ thể; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn liên quan đến sự phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng của điểm dân cư nông thôn.

- Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong điểm dân cư nông thôn, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn do mình quản lý (*theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 103 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13*)

- Quản lý việc xây dựng và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về xây dựng; tổ chức thực hiện các chính sách về nhà ở; quản lý đất ở và quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

- Xác định các khu vực cần ưu tiên chỉnh trang, cải tạo; xác định các khu vực ưu tiên lập quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn, quy chế cụ thể; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, thiết kế điểm dân cư nông thôn.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, cá nhân, cơ quan có liên quan và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị của thị xã và UBND xã Mỹ Quới kiểm tra thường xuyên, phát hiện, ngăn chặn các vi phạm và thực hiện các chức năng khác theo thẩm quyền.

- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Quyết định khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc quản lý và thực hiện quy chế, đồng thời quyết định xử lý nghiêm minh mọi hành vi sai phạm quy chế theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Ngã Năm:

2.1. Phòng Quản lý đô thị:

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh và các tổ chức có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quy chế này.

- Cập nhật bản đồ: chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; hành lang bảo vệ các công trình giao thông (cầu, đường), các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường điện, trạm điện; hệ thống cấp nước, thoát nước); hành lang bảo vệ bên bờ sông, kênh, rạch; phạm vi bảo vệ các công trình thủy lợi, bờ kè, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật làm cơ sở để cấp giấy phép xây dựng và thực hiện đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo theo quy định.

- Giúp UBND thị xã thực hiện quản lý nhà nước về tình hình xây dựng và tổ chức thực hiện cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trên địa bàn xã theo phân cấp.

- Quản lý trật tự xây dựng, kiểm tra thường xuyên các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã. Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về xây dựng theo quy định của pháp luật.

2.2. Phòng Tài chính và Kế hoạch:

- Tổng hợp kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và hàng năm của thị xã, bố trí kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương, trình UBND thị xã phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được phê duyệt trên địa bàn xã.

2.3. Phòng Tài nguyên và môi trường:

- Tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường tại địa phương theo định kỳ.

- Điều tra, xác định khu vực môi trường ô nhiễm, lập danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, kịp thời báo cáo cho UBND thị xã.
- Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường của các cơ sở trên.
- Tổ chức thẩm định báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược và Đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, các đề án thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học...
- Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng của phòng.

2.4. Phòng Kinh Tế:

- Tổng hợp, tham mưu UBND thị xã trình UBND tỉnh về cơ chế, chính sách, các dự án và biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn như kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư gắn với ngành nghề, làng nghề trên địa bàn ranh giới xã theo Điều chỉnh quy hoạch chung phê duyệt.
- Hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến di dời, tái định cư.

2.5. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Thực hiện chức năng được phân công về quản lý di sản, văn hóa tại cơ sở.
- Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, công bố Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quới:

- Phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai Quy chế này.
- Tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy chế đến các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, khu dân cư và các hộ gia đình trên địa bàn do mình quản lý.
- Chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng, trật tự hệ phố và các trách nhiệm khác trên địa bàn được phân cấp theo quy định.
- Quản lý, hướng dẫn, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, thiết kế điểm dân cư nông thôn, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã.
- Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định; đề xuất xử lý đối với trường hợp vượt quá thẩm quyền trình UBND thị xã xem xét, quyết định.

- Tổ chức thực hiện quyết định xử phạt, cưỡng chế của cấp có thẩm quyền.

Điều 14. Kiểm tra, thanh tra, báo cáo và xử lý vi phạm:

Các quy định về xử phạt theo:

- Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 15. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế:

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì Ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Phòng quản lý chuyên môn về quy hoạch xây dựng để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Phòng quản lý chuyên môn huyện tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thị xã xem xét kịp thời bổ sung, sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

Điều 16. Điều khoản thi hành:

- Hiệu lực thi hành: Quy chế này được lồng ghép vào đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

- Ban hành, công bố Quy chế: Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc xã được lồng ghép vào đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung và được công bố cùng với đồ án trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày phê duyệt.

Điều 17. Các quy định khác:

Ngoài những quy định nêu trong bản Quy chế này, việc quản lý xây dựng trên địa bàn xã Mỹ Quới còn phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi Quy chế này phải được UBND thị xã Ngã Năm xem xét, quyết định.

Điều 18. Ấn hành và lưu trữ:

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc xã Mỹ Quới được lồng ghép vào đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung và ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- UBND thị xã Ngã Năm.
- Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia thị xã Ngã Năm;
- Các phòng, ban chuyên môn trực thuộc UBND thị xã Ngã Năm.
- UBND xã Mỹ Quới.

- Và các đơn vị có liên quan khác,...

CHƯƠNG VI QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Cơ cấu sử dụng đất toàn xã:

Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ngã Năm đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 23/5/2023.

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

Đơn vị diện tích: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện Trạng 2024		Đến năm 2030	
			DIỆN TÍCH (ha)	CƠ CẤU (%)	DIỆN TÍCH (ha)	CƠ CẤU (%)
I	Tổng diện tích tự nhiên		2.937,97	100,00	2.937,97	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.714,59	92,40	2.683,61	91,34
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.404,29	81,83	2.381,81	81,07
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.404,29</i>		<i>2.381,81</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,60	0,09	3,31	0,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	306,01	10,42	296,80	10,10
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX				
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,17	0,04	1,17	0,04
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,52	0,02	0,52	0,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	223,39	7,60	254,36	8,66
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất an ninh	CAN	0,20	0,01	0,20	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,23	0,01	0,88	0,03
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,37	0,01	2,57	0,09

2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	136,69	4,65	161,77	5,51
	<i>Trong đó:</i>					
2.9.1	Đất giao thông	DGT	44,37	1,51	68,55	2,33
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	82,52	2,81	83,92	2,86
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,16	0,01	0,16	0,01
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,13	0,01	0,13	0,00
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,93	0,00	2,60	0,09
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT		0,13	0,90	0,03
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL			0,20	0,01
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,01	0,00	0,01	0,00
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,51	0,02	0,51	0,02
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,60	0,02	1,10	0,04
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,52	0,02	0,52	0,02
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,95	0,13	3,18	0,11
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
2.9.16	Đất chợ	DCH				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,47	0,02	1,54	0,05
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	41,99	1,43	43,97	1,50
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	0,05	1,38	0,05
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,53	0,02	0,53	0,02
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,53	1,41	41,53	1,41
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

II	KHU CHỨC NĂNG				2.723,46	
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				
2	Đất khu kinh tế	KKT				
3	Đất đô thị	KDT				
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN			2.678,61	
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN				
6	Khu du lịch	KDL				
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT				
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC				
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC				
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM			0,88	
11	Khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV				
12	Khu dân cư nông thôn	DNT			43,97	
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON				
Ghi chú: * Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên						

Nguồn: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Ngã Năm.

2. Tổng hợp và dự báo nhu cầu sử dụng đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn:

- Đất nông nghiệp: Dự kiến đến năm 2030 đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp giảm 30,98 ha, còn lại khoảng 2.683,61ha, chiếm 91,34 % tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trung tâm xã và một số điểm dân cư nông thôn, giải quyết nhu cầu đất ở, đất tiểu thủ công nghiệp tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, đến năm 2030 đất phi nông nghiệp của xã cần khoảng 254,36 ha chiếm 8,66 % diện tích đất tự nhiên.

Trong đó: Đất phát triển hạ tầng cần 161,77 ha;

2.1 Khả năng đáp ứng về số lượng, chất lượng đất cho nhu cầu sử dụng.

- Đất nông nghiệp: đến năm 2030 đất nông nghiệp giảm 30,98 ha so với hiện trạng. (Chi tiết biến động tại bảng Biến động sử dụng đến năm 2030).

- Đất phi nông nghiệp: đến năm 2030 tăng thêm tương ứng 30,98 ha so với hiện trạng. (Chi tiết biến động tại bảng Biến động sử dụng đến năm 2030).

2.2. Diện tích các loại đất phân bổ cho các mục đích sử dụng.

Biến động sử dụng đến năm 2030

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2024	So với năm 2030	
				Diện tích năm 2030	Tăng(+) giảm(-) 2030
I	Tổng diện tích tự nhiên		2.937,97	2.937,97	
1	Đất nông nghiệp	NNP	2.714,59	2.683,61	-30,98
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.404,29	2.381,81	-22,48
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.404,29</i>	<i>2.381,81</i>	<i>-22,48</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,60	3,31	0,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	306,01	296,80	-9,21
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,17	1,17	0,00
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,52	0,52	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	223,38	254,36	30,98
	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP			
2.2	Đất an ninh	CAN	0,20	0,20	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,23	0,88	0,65
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,37	2,57	2,20

2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	136,69	161,77	25,08
	<i>Trong đó:</i>				
2.9.1	Đất giao thông	DGT	44,37	68,55	24,18
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	82,52	83,92	1,40
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,16	0,16	0,00
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,13	0,13	0,00
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	3,93	2,60	-1,33
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT		0,90	0,90
2.9.7	Đất công trình năng lượng	DNL		0,20	0,20
2.9.8	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,01	0,01	0,00
2.9.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
2.9.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,51	0,51	0,00
2.9.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,60	1,10	0,50
2.9.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,52	0,52	0,00
2.9.13	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3,95	3,18	-0,77
2.9.14	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
2.9.15	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
2.9.16	Đất chợ	DCH			
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,47	1,54	1,07
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	41,99	43,97	1,98
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT			
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,38	1,38	0,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,53	0,53	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	41,53	41,53	0,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
3	Đất chưa sử dụng	CSD			

2.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch;

(Trong kỳ QH không còn đất chưa sử dụng)

3. Thông số kỹ thuật chính của từng loại đất (đất nông nghiệp, đất xây dựng, các loại đất khác) theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

3.1. Đất nông nghiệp

- Đất sản xuất nông nghiệp: Gồm đất trồng cây hàng năm và đất trồng cây lâu năm. Đất trồng cây hàng năm bao gồm các loại: Đất trồng lúa (gồm đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại và đất trồng lúa nương); đất trồng cây hàng năm khác (gồm đất bằng trồng cây hàng năm khác và đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác).

- Đất nuôi trồng thủy sản: là đất được sử dụng chuyên mục đích nuôi, trồng thủy sản nước lợ, nước mặn và nước ngọt.

3.2. Đất xây dựng:

- Đất ở: Đất ở tại nông thôn

- Đất công cộng: Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (chỉ tính đất các công trình phục vụ cấp xã); đất xây dựng cơ sở văn hóa (không bao gồm công trình kinh doanh văn hóa), đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện – văn hóa xã.

- Đất Cây xanh, thể dục, thể thao: Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (chỉ tính đất xây dựng các công trình phục vụ cấp xã); đất vui chơi, giải trí công cộng.

- Đất tôn giáo, danh lam, thắng cảnh, di tích, đình đền: Đất có di tích lịch sử văn hóa, đất danh lam thắng cảnh, đất cơ sở tôn giáo, đất cơ sở tín ngưỡng.

- Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề: Đất cụm công nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất (nằm trên địa bàn xã), đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

- Đất xây dựng các chức năng khác: Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (không tính đất các công trình phục vụ cấp xã); Bãi tắm biển; đất xây dựng cơ sở kinh doanh văn hóa, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở ngoại giao, đất xây dựng các công trình sự nghiệp khác, đất thương mại dịch vụ.

- Đất giao thông.

- Đất xử lý chất thải rắn: đất bãi thải, xử lý chất thải.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng.

- Đất hạ tầng kỹ thuật khác: Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông, các công trình đầu mối phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước.

- Đất hạ tầng phục vụ sản xuất: Đất thủy lợi, đất phi nông nghiệp khác (Kho, trạm, trại,...)

- Đất quốc phòng, an ninh.

3.3. Đất khác

- Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng: Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dùng.

- Đất chưa sử dụng.

(*) Tên của các loại đất phù hợp với giải thích cách xác định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Nguồn: Phụ lục VIII Quy định về thể hiện ký hiệu bản vẽ trong hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch nông thôn, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

CHƯƠNG VII

QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH

HẠ TẦNG KỸ THUẬT, CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ

THUẬT TRONG PHẠM VI XÃ

1. Giải pháp về chuẩn bị kỹ thuật:

- Phải quy hoạch san lấp nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên;

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lâu năm, lớp đất màu.

- Theo số liệu của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hậu Giang cung cấp, mực nước trong các sông rạch đang lên theo triều, tại Trạm Thủy văn Phụng Hiệp trong 10 năm từ năm 2013 đến năm 2022², mực nước cao nhất đạt mức +1,73m. Cao độ các tuyến đường hiện trạng được đầu tư xây dựng trong thời gian gần đây trong khu vực lập quy hoạch không bị ngập úng, cao độ Đường huyện 75,76 (từ +1,40m đến +1,50m mốc cao độ quốc gia).

- Cập nhật theo Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, định hướng quản lý độ cao nền xây dựng cho các điểm dân cư trong xã là: $H_{xd} = +2,37m$ (Hệ cao độ Quốc gia Hòn Dấu).

- Đối với khu vực xã san nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên. Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lâu năm, lớp đất màu.

Riêng đối với các dự án trọng điểm cần nghiên cứu lại cao độ san nền cho phù hợp và có sự thống nhất của địa phương và các ngành chuyên môn có liên quan.

- Phương án thiết kế san nền:

+ Giải pháp san nền chủ yếu là tôn nền tối thiểu đạt cao độ xây dựng, để đảm bảo các công trình vượt lũ vào mùa mưa ở đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể như sau:

² Theo công văn số 06/KTTVHG ngày 02/8/2023 của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hậu Giang.

- + Đối với các công trình đã xây dựng, tiến hành từng bước tôn nền khuyến khích đạt cao độ san nền. Cải tạo và xây dựng mạng thoát nước mưa tránh ngập úng cục bộ;

- + Đối với các công trình xây dựng mới, tiến hành san lấp đến cao độ san nền;

- + Đối với các công trình giao thông trước khi xây dựng đảm bảo xử nền đường đúng kỹ thuật và khuyến khích hoàn thiện mặt đường với cao trình tối thiểu +2,37m;

- Đối với các tuyến đường hiện hữu như: đường tỉnh, huyện, xã khuyến khích chọn cao độ xây dựng bằng với cao độ đường hiện hữu đối với nhà, công trình dọc theo các tuyến đường trên.

2. Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa:

- Thiết kế mạng lưới:

- + Sử dụng hệ thống thoát nước chung nước mưa và nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp ra sông rạch theo hướng ngắn nhất. Nước thải sinh hoạt phải được xử lý cục bộ trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Đối với các khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp và khu vực chợ nước thải phải được xử lý đúng quy định trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung;

- + Giữ lại toàn bộ tuyến kênh hiện hữu giải quyết thoát nước cho các điểm dân cư. Chia nhỏ các lưu vực thoát nước, xây dựng các tuyến thoát nước ngắn thoát nước nhanh ra các kênh.

- Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- + Chọn chu kỳ tính toán $P=2$ năm với khu dân cư xây dựng tập trung.

- + Phương pháp tính toán theo: quy phạm thiết kế đô thị hiện hành bằng phương pháp tính toán cường độ giới hạn.

- Bố trí mạng thoát nước:

- + Đối với các tuyến đường không có điểm dân cư tập trung, đường được thiết kế không có hệ thống thoát nước dọc theo 02 bên đường mà thoát tự theo địa hình tự nhiên xuống các kênh mương. Các hộ dân sống rải rác theo tuyến sẽ san nền cục bộ khu vực có hướng dốc về kinh hậu, ao, hồ và kênh nhằm thoát nước triệt để;

- + Đối với các tuyến đường đi ngang qua các điểm dân cư tập trung thì 02 bên đường có bố trí vỉa hè và có hệ thống thoát nước dọc theo 02 bên đường;

+ Các điểm dân cư tập trung, các cụm công trình công cộng bố trí đầy đủ các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó hệ thống thoát nước ưu tiên được đầu tư trước nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Quy hoạch giao thông:

3.1. Nguyên tắc quy hoạch mạng lưới giao thông nông thôn:

- Đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống giao thông nông thôn phải phù hợp với việc triển khai các công trình giao thông theo Chương trình mục tiêu, Đề án phát triển NTM được phê duyệt, phù hợp quy hoạch phát triển KT-XH trên địa bàn nhằm tạo sự gắn kết, liên hoàn, thông suốt từ hệ thống giao thông quốc gia đến đường tỉnh, đường huyện, đường xã; giữa các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn, vùng nguyên liệu với các khu, CCN chế biến, giữa sản xuất - chế biến và tiêu thụ; Đồng thời kết hợp giữa phát triển kinh tế và ANQP.

- Phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và lâu dài, kết nối liên hoàn với Đường huyện, Đường tỉnh. Tận dụng tối đa hệ thống sông ngòi, kênh rạch tổ chức mạng lưới đường thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách;

- Phù hợp với địa hình, giảm khối lượng đào đắp và các công trình phải xây dựng trên tuyến;

- Kết cấu và bề rộng mặt đường phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng phải đáp ứng yêu cầu phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp và phù hợp phương tiện vận chuyển;

- Hệ thống đường giao thông nông thôn phải đạt yêu cầu kỹ thuật do Bộ Giao thông Vận tải quy định.

- Thiết kế quy hoạch giao thông trong khu vực trung tâm xã phải thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan và phù hợp với Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2016/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật.

3.2. Hệ thống đường bộ Quốc gia trên địa bàn xã:

- CT.35 Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, theo Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tuyến dài 212 km, đoạn qua địa bàn xã dài khoảng 6,0km. Quy hoạch sau năm 2030 theo tiêu chuẩn đường cao tốc với quy mô 4 làn xe.

3.3. Đường tỉnh: (Hiện trên địa bàn xã không có đường tỉnh đi qua).

3.4. Đường huyện:

3.4.1 Phương án phát triển hệ thống đường huyện:

Đối với những đoạn tuyến đi qua khu vực có quy hoạch chi tiết: Được thực hiện theo quy hoạch chi tiết đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với những đoạn tuyến nằm ngoài khu vực quy hoạch chi tiết, định hướng như sau: Nâng cấp các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp VI, V theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô TCVN 4054-2005, giữ phạm vi đất dành cho đường bộ chung 32,0 m cho tất cả các tuyến đường huyện. Ưu tiên nâng cấp các tuyến và đoạn tuyến chưa được cứng hóa phần đầu đạt tỷ lệ cứng hóa 100%.

Phạm vi đất dành cho đường bộ của Đường huyện được cập nhật theo Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023.

3.4.2 Các tuyến hiện có:

- **Đường huyện 79A**, tuyến này đi qua xã tổng chiều dài khoảng 14,02 km, phạm vi đất dành cho đường bộ 32m. Trong đó:

+ Đoạn 01: Điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Kênh Ngang Dừa, dài 9,82km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5 – 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép.

+ Đoạn 02: Cập nhật theo QH Điểm đầu giáp với Kênh Ngang Dừa, điểm cuối giáp với Ranh Phường 3, dài 4,20km, hiện trạng đường đất.

- **Đường huyện 76 (ĐT.937B cũ)**, tuyến này đi qua xã tổng chiều dài khoảng 5,30km, phạm vi đất dành cho đường bộ 32m. Trong đó:

+ Đoạn 1: điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Đường huyện 75, dài khoảng 2,50 km, hiện trạng mặt đường rộng 5,5m, kết cấu nhựa.

+ Đoạn 2: điểm đầu giáp với Đường huyện 75, điểm cuối giáp với Đường huyện 79A, dài khoảng 2,80 km, hiện trạng đường đất.

Các Đường huyện đã được cập nhật đầy đủ theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040 đang được lập.

3.4. Đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:

- Đường huyện 75, tuyến này đi qua xã dài khoảng 5,12 km, điểm đầu giáp với Ranh xã Mỹ Bình, điểm cuối giáp với Đường huyện 79A, hiện trạng mặt đường rộng 5,0m, kết cấu nhựa, phạm vi đất dành cho đường bộ 32m.

- Đường huyện 79C, tuyến này đi qua xã dài khoảng 5,00 km, điểm đầu giáp với Đường huyện 76, điểm cuối giáp với Ranh xã Vĩnh Lợi, hiện trạng mặt đường rộng 3,5m, kết cấu Bê tông, phạm vi đất dành cho đường bộ 32m.

3.5. Đường ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm:

Mạng lưới đường trục ấp, liên ấp được bố trí xây dựng trên cơ sở các đường có sẵn (đường Bê tông nông thôn, đường đất..), nhằm tạo ra mạng lưới giao thông chặt chẽ đồng bộ với mạng lưới đường trục xã và trong ấp, kết nối giữa các trung tâm ấp với nhau và mạng lưới đường trục xã.

- Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, có chiều dài 3,00 km, hiện trạng mặt đường rộng 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ Mỹ Tân, có chiều dài 1,15 km, hiện trạng mặt đường rộng 3,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

3.6. Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm:

Các tuyến hiện có:

- Lộ B Mỹ Tây A-B, có chiều dài 2,85km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Mỹ Tường A-B, có chiều dài 3,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2, có chiều dài 4,80km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ Mỹ Tường B, có chiều dài 3,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh Chòm Tre, có chiều dài 2,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Kênh Chòm Tre, có chiều dài 2,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ 2 Sĩ - 10 Sự, có chiều dài 2,10km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 1), có chiều dài 1,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh Sáu Lục, có chiều dài 2,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1), có chiều dài 0,80km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh Ba Cui, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Kênh Ba Cui, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Bưng Sen, có chiều dài 1,30km, hiện trạng mặt đường rộng 2,5m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Kênh 7 Cư, có chiều dài 1,35km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Kênh 7 Cư, có chiều dài 1,55km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ Kênh Mười Gà, có chiều dài 1,20km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ B Mỹ Thành, có chiều dài 1,45km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ A Mỹ Thành, có chiều dài 0,50km, hiện trạng mặt đường rộng 3,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

- Lộ Huỳnh Yến, có chiều dài 0,25km, hiện trạng mặt đường rộng 2,0m, kết cấu Bê tông cốt thép. Quy hoạch nâng cấp, mở rộng mặt đường 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, lộ giới quản lý 20m.

Giai đoạn quy hoạch đến năm 2025: Quy hoạch mới đối với 1 tuyến đường:

+ Lộ Tránh Chợ Mỹ Quới, điểm đầu giáp với Đường huyện 75 (phía đông Trung tâm xã), điểm cuối giáp với Đường huyện 75 (phía tây Trung tâm xã), dài khoảng 1,65km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 5,0m, lề gia cố mỗi bên rộng 2,0m, kết cấu nhựa, lộ giới quản lý 20m.

Giai đoạn quy hoạch 2026 - 2030: Quy hoạch mới đối với 10 tuyến đường:

+ Lộ B Kênh Tám Quế, điểm đầu giáp với Đường huyện 79A, điểm cuối giáp với Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2, dài khoảng 2,30km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 2), điểm đầu giáp với Đường huyện 79A, điểm cuối giáp với ấp Mỹ Tường 1, dài khoảng 1,15km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ B Kênh Sáu Lục, điểm đầu giáp với Đường huyện 79A, điểm cuối giáp với Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2, dài khoảng 2,50km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 2), điểm đầu giáp với Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1), điểm cuối giáp với Đường huyện 79A, dài khoảng 1,85km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ B Miếu Tà Trắng, điểm đầu giáp với Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2, điểm cuối giáp với Kênh nhánh 19/5, dài khoảng 0,80km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ Giáp Rạch Cơ Nhì, điểm đầu giáp với Đường huyện 76, điểm cuối giáp với Lộ A Kênh Ba Cui, dài khoảng 1,12km, hiện trạng đường đất. Quy

hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ B Bưng Sen, điểm đầu giáp với Đường huyện 76, điểm cuối giáp với Đường huyện 79C, dài khoảng 1,30km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ B Mỹ Thành (Đối diện Đường huyện 76), điểm đầu giáp với Kênh Thầy Cai Nhâm, điểm cuối giáp với Ranh xã Mỹ Bình, dài khoảng 2,40km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ Kênh Năm Bình, điểm đầu giáp với Đường huyện 75, điểm cuối giáp với Lộ Mỹ Tân, dài khoảng 1,40km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

+ Lộ Kênh 2 Hòa - 3 Hòa, điểm đầu giáp với Lộ B Mỹ Tường A-B, điểm cuối giáp với Kênh Tám Quế, dài khoảng 1,00km, hiện trạng đường đất. Quy hoạch mới mặt đường rộng 3,5m, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m, kết cấu Bê tông cốt thép, lộ giới quản lý 20m.

Ngoài các tuyến đường trong quy hoạch, trong thời gian tới nếu được bổ sung thêm kinh phí có thể quy hoạch thêm các một số tuyến giao thông tùy theo tình hình, nhu cầu của xã.

3.7 Đánh giá tình hình thực hiện Nông thôn mới nâng cao theo tiêu chí giao thông giai đoạn đến năm 2025:

- Đường trục xã, liên xã:

Theo tiêu chuẩn đường cấp B, đặt 10,12/10,12 (km), tỷ lệ 100%.

- Đường trục ấp, liên ấp:

Theo tiêu chuẩn đường cấp C, đặt 4,15/4,15 (km), tỷ lệ 100%.

- Đường ngõ, xóm:

Giai đoạn quy hoạch đến năm 2025 theo tiêu chuẩn đường cấp D, đặt 36,0/37,65 (km), tỷ lệ 95,6%.

3.8 Khối lượng đạt được sau quy hoạch:

- Đường Cao tốc: 6,00 km;

- Đường Huyện: 29,44 km;

- Đường trục ấp, liên ấp: 4,15 km;

- Đường ngõ, xóm: 53,47 km;

3.9. Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật: (chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng không chế, hành lang an toàn các công trình hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường...)

- Đối với tuyến Đường CT.35 Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là 17m.

- Đối với dân cư hai bên tuyến Đường huyện 75, 76, 79A, 79C khu vực nằm ngoài trung tâm xã phạm vi dành cho đường bộ 32m. Đối với các đoạn mà đường huyện đi qua trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì theo quy hoạch chi tiết tại khu đó hoặc khuyến khích lộ giới quản lý 27m.

- Đối với dân cư hai bên các tuyến đường trục xã, liên xã, trục ấp, liên ấp, ngõ xóm còn lại lộ giới quản lý là 20m. Trong đó quy định chỉ giới xây dựng đối với các công trình phụ (như hàng rào, nhà bảo vệ,...) là 5,0m, các công trình chính là 10,0m tính từ tim đường.

- Đối với các đường nội bộ trong điểm dân cư khuyến nghị mở rộng lộ giới tối thiểu đảm bảo tiêu chuẩn về cấp đường nội bộ theo Bảng 3, QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng;

- Rác thải đối với các hộ thuần nông sống dọc theo tuyến ở các ấp khuyến khích hộ tư thu gom và chôn hoặc đốt tại chỗ. Vệ sinh xây dựng hố xí hợp vệ sinh.

Danh mục công trình giao thông xã

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường Hiện trạng (m)	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu	Định hướng
						Lề (m)	Mặt (m)	Lề (m)		
HỆ THỐNG GIAO THÔNG QUỐC GIA				6,00						
1	CT.35 Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	Ranh Tỉnh Bạc Liêu	Ranh Tỉnh Bạc Liêu	6,00	Đất	Theo QH cấp trên			Theo QH Tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
ĐƯỜNG HUYỆN				19,32						
1	Đường huyện 79A (Đoạn 1)	Ranh xã Mỹ Bình	Kênh Ngang Dừa	9,82	2,5 - 3,0	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
	Đường huyện 79A (Đoạn 2)	Kênh Ngang Dừa	Ranh Phường 3	4,20	Đất	Phạm vi dành cho đường bộ 32m			Theo QHC Thị xã	
2	Đường huyện 76 (Đoạn 1)	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 75	2,50	5,5	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
	Đường huyện 76 (Đoạn 2)	Đường huyện 75	Đường huyện 79A	2,80	Đất	Phạm vi dành cho đường bộ 32m			Theo QHC Thị xã	
ĐƯỜNG TRỤC XÃ, LIÊN XÃ				10,12						
1	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 79A	5,12	5,0	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
2	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	Ranh xã Vĩnh Lợi	5,00	3,5	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				

ĐƯỜNG TRỤC ÁP, LIÊN ÁP				4,15						
1	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	Đường huyện 75	Đường huyện 79A	3,00	3,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ Mỹ Tân	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	1,15	3,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, gia cố lề
ĐƯỜNG TRỤC NGÕ XÓM		Giai đoạn QH đến năm 2025: - Đường đạt chuật cấp D là 36km- Đường chưa đạt chuẩn là 1,65km		53,47	Đạt tiêu chí:	95,6%	Quy hoạch mới giai đoạn 2025: 1,65kmQuy hoạch mới giai đoạn 2026- 2030: 15,82km			
1	Lộ B Mỹ Tây A-B	Kênh Huỳnh Yển	Đường huyện 79A	2,85	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ B Mỹ Tường A-B	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	3,30	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
3	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	4,80	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
4	Lộ Mỹ Tường B	Chợ GD2	Đường huyện 79A	3,30	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
5	Lộ A Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
6	Lộ B Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
7	Lộ Hai Sĩ - 10 Sứ	Đường huyện 75	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	2,10	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
8	Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	ấp Mỹ Tường 1	1,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
9	Lộ A Kênh Sáu Lục	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng

10	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Nhà Ông Nguyễn Văn Chánh	0,80	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
11	Lộ A Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
12	Lộ B Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
13	Lộ A Bung Sen	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	1,30	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
14	Lộ A Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	kênh Mười Gà	1,35	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
15	Lộ B Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	Đường huyện 76	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
16	Lộ Kênh Mười Gà	kênh Thầy Cai Nhâm	Cầu 3 Thủ	1,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
17	Lộ B Mỹ Thành	Đường huyện 76	kênh Mười Gà	1,45	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
18	Lộ A Mỹ Thành	Đường huyện 76	Đường huyện 75	0,50	3,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, gia cố lề
19	Lộ Huỳnh Yên	Lộ Mỹ Tân	Lộ B Mỹ Tây A-B	0,25	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng

ĐƯỜNG NGÕ XÓM QUY HOẠCH MỚI GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

1	Lộ Tránh Chợ Mỹ Quới	Đường huyện 76	Đường huyện 75	1,65	Đất	0,5	5,0	0,5	Nhựa	Quy hoạch mới
---	----------------------	----------------	----------------	------	-----	-----	-----	-----	------	---------------

ĐƯỜNG NGÕ XÓM QUY HOẠCH MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1	Lộ B Kênh Tám Quế	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,30	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
2	Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 2)	ấp Mỹ Tường 1	Đường huyện 79A	1,15	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới

3	Lộ B Kênh Sáu Lục	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,50	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
4	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 2)	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1)	Đường huyện 79A	1,85	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
5	Lộ B Miếu Tà Trắng	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Kênh nhánh 19/5	0,80	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
6	Lộ Giáp Rạch Cơ Nhì	Đường huyện 76	Lộ A Kênh Ba Cui	1,12	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
7	Lộ B Bung Sen	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	1,30	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
8	Lộ B Mỹ Thành (Đối diện Đường huyện 76)	kênh Thầy Cai Nhâm	Ranh xã Mỹ Bình	2,40	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
9	Lộ Kênh Năm Bình	Lộ Mỹ Tân	Đường huyện 75	1,40	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
10	Lộ Kênh 2 Hòa - 3 Hòa	Lộ B Mỹ Tường A-B	Kênh Tám Quế	1,00	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới

4. Hạ tầng phục vụ sản xuất:

Khung hạ tầng giao thông nội đồng và kênh mương thủy lợi cần được đầu tư đồng bộ, hiệu quả, nhằm nâng cao năng suất sản xuất nông nghiệp và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Hệ thống kênh mương thủy lợi là yếu tố quan trọng cung cấp nước tưới tiêu, đảm bảo nguồn nước ổn định cho sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ thoát nước trong mùa mưa, giảm tình trạng ngập úng hoặc hạn hán cục bộ.

Xã Mỹ Quới có hệ thống sông ngòi phát triển, điển hình như: Sông Mỹ Đông 1, Rạch Mỹ Tây, Kênh Xáng, Kênh Thầy Cai Nhâm, Rạch Chòm Tre, Kênh 19/5, Kênh Liên Sườn,... Mạng lưới sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt của xã là điều kiện thuận tiện cho việc phát triển nông nghiệp, vận chuyển vật tư phân bón ra khu vực sản xuất.

5. Quy hoạch cấp điện:

5.1. Chỉ tiêu cấp điện:

- Cấp điện: Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt: 150 W/người.
- + Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.
- + Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải đảm bảo $\geq 10\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.
- + Tổn thất điện năng 5% nhu cầu cấp điện.

5.2. Tính toán nhu cầu cấp điện:

- Dân số toàn xã đến năm 2030: 11.066 người
- + Phụ tải sinh hoạt: $11.066 * 0,15 = 1659,9 \text{ KW}$.
- + Cấp điện cho công trình công cộng: $15\% * 1659,9 = 248,99 \text{ KW}$.
- + Cấp điện công trình phục vụ sản xuất: $10\% * 1659,9 = 165,99 \text{ KW}$.
- + Tổn thất điện năng: $5\% * 2074,9 = 103,74 \text{ KW}$.
- Tổng nhu cầu giai đoạn dài hạn (2030): **2178,62 KW**.

5.3. Nguồn điện:

- Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia.
- Các tuyến trung thế xây dựng mới sử dụng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông ly tâm cao từ 10,5m đến 12m, chôn sâu 1,8m. Khoảng cách trung bình giữa 02 trụ trung thế khoảng 80m.

- Mạng lưới điện trung và hạ thế hạn chế vượt qua ao, hồ, đầm lầy, núi cao, đường giao thông chính, các khu vực sản xuất công nghiệp;
- Cấp điện áp của trạm hạ thế phân phối được lựa chọn là 22/0,4kV.
- Các trạm hạ thế 22/0,4kV đều là loại trạm giàn hoặc đặt trong nhà có dung lượng lớn từ 250kVA đến 630kVA, sử dụng sơ đồ bảo vệ dung FCO và LA.
- Trạm điện hạ thế phải đặt ở trung tâm của phụ tải điện, hoặc ở gần phụ tải điện lớn nhất, tại vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt;
- Khoảng cách an toàn từ hệ thống cấp điện tới công trình phải tuân thủ các quy định tại Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn;
- Trạm điện hạ thế và lưới điện trung, cao áp phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định tại QCVN QTD 8:2010/BCT và các quy định hiện hành của ngành điện.
- Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đi dọc theo các tuyến đường quy hoạch và cải tạo các tuyến đã xuống cấp nhằm đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến (mạch cung cấp và đèn đường) đi trên không, dùng cáp xoắn ABC đi trên trụ bê tông cao 8,5m chôn sâu 1,4m, khoảng cách trung bình 40 hoặc trùng với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp).
- Tuyến đèn đường đi chung với tuyến hạ thế. Đèn dùng loại cao áp Sodium 220V, công suất từ 150W – 250W, được đặt cao cách mặt đường 7m bố trí cho trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.

*** Tuyến cáp:**

- Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên tuyến Đường huyện 75, 76,... cấp cho các điểm dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh buôn bán các mặt hàng nông sản.

6. Quy hoạch cấp nước:

6.1. Chỉ tiêu cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước SH: $\geq 60\text{lít/người/ngày}$;
- Cấp nước các công trình công cộng: 10% nước sinh hoạt;
- Cấp nước cho các công trình phục vụ sản xuất: 10% nước sinh hoạt;
- Dự phòng tổn thất, rò rỉ: 15% tổng nhu cầu.

6.2. Tính toán nhu cầu cấp nước:

- Dân số toàn xã đến năm 2030: 11.066 người

- + Nước sinh hoạt: $11.066 \times 60 \text{ lít} = 663.960 \text{ lít}$;
- + Công trình công cộng: $10\% \times 663.960 \text{ lít} = 66.396 \text{ lít}$;
- + Công trình phục vụ sản xuất: $10\% \times 663.960 \text{ lít} = 66.396 \text{ lít}$;
- + Dự phòng tổn thất, rò rỉ: $15\% \times 796.752 = 119.513 \text{ lít}$.
- Tổng nhu cầu giai đoạn dài hạn (2030): **916,3 m³/ngày-đêm.**

6.3. Nguồn nước:

Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý hợp vệ sinh. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

Hiện trạng xã có trạm cấp nước tại ấp Mỹ Tây A diện tích đất khoảng 230,3 m², Công suất: 1.440m³/ ngày-đêm đảm bảo phục vụ cho toàn xã.

6.4. Mạng đường ống:

- Tại các điểm dân cư tập trung: mạng đường ống cấp chính đi theo trục đường chính của khu với đường kính Ø150, Ø90. Còn lại các ống nhánh sử dụng ống Ø60.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng. Ống cấp sử dụng ống nhựa PVC.

7. Quy hoạch thoát nước bản:

Tổng nước thải bằng 80% lượng nước cấp.

- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung.

- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất được thiết kế hệ thống thu gom riêng và xử lý trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.

- Đối với các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp,... khi triển khai trên địa bàn xã phải xây dựng khu xử lý riêng và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng nước thải trước khi nước thải được xả ra môi trường.

8. Vệ sinh môi trường:

- Hiện tại có đơn vị thu gom rác định kỳ phục vụ cho các hộ tuyến trung tâm xã và các trục Đường huyện,...; còn các hộ dân ở tuyến lộ nông thôn xe thu gom rác không đến được thì các hộ đào hố xử lý.

- Chất thải rắn từ các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công trình phục vụ sản xuất: chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) có trách nhiệm hợp đồng với đội thu gom hoặc nhà máy xử lý rác tập trung để xử lý triệt để.

- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã.

- Phải xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao, hầm cá.

- Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý hợp vệ sinh.

- Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết phải ≥ 20 m. Khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý CTR phải đảm bảo các quy định tại điểm 2.12.4 (QCVN 01:2021/BXD).

9. Nghĩa trang:

+ Theo QCVN 01:2021/BXD quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 người. Nhu cầu nhu cầu táng của xã là $11.066 * 0,04 / 1000 = 0,44$ ha

+ Nghĩa Trang nhân dân hiện trạng (Nghĩa địa) tại ấp Mỹ Thành, diện tích đất 1,47ha đảm bảo phục vụ nhu cầu mai táng cho toàn xã.

+ Khuyến khích người dân an táng mộ vào nghĩa trang tập trung của xã nhằm đảm bảo vệ sinh và cảnh quan môi trường.

+ Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng quy hoạch mới với chiều rộng ≥ 10 m;

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

1. Đánh giá Hiện trạng môi trường:

*** Môi trường đất:**

- Được che phủ bởi thảm thực vật, là khu vực chủ yếu sản xuất nông nghiệp.

- Môi trường đất trong khu vực quy hoạch hiện nay khá sạch, hầu hết các chỉ tiêu lý hoá, sinh học của đất đều nằm trong ngưỡng cho phép. Tuy nhiên sự phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động kinh tế - xã hội theo quy hoạch của đồ án sẽ làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất và có những ảnh hưởng đáng kể đến cấu trúc cũng như chất lượng đất.

*** Môi trường nước:**

- Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thoát nước bản, các cơ sở sản xuất có xây dựng hệ thống thoát nước nội bộ, nhưng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, còn lại đa phần nước sinh hoạt và nước mặt thoát ra các kênh rạch hiện hữu gần nhất.

- Trong nước thải có các tác nhân gây ô nhiễm như: các chất gây mùi, chất cặn, chất rắn... nên khả năng sẽ gây ô nhiễm nếu nước thải, chất thải ngấm vào đất.

*** Chất thải rắn:**

- Chất thải rắn được thu gom và xử lý đúng quy định: có đơn vị thu gom rác định kỳ phục vụ cho các hộ tuyến trung tâm từ huyện đến xã và khu trung tâm chợ; còn các hộ dân ở tuyến lộ nông thôn xe thu gom rác không đến được thì các hộ đào hố xử lý.

*** Môi trường không khí:**

- Môi trường không khí ở khu vực quy hoạch chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi yếu tố con người.

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí hiện nay là chất thải sinh hoạt của những hộ dân quanh khu vực, các loại khí thải từ các phương tiện cơ giới hoạt động trong khu vực không lớn.

*** Hệ sinh thái:**

- Đặc điểm nổi bật của khu vực là các diện tích trồng lúa lớn.

- Một phần là đất nuôi trồng, canh tác nông nghiệp, hệ sinh thái động vật, thực vật khu vực dự án hầu như điển hình không đặc biệt.

- Hiện trạng chất lượng môi trường không khí, môi trường nước và môi trường tiếng ồn trong khu vực dự án đang ở tình trạng bình thường.

2. Dự báo, đánh giá tác động đến môi trường của phương án quy hoạch:

2.1. Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí:

- Trong quá trình canh tác, sản xuất hoạt động của các thiết bị cơ giới gây ra tiếng ồn, bụi và khí thải. Khí thải của các phương tiện vận tải có chứa bụi (kích thước hạt nhỏ hơn $10\mu\text{m}$), SO_2 , NO_x , CO, tổng hydrocacbon (THC) và chì (Pb) có khả năng gây ô nhiễm môi trường không khí. Các chất ô nhiễm này có độc tính cao hơn so với bụi từ mặt đất, tác động của chúng đến môi trường phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa hình, khí tượng và mật độ phương tiện trong khu vực.

- Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng sinh ra bụi, cộng với nồng độ bụi thứ cấp sinh ra từ hoạt động phương tiện giao thông.

2.2. Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước:

- Nước thải và chất thải của các vùng sản xuất nông nghiệp không được xử lý sẽ làm cho nguồn nước ô nhiễm. Chất thải được tạo ra bởi hoạt động nuôi trồng thủy sản, các chất thải hữu cơ này sẽ được xả ra khỏi ao dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước.

- Váng dầu từ thiết bị cơ giới và chất thải sinh hoạt của các hộ dân được thải vào môi trường nước. Sự rò rỉ, rơi vãi dầu nhớt từ các phương tiện cơ giới vào nguồn nước sẽ dẫn đến một số tác động do ô nhiễm nguồn nước bởi màng dầu và các sản phẩm phân giải của chúng.

- Khi nguồn nước bị ô nhiễm dầu, các sản phẩm dầu phân giải gây chết các loài sinh vật phiêu sinh, sinh vật đáy có khả năng phân hủy chất hữu cơ trong nước, từ đó làm giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước.

- Quá trình thi công lắp đặt các tuyến cống cấp và thoát nước ít nhiều cũng gây cản trở đến sự thoát nước trong khu vực xã. Tuy nhiên ảnh hưởng này không kéo dài và không đáng kể nếu quá trình thi công đảm bảo đúng yêu cầu tiến độ và yêu cầu kỹ thuật.

2.3. Nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn:

Tiếng ồn chủ yếu phát sinh của các thiết bị cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Lượng xe lưu thông, vận tải cũng góp phần gia tăng tiếng ồn.

2.4. Nguồn gây ô nhiễm môi trường đất:

Môi trường đất có thể bị ô nhiễm bởi rất nhiều loại chất thải sinh ra từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, thủy sản, các trang trại,...

2.5. Ô nhiễm do chất thải rắn:

Ô nhiễm từ nguồn chất thải rắn thải ra từ các hoạt động chăn nuôi từ các trang trại, lượng chất thải rắn của các hộ dân, bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ hoạt động sản xuất, lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, chất kích thích sinh trưởng. Tuy nhiên, hiện nay nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nông thôn bức xúc nhất, trầm trọng nhất đó là chất thải rắn và ô nhiễm nước thải sinh ra từ các trang trại chăn nuôi đang phát triển rất mạnh ở nhiều nơi.

2.6. Đánh giá tác động của dự án đến sức khỏe cộng đồng:

- *Tác động của bụi đến cuộc sống con người:* Bụi phát sinh trong quá trình canh tác, sản xuất, hoạt động của các thiết bị cơ giới,... hầu hết loại bụi này có kích thước lớn nên sẽ không phát tán xa. Vì vậy, chúng chỉ gây ô nhiễm cục bộ tại khu vực và ở các khu vực cuối hướng gió ảnh hưởng trực tiếp đến người dân. Do vậy có thể mắc những bệnh về đường hô hấp như viêm mũi, viêm phổi, ho,...

- *Tác động của tiếng ồn đến cuộc sống con người:* Các thiết bị cơ giới phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, lượng xe lưu thông, vận tải đều phát sinh tiếng ồn với mức áp âm lớn (70-96dBA) và tiếng ồn liên tục diễn biến trong suốt quá trình canh tác. Với mức áp âm lớn như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân lân cận. Ngoài ra, vì khu vực sản xuất không gần khu dân cư nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng cho một bộ phận dân cư sống xung quanh khu vực đó.

3. Đánh giá diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch:

Khi các dự án đưa vào hoạt động có những tác động đến môi trường được xác định như sau:

3.1. Tác động đến môi trường nước:

- Tác động đến môi trường nước ở đây là do nước thải sinh hoạt từ những khu nhà ở trong khu vực quy hoạch, thành phần và tính chất ô nhiễm của loại nước thải này chủ yếu là ô nhiễm hữu cơ:

- Theo tính toán thống kê của một số quốc gia đang phát triển về khối lượng chất ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt hàng ngày đưa vào môi trường, ta có thể tính tải lượng ô nhiễm trong nước thải.

- Đặc trưng của loại nước thải này có nhiều chất lơ lửng, dầu mỡ (từ nhà bếp), nồng độ chất hữu cơ cao (từ nhà vệ sinh) nếu không được tập trung và xử lý thì cũng sẽ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước bề mặt. Ngoài ra, khi tích tụ lâu ngày, các chất hữu cơ này sẽ bị phân hủy gây ra mùi hôi thối. Ảnh hưởng của

loại nước thải này đến môi trường là các chất rắn lơ lửng cho nước không trong, đục có màu, tác nhân này hạn chế độ sâu tầng nước được ánh sáng chiếu xuống, gây ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của tảo, rong, rêu,... Ngoài ra các vi sinh vật có trong nước thải đặc biệt vi khuẩn gây bệnh và trứng giun sán. Nếu quản lý nguồn thải này không tốt ảnh hưởng đến môi trường ngoài sẽ là tác nhân gây nên bệnh cho người. Một số vi sinh vật thường có gồm, phẩy khuẩn tả *Vibrio Eltor*, *Salmonella Typhi*, *Samonella Paratyphi*, vi khuẩn gây bệnh lỵ, thương hàn, trực khuẩn *E.Coli* là tác nhân gây viêm bàng quang. Fecal Coliform gây bệnh nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm dạ dày, tiêu chảy cấp tính.

- Các chất hữu cơ trong nước thải sinh hoạt chủ yếu là các loại carbohydrat, protein, lipid là các chất dễ bị vi sinh vật phân hủy. Khi phân hủy thì vi sinh vật cần lấy oxy hòa tan trong nước để chuyển hoá các chất hữu cơ nói trên thành CO_2 , N_2 , H_2O , CH_4 ...Chỉ thị cho lượng chất hữu cơ có trong nước thải có khả năng bị phân hủy hiếu khí bởi vi sinh vật chính là chỉ số BOD5. Chỉ số BOD5 biểu diễn lượng oxy cần thiết mà vi sinh vật phải tiêu thụ để phân hủy lượng chất hữu cơ dễ phân hủy có trong nước thải. Như vậy chỉ số BOD5 càng cao cho thấy lượng chất hữu cơ có trong nước thải càng lớn, oxy hòa tan trong nước thải ban đầu bị tiêu thụ nhiều hơn, mức độ ô nhiễm của nước thải cao hơn.

- Ngoài ra, trong nước thải sinh hoạt còn có một lượng chất rắn lơ lửng có khả năng gây hiện tượng bồi lắng cho các nguồn sông, suối tiếp nhận nó, khiến chất lượng nước tại khu vực này xấu đi. Các chất dinh dưỡng như N, P có nhiều trong nước thải sinh hoạt chính là các yếu tố gây nên hiện tượng phú dưỡng hóa.

3.2. Tác động của chất thải rắn đến môi trường:

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của người dân, từ các khu sản xuất, chế biến,... Rác thải loại này bao gồm các mảnh nylon, giấy vụn, thức ăn dư thừa, phế phẩm nông nghiệp,... Những tác động này ảnh hưởng đến môi trường là đáng kể nếu không được quan tâm và xử lý đúng mức.

3.3. Tác động đến môi trường không khí:

- Khu vực quy hoạch nhằm phục vụ hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, nhu cầu về ở và sinh hoạt hàng ngày,...nên ảnh hưởng đến môi trường không khí ở đây là đáng kể.

- Ngoài ra còn có những tác động khác ảnh hưởng đến môi trường như xảy ra hỏa hoạn tại khu vực sẽ làm ô nhiễm môi trường không khí, đất,...

4. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự thực hiện:

4.1. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực hiện:

Để cuộc sống của người dân phát triển bền vững, các tác động tiêu cực từ sinh hoạt, sản xuất đến môi trường cần được giảm thiểu bằng những giải pháp quản lý và công nghệ thích hợp.

- Bố trí các giải cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực.

- Thiết kế hệ thống thoát nước mặt, xử lý nước thải hợp lý.

- Thiết kế các hạng mục công trình tuân thủ các tiêu chuẩn thiết kế về vệ sinh an toàn lao động đối với công trình hạ tầng, công trình dân dụng. Các hạng mục công trình phát sinh bụi đều được bao che kín bằng hệ thống tole hoặc lưới chống bụi bao quanh khu vực dự án khi thi công công trình.

- Có biện pháp thu gom và xử lý chất thải thuộc từng khu vực của xã theo quy định chung đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chống bụi: Việc lưu thông các xe cơ giới gây ảnh hưởng đến môi trường không khí. Gây bụi trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu sản xuất,...Tuy nhiên, những ảnh hưởng này là không lớn do: Các phương tiện khi vận chuyển nhiên, nguyên liệu được vận chuyển bằng xe chuyên dùng, đối với các phương tiện không phải xe chuyên dùng thì sẽ được dùng bạt che chắn đảm bảo vệ sinh môi trường không khí.

- Xử lý chất thải rắn: Chất thải rắn trong sản xuất và sinh hoạt được thu gom vào nơi quy định.

- Xử lý nước thải: Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và quá trình thải sinh hoạt. Đối với nước thải trong quá trình sản xuất nên được xử lý trước khi thoát ra môi trường. Đối với nước thải sinh hoạt được xử lý qua hệ thống bể phốt trước khi thải ra môi trường trong khu vực.

4.2. Đề xuất các khu vực cách ly, bảo vệ môi trường cho các khu vực chức năng:

- Khu vực cách ly:

- + Vị trí Nghĩa trang nhân dân và Bãi rác tập trung được bố trí tại ấp Mỹ Thành là khu vực tập trung an táng và tập kết rác thải của xã, đây được đánh giá là khu vực có mức độ ô nhiễm môi trường không khí, đất và nước ngầm cao nhất trong toàn xã nên cần có những biện pháp cách ly phù hợp với môi trường xung quanh.

- Khu vực cần được bảo vệ: Khu vực trung tâm xã là khu vực cần được tăng cường bảo vệ về môi trường. Đây vừa là nơi điều hành quản lý chung cho toàn bộ hoạt động, vừa là nơi cung cấp các dịch vụ thiết yếu của xã. Xung quanh khu vực này cần tăng cường trồng cây xanh theo khuôn viên khu đất, nhằm tạo không gian xanh, sạch, đẹp và thoáng mát cho khu điều hành.

CHƯƠNG IX

DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các nhóm dự án:

1.1. Nhóm các dự án hạ tầng xã hội:

- Công trình hành chính;
- Công trình công cộng, dịch vụ;
- Công trình văn hóa, thể dục thể thao;
- Khu Trung tâm Chợ (Giai đoạn 2).

1.2. Nhóm các dự án hạ tầng kỹ thuật:

- Đường giao thông nâng cấp, mở rộng và giao thông quy hoạch mới;
- Hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước,...

2. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và kế hoạch thực hiện:

2.1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

Dự kiến thực hiện đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn kêu gọi đầu tư hoặc vốn ngân sách. Trong quá trình thực hiện dự án, trình tự ưu tiên có thể thay đổi tùy theo khả năng kêu gọi đầu tư và phân bổ ngân sách của địa phương.

2.1.1. Giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật:

Ưu tiên đầu tư các trục chính, trục liên xã trong khu quy hoạch trước để đảm bảo khung giao thông chính. Sau đó đầu tư đến các đường trục nội bộ, trục liên ấp, ngõ xóm để đảm bảo tính kết nối giao thông trong toàn xã.

- Lộ Tránh Chợ Mỹ Quới. Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác;

- Lộ B Kênh Tám Quế. Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác;

- Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 2). Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác;

- Các tuyến giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật khác,... Nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn kết hợp khác.

2.1.2. Công trình hạ tầng xã hội:

- Công trình văn hóa, thể dục thể thao xã và các khu văn hóa thể thao ấp. Nguồn vốn ngân sách;

- Công trình hành chính xã. Nguồn vốn ngân sách;

- Công trình công cộng, dịch vụ. Nguồn vốn ngân sách;
- Công trình thương mại – dịch vụ. Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư;
- Khu Trung tâm Chợ (Giai đoạn 2). Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư;
- Khu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Nguồn vốn ngân sách hoặc kêu gọi đầu tư;

CHƯƠNG X

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Vị trí địa lý và hạ tầng kỹ thuật của xã Mỹ Quới hiện tại thuận tiện cho việc phát triển kinh tế xã hội và đẩy nhanh tiến trình phát triển chung của xã, do đó sau khi hoàn thành các tuyến giao thông quan trọng địa phương sẽ có bước phát triển nhanh.

Tình hình ô nhiễm môi trường và dịch bệnh của xã được quản lý tốt, an ninh trật tự tại địa phương được giữ vững rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Địa phương cần phát huy lợi thế này trong thời gian tới để phát triển kinh tế xã hội.

Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán sinh hoạt, sản xuất của địa phương, những tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh của xã về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, con người cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thị xã và các ngành trên địa bàn xã, hướng tới các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Kiến nghị:

Phòng Quản lý đô thị kính trình Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm xem xét phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo.

PHẦN II: QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO ĐỒ ÁN

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng:

a. Quy định này hướng dẫn việc quản lý đồ án quy hoạch, xây dựng các công trình, đảm bảo kiến trúc cảnh quan và an toàn vệ sinh môi trường theo đúng nội dung đồ Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã được phê duyệt tại Quyết định số/..... ngày/...../2024 của UBND thị xã Ngã Năm.

b. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn xã thực hiện theo đúng Quy định này.

c. Chủ tịch UBND xã và các phòng ban chuyên môn chịu trách nhiệm về việc quản lý xây dựng đồ án quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:

1. Ranh giới quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu trên toàn xã Mỹ Quới, địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: xã Mỹ Bình, Phường 3.
- Phía Đông giáp: xã Vĩnh Lợi - huyện Thạnh Trị.
- Phía Nam giáp: tỉnh Bạc Liêu.
- Phía Tây giáp: tỉnh Bạc Liêu.

Xã Mỹ Quới có 9 Ấp: Mỹ Tây A, Mỹ Tây B, Mỹ Tường 1, Mỹ Tường A, Mỹ Tường B, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Đông 1, Mỹ Đông 2.

Quy mô diện tích toàn xã: 2.937,97 ha.

2. Quy mô, diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch:

2.1. Định hướng quy hoạch khu trung tâm xã:

2.1.1 Vị trí và quy mô:

Định hướng vị trí Khu Trung tâm xã lồng ghép Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn là khu vực giao nhau của 4 ấp Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Tường B, Mỹ Tây A, vị trí thuận lợi khi nằm tại điểm giao của 03

tuyến Đường huyện 75, Đường huyện 76 và Đường huyện 79C, tiếp giáp Rạch Mỹ Tây, Kênh Xáng, Kênh Thầy Cai Nhâm nên thuận lợi cả về đường thủy lẫn đường bộ.

- Có tứ cận như sau:
 - + Phía Đông: giáp đất ruộng;
 - + Phía Tây: giáp đất ruộng;
 - + Phía Nam: giáp đường mới mở vào khu di tích;
 - + Phía Bắc: giáp đất ruộng cách kênh Mỹ Quới khoảng 250m;
- Quy mô diện tích dự kiến: 88,63 ha.
- Dân số dự kiến: 7.000 – 8.000 người.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 35 - 40 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 50 m²/ người.

2.1.2 Phân khu chức năng:

Phát triển khu dân cư tập trung tâm xã với các khu chức năng:

- Khu hành chính tập trung;
- Công trình văn hóa – TDTT;
- Công trình giáo dục, y tế;
- Công trình Chợ, thương mại - dịch vụ;
- Khu ở mới, cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ;
- Đất hạ tầng kỹ thuật,...

2.1.3. Tính chất:

- Là khu hành chính tập trung, giáo dục, thể dục thể thao, chợ, nhà ở mới kết hợp cải tạo chỉnh trang, ở kết hợp thương mại dịch vụ.
- Là điểm dân cư tập trung đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.
- Là khu chế biến, tập kết nông sản, tập trung các công trình thương mại, tiêu thụ công nghiệp, khu sản xuất, hợp tác xã,... hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

3. Định hướng phát triển tuyến dân cư:

- Phát triển các tuyến dân cư theo các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch mới. Gồm có 3 tuyến dân cư:

Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 75:

- Quy mô diện tích dự kiến: 38 ha.

- Dân số dự kiến: khoảng 2.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 20 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 76:

- Quy mô diện tích dự kiến: 17,5 ha.
- Dân số dự kiến: khoảng 1.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 10 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

Tuyến dân cư nằm dọc theo trục Đường huyện 79C:

- Quy mô diện tích dự kiến: 43 ha.
- Dân số dự kiến: khoảng 2.000 người.
- Tính chất:
 - + Là tuyến dân cư hiện trạng kết hợp với khu ở mới.
 - + Là khu ở kết hợp sản xuất nông nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Nhu cầu đất ở: Khoảng 20 ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 100 m²/ người.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1. QUẢN LÝ THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (QUẢN LÝ CỨNG)

Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư:

Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu:

- Khu vực cải tạo:

- + Mật độ xây dựng tối đa: MĐXD 100%.
- + Tầng cao xây dựng : ≤ 4 tầng

*** Nhà ở mật độ cao:**

- Mật độ xây dựng tối đa: MĐXD 100%.
- Tầng cao xây dựng: ≤ 4 tầng
- Chiều cao công trình: ≤ 15 m
- Chỉ giới xây dựng: theo quy định tại mục Phần I, chương VII, mục 3 của đồ án này.

*** Nhà ở mật độ thấp:**

- Mật độ xây dựng tối đa: $\leq 50\%$.
- Tầng cao xây dựng : ≤ 3 tầng.
- Chiều cao công trình: ≤ 12 m
- Chỉ giới xây dựng: theo quy định tại mục Phần I, chương VII, mục 3 của đồ án này.

Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:

Các công trình công cộng gồm: Trường học, trạm y tế, trụ sở UBND, chợ, nhà văn hóa, thể dục thể thao...

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính để quản lý xây dựng các công trình công cộng được quy định theo bảng dưới

STT	Tên công trình	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao tối đa
	Công trình hành chính công cộng		
1	Trụ sở cơ quan hành chính xã	≤ 40	3-4
2	Trường mầm non	≤ 40	3
3	Trường tiểu học	≤ 40	3
4	Trường trung học cơ sở	≤ 40	3
5	Trạm y tế	≤ 40	3
6	Nhà văn hóa ấp	≤ 40	2

*** Công trình hành chính:**

- **Khu hành chính xã Mỹ Quới:** nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 5.874,7 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 4 tầng. Bao gồm:

+ Trụ sở Đảng Ủy – HĐND - UBND xã: gồm Đảng ủy, HĐND và UBND xã, các đoàn thể (hội nông dân, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, mặt trận tổ quốc,...)

+ Nhà Văn Hóa xã

+ Bộ phận một cửa và tiếp nhận

+ Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã

+ Nhà Truyền thống

+ Nhà Bia Ghi tên Liệt Sĩ

- **Trụ sở Công an xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 1.658,0 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Quy hoạch mới Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75, ấp Mỹ Tường B, diện tích đất khoảng 3.772,9 m², mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

*** Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng:**

Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 3 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng. Trong đó

- **Giữ hiện trạng Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Giữ hiện trạng Di tích Khu căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Giữ hiện trạng Thánh thất Minh Tiên:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 5.132,4 m².

Ngoài ra còn có các công trình tôn giáo, tín ngưỡng như:

- **Giữ hiện trạng Đình Thần Nguyễn Trung Trực:** vị trí nằm ở ấp ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 1.148,4 m².

- **Giữ hiện trạng Chùa Minh Đức:** vị trí nằm ở ấp ấp Mỹ Tường B, diện tích đất 4.957,4 m².

- **Giữ hiện trạng Chùa Khanarộn:** vị trí nằm ở ấp ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 27.613,0 m².

- **Giữ hiện trạng Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm ở ấp ấp Mỹ Tường 1, diện tích đất 403,9 m².

*** Công trình y tế:**

- **Trạm y tế xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp nút giao giữa Đường huyện 76 và 79C, diện tích đất 1.901,4 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

*** Công trình giáo dục:**

Hệ thống giáo dục xã Mỹ Quới cơ cấu tương đối đầy đủ với trường Mầm non, trường Tiểu học và trường THCS-THPT. Trong đó:

- Trường mầm non:

+ **Trường Mầm non Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75 ấp Mỹ Thành, diện tích đất 4.927,1 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Trường tiểu học: sau quy hoạch toàn xã còn có 3 điểm trường:

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 7.360,9 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ **Trường Tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm chính):** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Tây A-B, diện tích đất 4.233,4 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

+ **Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A):** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, diện tích đất 2.964,2 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- Trường trung học cơ sở:

+ **Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.961,9 m², hiện trạng xây dựng 2 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 3.107,9 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 3 tầng.

*** Các công trình hạ tầng kỹ thuật:**

- **Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76 và nút giao giữa Kênh Thầy Cai Nhâm (Rộc Lá) với Rạch Mỹ Tây, thuận lợi cả về giao thông thủy và bộ, bao gồm Khu nhà Lồng, kiot chợ, công trình nhà ở thương mại và sân, đường nội bộ. Tổng diện tích đất: 5.946,1 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang**, mật độ xây dựng: $\leq 40\%$, tầng cao tối đa: 4 tầng.

- **Quy hoạch mới Khu Trung tâm Chợ Mỹ Quới giai đoạn 2:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tường B, Lộ Mỹ Tây A-Mỹ Tây B và nút giao giữa Kênh Thầy Cai Nhâm (Rộc Lá) với Rạch Mỹ Tây, kết nối liên hoàn với Khu Trung tâm chợ hiện hữu, thuận lợi cả về giao thông thủy và bộ, bao gồm các hạn mục: Khu nhà Lồng, kiot chợ, công trình nhà ở thương mại và sân, đường nội bộ. Tổng diện tích đất khoảng: 4.036,2 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 4 tầng.

- **Bưu Điện:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 241,0 m², hiện trạng xây dựng 1 tầng. **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Trụ sở Điện Lực:** vị trí nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 1.685,5 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Trạm cấp nước:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 230,3 m². **Quy hoạch nâng cấp, chỉnh trang,** mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Giữ hiện trạng Bãi rác xã Mỹ Quới:** vị trí nằm cặp Đường huyện 75, diện tích đất 6.419,0 m².

*** Nghĩa Trang:**

- **Giữ hiện trạng Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa):** vị trí tại ấp Mỹ Thành, nằm cặp Đường huyện 76, diện tích đất 14.770,4 m².

*** Các công trình văn hóa, thể thao:**

- **Quy hoạch mới Khu văn hóa thể thao xã Mỹ Quới:** vị trí nằm trong khu vực Trung tâm xã, tiếp giáp với Đường huyện 79C, diện tích đất 2.000,0 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 3 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Thành:** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Thành, diện tích đất 904,5 m². **Quy hoạch nâng cấp** từ Nhà SHCĐ, diện tích đất 904,5 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa tối thiểu 300 m², Khu thể thao ấp tối thiểu 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tây A:** vị trí nằm cặp Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B, diện tích đất 80,0 m². **Quy hoạch nâng cấp, mở rộng** từ Nhà SHCĐ, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao ấp 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tây B:** vị trí nằm cặp Lộ B Kênh Chòm Tre, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao ấp 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường A:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 746,1 m². **Quy hoạch nâng cấp, mở rộng** từ Nhà SHCD, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường B:** vị trí nằm cặp Lộ B Mỹ Tường A-B, diện tích đất 800,00 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Thọ:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 800,0 m². Được nâng cấp từ một phần đất của Khu hợp tác xã ấp Mỹ Thọ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Tường 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 1.468,4 m². **Quy hoạch nâng cấp** từ Nhà SHCD, diện tích đất 1.468,4 m². Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa tối thiểu 300 m², Khu thể thao tối thiểu 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Đông 1:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79A, diện tích đất 800,0 m². Được chuyển đổi từ một phần đất của Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 1 cũ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

- **Quy hoạch mới Nhà văn hóa – Khu thể thao ấp Mỹ Đông 2:** vị trí nằm cặp Đường huyện 79C, diện tích đất 800,0 m². Được chuyển đổi từ một phần đất của Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 2 cũ. Trong đó: diện tích đất Nhà Văn hóa 300 m², Khu thể thao 500 m², mật độ xây dựng: ≤ 40%, tầng cao tối đa: 2 tầng.

STT	VỊ TRÍ	TÊN CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH ĐẤT HIỆN TRẠNG (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH (m ²)	GHI CHÚ
1	ấp Mỹ Thành	Khu hành chính xã Mỹ Quới, trong đó bao gồm + Trụ Sở Đảng Ủy - HĐND - UBND xã + Trụ Sở Ban chỉ huy quân sự xã (định hướng di dời) + Bộ phận một cửa và tiếp nhận + Nhà văn hóa xã + Nhà Truyền Thống + Nhà Bia Tưởng Niệm	5.874,7	-	Nâng cấp, chỉnh trang

2	ấp Mỹ Thành	Bưu Điện	241,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
3	ấp Mỹ Thành	Trụ sở Công an xã	1.658,0	-	Nâng cấp, chỉnh trang
4	ấp Mỹ Tường B	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự	-	3.772,9	Quy hoạch mới
5	ấp Mỹ Thành	Trạm Y Tế	1.901,4		Nâng cấp, chỉnh trang
6	ấp Mỹ Thành	Khu văn hóa thể thao	-	2.000,0	Quy hoạch mới
7	ấp Mỹ Thành	Điện Lực	1.685,5	-	Nâng cấp, chỉnh trang
8	ấp Mỹ Thành	Khu Trung tâm Chợ hiện trạng	5.946,1	-	Nâng cấp, chỉnh trang
9	ấp Mỹ Tây A	Khu Trung tâm Chợ Quy hoạch (Giai đoạn 2)	-	4.036,2	Quy hoạch mới
10	ấp Mỹ Tây A	Trường Mẫu giáo Mỹ Quới	4.927,1	-	Nâng cấp, chỉnh trang
11	ấp Mỹ Thành	Trường Tiểu học Mỹ Quới 1	7.360,9	-	Nâng cấp, chỉnh trang
12	ấp Mỹ Tây A	Trường Tiểu học Mỹ Quới 2	4.233,4	-	Nâng cấp, chỉnh trang
13	ấp Mỹ Tường A	Trường tiểu học Mỹ Quới 2 (Điểm Mỹ Tường A)	2.964,2	-	Nâng cấp, chỉnh trang
14	ấp Mỹ Thành	Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	14.961,9	-	Nâng cấp, chỉnh trang
15	ấp Mỹ Thành	Khu nhà ở tập thể Trường THCS - THPT Lê Văn Tám	3107,9		Nâng cấp, chỉnh trang
16	ấp Mỹ Tây A	Trạm Cấp nước	230,3	-	Nâng cấp, chỉnh trang
17	ấp Mỹ Thành	Bãi rác xã Mỹ Quới	6.419,0	-	Giữ hiện trạng
18	ấp Mỹ Thành	Nghĩa Trang nhân dân (Nghĩa địa)	14.770,4	-	Giữ hiện trạng
19	ấp Mỹ Đông 1	Di tích Khu Căn cứ	2.207,4	-	Giữ hiện trạng
20	ấp Mỹ Tây B	Chùa Khanarôn	27.613,0	-	Giữ hiện trạng
21	ấp Mỹ Tây B	Thánh Thất Minh Tiên	5.132,4	-	Giữ hiện trạng
22	ấp Mỹ Tường B	Chùa Minh Đức	4.957,4	-	Giữ hiện trạng
23	ấp Mỹ Tường B	Đình Thần Nguyễn Trung Trực	1.148,4	-	Giữ hiện trạng
24	ấp Mỹ Tường 1	Miếu bà Chúa Xứ ấp Mỹ Tường 1	403,9	-	Giữ hiện trạng
25	ấp Mỹ Đông 1	Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông	4.037,6	-	Giữ hiện trạng
26	ấp Mỹ Thành	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Thành	904,5	-	Được nâng cấp từ nhà SHCĐ
27	ấp Mỹ Tây A	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tây A	300,0	800,0	Được nâng cấp từ nhà SHCĐ
28	ấp Mỹ Tây B	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tây B	-	800,0	Quy hoạch mới

29	ấp Mỹ Tường A	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường A	746,1	800,0	Được nâng cấp từ nhà SHCĐ
30	ấp Mỹ Tường B	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường B	-	800,0	Quy hoạch mới
31	ấp Mỹ Thọ	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Thọ	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất của Khu hợp tác xã
32	ấp Mỹ Tường 1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Tường 1	1.468,4	-	Được nâng cấp từ nhà SHCĐ
33	ấp Mỹ Đông 1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Đông 1	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất là Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 1 cũ
34	ấp Mỹ Đông 2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Đông 2	-	800,0	Được chuyển đổi từ một phần đất là Trường Tiểu học Mỹ Quới 1 - Điểm Mỹ Đông 2 cũ

Điều 5. Đất sản xuất:

1. Đất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, ...

Quản lý theo quy định của Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ,...

Quản lý theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư 01/2021/TT-BXD, và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Đất cây xanh:

Mật độ xây dựng trong khu đất công viên cây xanh $\leq 5\%$

Diện tích cây xanh trong công trình được quy định theo bảng dưới

STT	Tên công trình	Diện tích cây xanh (%)
-----	----------------	------------------------

	Công trình hành chính công cộng	
1	Trụ sở cơ quan hành chính xã	≥ 30
2	Trường mầm non	≥ 30
3	Trường tiểu học	≤ 30
4	Trường trung học cơ sở	≤ 30
5	Trạm y tế	≥ 30
6	Nhà văn hóa	≥ 30

Điều 7. Các khu vực bảo tồn, di tích, thắng cảnh, cấm xây dựng:

1. Hiện nay trên địa bàn xã có tổng số 3 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, cần được giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Trong đó:

- **Di tích Miếu bà Chúa Xứ Mỹ Đông:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc Gia, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Di tích Khu căn cứ Huyện ủy Thạnh Trị - Ngã Năm:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Đông 1, diện tích đất 2.207,4 m².

- **Thánh thất Minh Tiên:** Được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa cấp Tỉnh, vị trí nằm ở ấp Mỹ Tây B, diện tích đất 5.132,4 m².

2. Vùng cấm xây dựng:

Trong khi thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao xã Mỹ Quới cần phải tuân thủ các quy định chuyên ngành về khu vực bảo vệ và khoảng cách vệ sinh, an toàn, không được xây dựng tại những khu vực sau:

- Khu vực bảo vệ an toàn mạng lưới điện cao thế, hệ thống cấp nước.
- Hệ thống cây xanh bảo vệ ven sông, kênh rạch (tính từ sát bờ sông kênh rạch trở vào trong).
- Khu vực đê bao kênh thủy lợi.
- Lộ giới của hệ thống giao thông.

Điều 8. Khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng:

Trên địa bàn xã có không có khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng.

Điều 9. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

1. Giao thông: (kèm theo danh mục)

Danh mục công trình giao thông

Stt	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Mặt đường Hiện trạng (m)	Mặt cắt Quy hoạch			Kết Cấu	Định hướng
						Lề (m)	Mặt (m)	Lề (m)		
HỆ THỐNG GIAO THÔNG QUỐC GIA				6,00						
1	CT.35 Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	Ranh Tỉnh Bạc Liêu	Ranh Tỉnh Bạc Liêu	6,00	Đất	Theo QH cấp trên			Theo QH Tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
ĐƯỜNG HUYỆN				19,32						
1	Đường huyện 79A (Đoạn 1)	Ranh xã Mỹ Bình	Kênh Ngang Dừa	9,82	2,5 - 3,0	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
	Đường huyện 79A (Đoạn 2)	Kênh Ngang Dừa	Ranh Phường 3	4,20	Đất	Phạm vi dành cho đường bộ 32m			Theo QHC Thị xã	
2	Đường huyện 76 (Đoạn 1)	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 75	2,50	5,5	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
	Đường huyện 76 (Đoạn 2)	Đường huyện 75	Đường huyện 79A	2,80	Đất	Phạm vi dành cho đường bộ 32m			Theo QHC Thị xã	
ĐƯỜNG TRỤC XÃ, LIÊN XÃ				10,12						
1	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	Đường huyện 79A	5,12	5,0	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				
2	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	Ranh xã Vĩnh Lợi	5,00	3,5	Phạm vi dành cho đường bộ 32m				

ĐƯỜNG TRỤC ÁP, LIÊN ÁP				4,15						
1	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	Đường huyện 75	Đường huyện 79A	3,00	3,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ Mỹ Tân	Đường huyện 75	Ranh xã Mỹ Bình	1,15	3,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, gia cố lề
ĐƯỜNG TRỤC NGÕ XÓM		Giai đoạn QH đến năm 2025: - Đường đạt chuật cấp D là 36km- Đường chưa đạt chuẩn là 1,65km		53,47	Đạt tiêu chí:	95,6%	Quy hoạch mới giai đoạn 2025: 1,65kmQuy hoạch mới giai đoạn 2026- 2030: 15,82km			
1	Lộ B Mỹ Tây A-B	Kênh Huỳnh Yển	Đường huyện 79A	2,85	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
2	Lộ B Mỹ Tường A-B	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	3,30	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
3	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Ranh Mỹ Thọ	Đường huyện 79A	4,80	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
4	Lộ Mỹ Tường B	Chợ GD2	Đường huyện 79A	3,30	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
5	Lộ A Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
6	Lộ B Kênh Chòm Tre	Lộ B Mỹ Tây A-B	Ranh Phường 3	2,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
7	Lộ Hai Sĩ - 10 Sự	Đường huyện 75	Lộ Mỹ Tây A- Mỹ Tây B	2,10	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
8	Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	ấp Mỹ Tường 1	1,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
9	Lộ A Kênh Sáu Lục	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng

10	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1)	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Nhà Ông Nguyễn Văn Chánh	0,80	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
11	Lộ A Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
12	Lộ B Kênh Ba Cui	Đường huyện 79C	Ranh xã Mỹ Bình	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
13	Lộ A Bung Sen	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	1,30	2,5	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
14	Lộ A Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	kênh Mười Gà	1,35	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
15	Lộ B Kênh 7 Cui	kênh Thầy Cai Nhâm	Đường huyện 76	1,55	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
16	Lộ Kênh Mười Gà	kênh Thầy Cai Nhâm	Cầu 3 Thủ	1,20	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
17	Lộ B Mỹ Thành	Đường huyện 76	kênh Mười Gà	1,45	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng
18	Lộ A Mỹ Thành	Đường huyện 76	Đường huyện 75	0,50	3,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, gia cố lề
19	Lộ Huỳnh Yên	Lộ Mỹ Tân	Lộ B Mỹ Tây A-B	0,25	2,0	0,5	3,5	0,5	BTCT	Nâng cấp, mở rộng

ĐƯỜNG NGÕ XÓM QUY HOẠCH MỚI GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

1	Lộ Tránh Chợ Mỹ Quới	Đường huyện 76	Đường huyện 75	1,65	Đất	0,5	5,0	0,5	Nhựa	Quy hoạch mới
---	----------------------	----------------	----------------	------	-----	-----	-----	-----	------	---------------

ĐƯỜNG NGÕ XÓM QUY HOẠCH MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1	Lộ B Kênh Tám Quế	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,30	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
2	Lộ A Kênh Tám Quế (Đoạn 2)	ấp Mỹ Tường 1	Đường huyện 79A	1,15	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới

3	Lộ B Kênh Sáu Lục	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Đường huyện 79A	2,50	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
4	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 2)	Lộ A Miếu Tà Trắng (Đoạn 1)	Đường huyện 79A	1,85	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
5	Lộ B Miếu Tà Trắng	Lộ B Mỹ Thọ - Mỹ Đông 1- Mỹ Đông 2	Kênh nhánh 19/5	0,80	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
6	Lộ Giáp Rạch Cơ Nhì	Đường huyện 76	Lộ A Kênh Ba Cui	1,12	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
7	Lộ B Bung Sen	Đường huyện 79C	Đường huyện 76	1,30	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
8	Lộ B Mỹ Thành (Đối diện Đường huyện 76)	kênh Thầy Cai Nhâm	Ranh xã Mỹ Bình	2,40	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
9	Lộ Kênh Năm Bình	Lộ Mỹ Tân	Đường huyện 75	1,40	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới
10	Lộ Kênh 2 Hòa - 3 Hòa	Lộ B Mỹ Tường A-B	Kênh Tám Quế	1,00	Đất	0,5	3,5	0,5	BTCT	Quy hoạch mới

- Đối với tuyến Đường CT.35 Cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu phạm vi hành lang an toàn đường bộ có bề rộng tính từ đất của đường bộ trở ra mỗi bên là 17m.

- Đối với dân cư hai bên tuyến Đường huyện 75, 76, 79A, 79C khu vực nằm ngoài trung tâm xã phạm vi dành cho đường bộ 32m. Đối với các đoạn mà đường huyện đi qua trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung thì theo quy hoạch chi tiết tại khu đó hoặc khuyến khích lộ giới quản lý 27m.

- Đối với dân cư hai bên các tuyến đường trục xã, liên xã, trục ấp, liên ấp, ngõ xóm còn lại lộ giới quản lý là 20m. Trong đó quy định chỉ giới xây dựng đối với các công trình phụ (như hàng rào, nhà bảo vệ,...) là 5,0m, các công trình chính là 10,0m tính từ tim đường.

- Đối với các đường nội bộ trong điểm dân cư khuyến nghị mở rộng lộ giới tối thiểu đảm bảo tiêu chuẩn về cấp đường nội bộ theo Bảng 3, QCVN 07:2016/BXD của Bộ Xây dựng.

- Dọc theo các tuyến đường cải tạo, mở rộng và quy hoạch xây dựng mới bố trí đường ống cấp nước nằm dưới lề gia cố (phía đất nhà dân) nhằm sửa chữa dễ dàng;

2. Cấp điện:

- Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV dự kiến từ mạng điện quốc gia.

- Mạng lưới cấp: Lưới điện được cấp chính từ đường dây trung thế trên tuyến Đường huyện 75, 76,... cấp cho các điểm dân cư, tuyến dân cư và cấp cho tuyến phục vụ sản xuất, kinh doanh buôn bán các mặt hàng nông sản.

3. Cấp nước:

- Nguồn cấp:

Khai thác nguồn nước ngầm tại chỗ và xử lý sạch. Nước được xử lý tại các trạm cấp nước tập trung và cấp đến các hộ dân thông qua mạng đường ống.

Hiện trạng xã có trạm cấp nước tại ấp ấp Mỹ Tây A diện tích đất khoảng 230,3 m², Công suất: 1.440m³/ ngày-đêm đảm bảo phục vụ cho toàn xã.

- Mạng lưới cấp: Tại các điểm dân cư tập trung: mạng đường ống cấp chính đi theo trục đường chính của xã với đường kính Ø150, Ø90. Còn lại các ống nhánh sử dụng ống Ø60.

4. Thoát nước mưa:

- Thoát nước mưa đối với khu vực trung tâm xã bố trí hệ thống công thoát nước mưa, sau đó thoát ra hệ thống sông ngòi, kênh rạch,...
- Đối với các khu vực ngoài trung tâm xã nước mưa được thoát theo độ dốc tự nhiên ra sông ngòi, kênh rạch,...

5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Tổng nước thải bằng 80% lượng nước cấp.
- Nước thải tại các điểm dân cư và các công trình công cộng: Nước thải được xử lý qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi thoát vào hệ thống chung. Đối với trung tâm xã bố trí bể xử lý nước thải sơ bộ để xử lý trước khi thải ra kênh rạch tự nhiên.
- Nước thải tại các công trình phục vụ sản xuất phải xử lý đạt chuẩn trước khi thoát ra kênh rạch hiện hữu.
- Đối với các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,... khi triển khai trên địa bàn xã phải xây dựng khu xử lý riêng và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng nước thải trước khi nước thải được xả ra môi trường.

b. Phương án thu gom, cơ sở xử lý chất thải rắn:

- Hiện tại có đơn vị thu gom rác định kỳ phục vụ cho các hộ tuyến trung tâm xã và các trục Đường huyện,...; còn các hộ dân ở tuyến lộ nông thôn xe thu gom rác không đến được thì các hộ đào hố xử lý.
- Chất thải rắn từ các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công trình phục vụ sản xuất: chủ đầu tư (chủ doanh nghiệp) có trách nhiệm hợp đồng với đội thu gom hoặc nhà máy xử lý rác tập trung để xử lý triệt để.
- Chất thải y tế nguy hại sẽ được xử lý tại lò đốt rác y tế đúng chuẩn được đầu tư cho trạm y tế trung tâm xã.
- Phải xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao, hầm cá.
- Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý hợp vệ sinh.

- Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết phải ≥ 20 m. Khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý CTR phải đảm bảo các quy định tại điểm 2.12.4 (QCVN 01:2021/BXD).

c. Nghĩa trang:

+ Theo QCVN 01:2021/BXD quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04 ha/1.000 người. Nhu cầu nhu cầu táng của xã là $11.066 * 0,04 / 1000 = 0,44$ ha

+ Nghĩa Trang nhân dân hiện trạng (Nghĩa địa) tại ấp Mỹ Thành, diện tích đất 1,47ha đảm bảo phục vụ nhu cầu mai táng cho toàn xã.

+ Khuyến khích người dân an táng mộ vào nghĩa trang tập trung của xã nhằm đảm bảo vệ sinh và cảnh quan môi trường.

+ Phải bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng quy hoạch mới với chiều rộng ≥ 10 m;

MỤC 2. QUẢN LÝ THEO ĐẶC ĐIỂM CỦA TỪNG ĐỊA PHƯƠNG, VÙNG MIỀN (QUẢN LÝ MỀM, THEO HƯƠNG ƯỚC VÙNG MIỀN)

Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Hình thức kiến trúc đơn giản, hiện đại, không bố trí nhiều chi tiết ở các mặt tiền công trình.

- Màu sắc chủ đạo: sử dụng màu sáng nhẹ cảm giác dễ chịu. Không sử dụng quá 04 màu, không sử dụng màu đen, cam, đỏ, màu đậm và màu tối sẫm làm màu chủ đạo bên ngoài.

- Vật liệu chủ đạo: Nhà khung bê tông cốt thép chịu lực, tường xây gạch; bao che: tường xây gạch, mái lợp tole. Không sử dụng vật liệu tạm, thô sơ để che chắn.

- Hàng rào: chỉ áp dụng đối với các dãy nhà có khoảng lùi xây dựng (được phép xây dựng trong ranh lô đất, không vi phạm lộ giới. Hình thức hàng rào thông thoáng, tường xây cao không quá 0,6m.

Điều 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

Quy định theo Điều 9, Mục 1, Chương II trong quy định này.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt và quy định cụ thể của quy định này để hướng dẫn thực hiện.

Điều 14. Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và quy định cụ thể của Quy định này được ấn hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Sở Xây dựng Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân thị xã Ngã Năm;
- Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia thị xã Ngã Năm;
- Phòng Quản lý đô thị thị xã Ngã Năm;
- Phòng Kinh tế thị xã Ngã Năm;
- Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Mỹ Quới.

PHỤ LỤC
BẢN VẼ